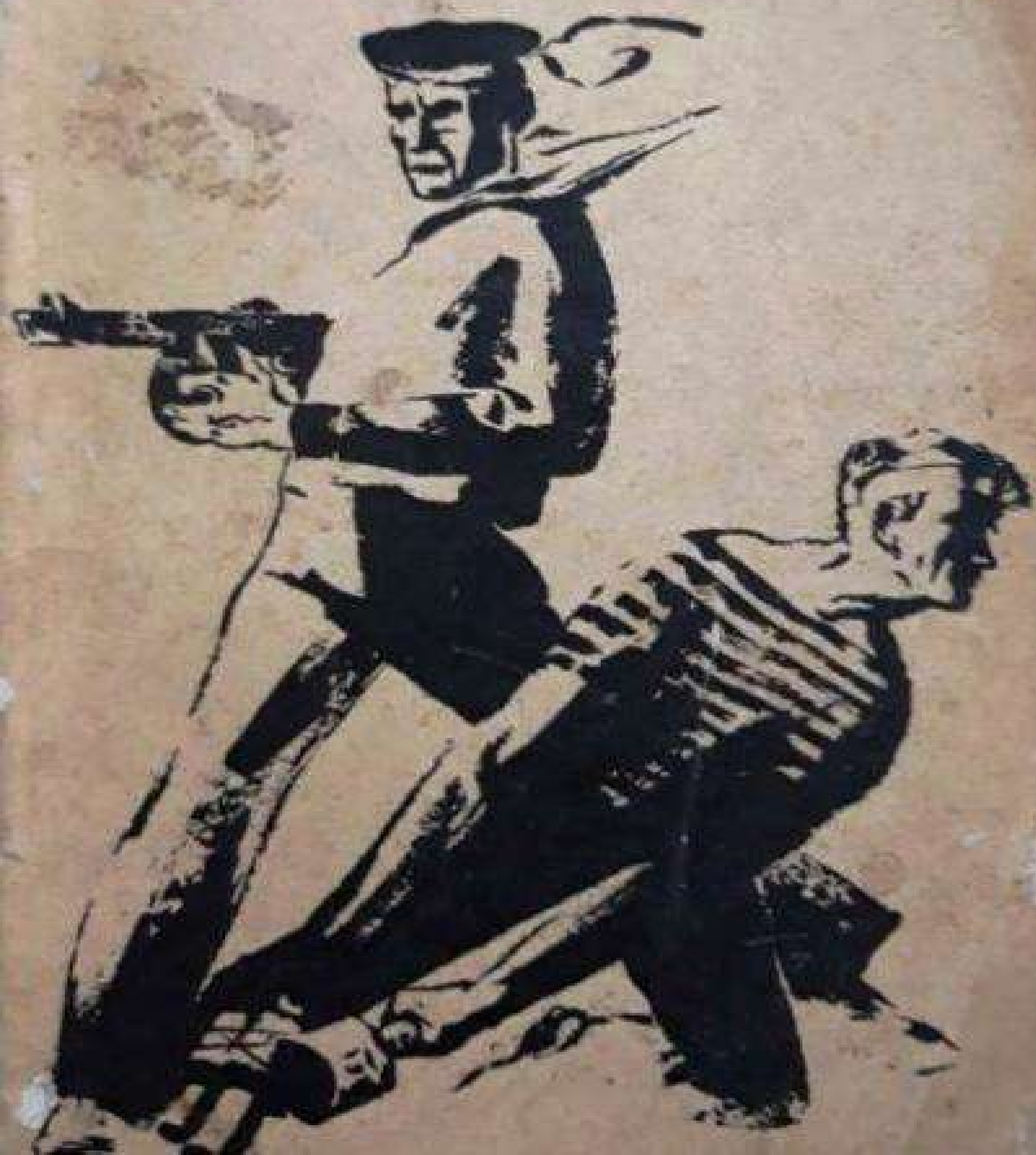
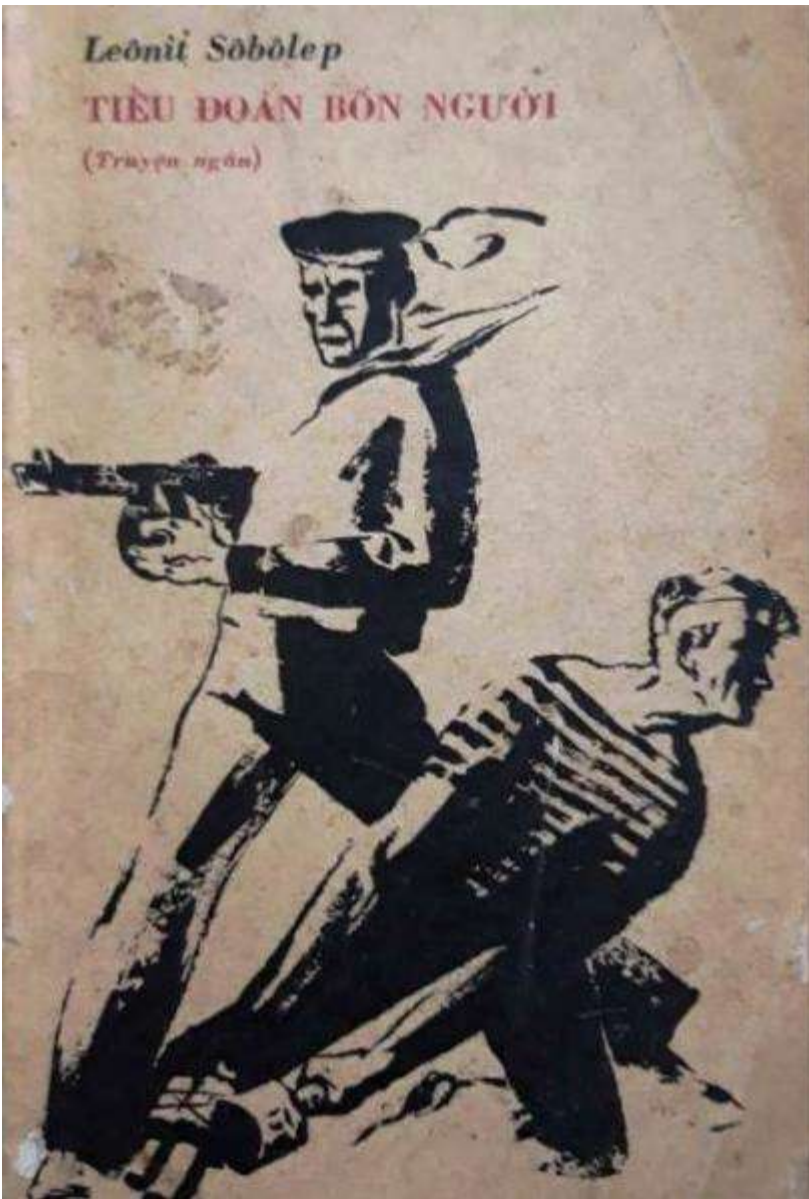


Leônid Sobolep

Tiểu đoàn Bốn người

(Truyện ngắn)





[Tiểu đoàn bốn người](#)

Tên sách: Tiểu đoàn bốn người

Nhà xuất bản: Tiến bộ Matxcova

Bản dịch: Nguyễn Việt Nga

Số hóa: macbupda

TIỂU ĐOÀN BỐN NGƯỜI

Đối với Mikhain Nêgreba thì trận đánh ấy bắt đầu từ lúc anh nhảy vào trong đêm. Nói cho đúng hơn là từ lúc một cái đẩy nhẹ rất thân ái nhưng cũng rất hiệu nghiệm, vào lưng, người ta giúp anh nhảy ra khỏi cửa máy bay vì tự

dưng anh đứng sững lại ở đây làm cản trở những người khác.

Anh bay trong đêm một đoạn tương đối dài trước khi quyết định kéo vòng mở dù vì đây là lần nhảy dù đầu tiên nên anh sợ mắc dù vào đuôi máy bay.

Nhưng chiếc dù đã ngoan ngoãn sò ra và nếu như Nêgreba có thể trông thấy anh bạn Côrôlep ở bên cạnh thì chắc thế nào anh cũng nhay nháy cái mắt ý nói với bạn rằng: «Mọi việc cứ theo đúng như ý bọn mình!»

Cách đây hai tuần, ở Xêvaxtôpôn, người ta có thành lập một đội những người nhảy dù tình nguyện. Tất nhiên là cả Côrôlep và Nêgreba đều không thể để

lỡ dịp này và cả hai khi được hỏi trước đây đã nhảy dù lần nào chưa đều khẳng khái trả lời: «Dĩ nhiên... bảy lần, lúc còn ở câu lạc bộ hàng không».

Có thể nói là đã nhảy hơn hai chục lần cho người ta tin hơn, nhưng sợ lại phải làm hướng dẫn viên thì chết! Chỉ cần qua cái lần xếp dù đầu tiên khi cả

hai đều lúng túng mãi với cái túi rộng khó bảo này (lại còn làm ra vẻ ta đây có kinh nghiệm mà phê phán cái kiểu xếp này chứ) và cứ phải liếc trộm xem những người khác làm thế nào để bắt chước cách đeo dù và kéo dây dù, thì cũng đã đủ biết.

Nhưng mọi việc đều đầu vào đấy cả và bây giờ Nêgreba đang bay trong bầu trời đêm và ngạc nhiên với sự yên tĩnh của nó. Tiếng súng nổ không vang lên tới độ cao này, nhưng vẫn thấy rõ những luồng

đạn lửa nhấp nhóang quanh khắp Ôđetxa và các chiến hạm từ biển vẫn đang bắn vào bờ yếm họ

cho trung đoàn thủy quân đổ bộ (những người lính nhảy dù sẽ phải từ hậu phương địch tiến ra phối hợp với trung đoàn này). Có một đám cháy to trong thành phố, ngọn lửa bốc lên cao và đỏ rực như máu. Còn nơi Nêgreba phải nhảy xuống thì lại tối mịt mù.

Nhưng chỉ một lát sau là anh đã nhận ra ở đây có những chấm lửa nhỏ.

Quang cảnh giống như khi bạn từ trên cột buồm cao nhìn xuống sàn chiến hạm, nơi có rất nhiều người đang hút nốt những điếu thuốc vợi rít luôn mấy hơi dài liên tục. Đây là đường hỏa tuyến, cần phải nhảy xuống phía sau con đường ấy, nhảy vào hậu phương địch. Nêgreba kéo một bên dây dù, như đã được hướng dẫn, và anh bay chéo qua đường hỏa tuyến.

Có lẽ anh đã hạ xuống một nơi quá xa mặt trận nên tuy đã bò suốt một giờ

đồng hồ trong đêm rồi mà chẳng gặp một ai. Bất thành linh như có cái gì chặn lấy cổ anh và anh vội rút dao găm ra đâm phập vào bóng tối. Thành ra

anh mắc vào đường dây điện thoại. Nêgreba bèn lấy kim trong túi ra, vừa bò theo đường dây vừa cắt nó ra từng đoạn. Anh chợt nghĩ ra rằng đường dây có thể dẫn anh đến vị trí của địch và ở đây mà bố trí một hỏa điểm tiểu liên thì tuyệt.

Sau một giờ bò theo đường dây anh đến một bụi rậm. Qua lớp sương mù buổi sớm Nêgreba thấy ba con ngựa và một tên lính gác đứng cạnh. Người thấy mùi người lạ, ngựa bèn rống lên làm Nêgreba phải nán đợi cho chúng quen mùi một lát. Trong cái khoảnh khắc thời gian ấy anh đã kịp quyết định khử tên lính gác, nhảy phốc lên ngựa rồi phóng thẳng qua các làng và vừa phóng vừa bắn bọn địch. Tay trái cầm súng, tay phải cầm dao găm Nêgreba bò dần đến tên lính gác. Anh đang bò thì cánh tay phải của anh bất ngờ tụt xuống

một chiếc hồ và chạm phải một vật gì mềm mềm ở đáy. Anh hoảng quá sững sốt cả người. Không hiểu từ đâu ở dưới đất thấy có tiếng nói to.

Cuối cùng Nêgreba mới hiểu: cái mềm mềm và lũng nhùng mà anh chạm phải là tấm chắn che lỗ thông hơi của chiếc hầm dưới gò đất. Nghe rõ tiếng Đức, tiếng giày đi ngựa va vào nhau loảng xoảng và tiếng đánh máy chữ

lách cách ở trong hầm. Nêgreba thận trọng lấy dao găm rạch chắn ra để

nhìn vào hầm. Chắc đây phải là ban chỉ huy tiểu đoàn hay ban chỉ huy trung đoàn gì đó. Bọn sĩ quan phát xít xúm quanh tấm bản đồ để trên bàn. Một tên sĩ quan có bộ râu đen đã lâu ngày chưa cạo, đang chỉ chỗ một cách bức tức vào tấm bản đồ đó. Phía trong góc là những lính điện thoại ngồi trên chiếc ghế dài. Họ gọi một sĩ quan lại, tên này quát inh ỏi vào ống nói. Nhân lúc âm ỉ Nêgreba rút lựu đạn trong túi ra. Nhưng anh nghĩ một quả thì ít quá nên khi câu chuyện trong hầm lại trở nên ồn ào anh liền rút luôn quả thứ hai, quả thứ ba rồi buộc túm chúng lại. Vừa lúc định thả chùm lựu đạn qua lỗ

thông hơi vào hầm thì anh nghe thấy tiếng vó ngựa, có hai người đang phi tới. Hai tên này vào hầm thì tất cả bọn sĩ quan ở đây đều đứng dậy ngay vờn tư thế «nghiêm», — chắc hẳn trong số hai tên mới vào đó phải có một tên là chỉ huy quan trọng.

Nêgreba quăng lựu đạn qua lỗ thông hơi rồi lăn nhào xuống một đám cỏ dại gần đấy. Tên lính gác vừa kịp kêu lên thì căn hầm đã nổ tan tành và hắn cũng biến đi mất tích.

Khi Nêgreba bò đến gần tuyến hào tiền tiêu của địch thì trời đã sáng rõ. Anh đành chui vào đồng cỏ khô cạnh đấy để đợi. Vừa lúc ấy có một tên kỵ binh phóng qua. Đầu rạp xuống cổ ngựa, hắn phi nước đại, mắt nhìn ngang nhìn

ngựa về sợ hãi. Nêgreba còn đang chĩa khẩu tiểu liên về phía hắn thì một băng tiểu liên đã vang lên gần đầu đây làm tên kỵ binh ngã

gục. Nêgreba mừng quá, anh đoán chắc phải có một anh lính nhảy dù của ta nấp cạnh đây. Lại một tràng tiểu liên nữa và nhờ đó Nêgreba xác định được loạt đạn từ phía bụi cây bên cạnh bắn ra.

Anh định bò theo bãi ngô sang với người đồng chí (dù sao hai người cũng vẫn hơn), bỗng ở ngay chỗ bụi cây ấy mìn nổ tung hết quả này đến quả khác và khẩu tiểu liên im bật. Mấy tên phát xít nhảy ra khỏi chiến hào bắn lia lịa vào bụi cây nơi có người đồng chí không quen biết đang ẩn náu. Nêgreba bèn điểm thêm loạt đạn của mình vào cái tiếng súng loạn xạ ấy làm vài tên phát xít lăn quay, những tên còn lại toán loạn bỏ chạy vào bãi ngô. Tất cả lại trở nên im lặng và chỉ còn nghe thấy tiếng súng nổ từ xa vọng lại.

Anh bò đến bụi cây và thấy Lêonchep bị thương nằm sấp ở đấy. Nêgreba lật anh lên. Lêonchep vừa mở mắt ra thì đã nhắm lại ngay khế nói:

— Misa... cậu bắn cho mình chết hẳn đi... chẳng nào mình cũng không thoát...

Nhìn khuôn mặt trắng bệch như sáp của người bạn, Nêgreba bỗng hiểu rõ rằng số phận của anh cũng sẽ chấm dứt ở đây, trong cái bụi cây này: anh không đủ sức để cõng Lêonchep qua suốt mặt trận mà bỏ anh ta lại đây một mình hay thực hiện yêu cầu của anh ta thì anh lại càng không thể làm được.

Anh cảm thấy giá lạnh và chán chường, tự thề trách mình — việc gì mà lại bò đến đây... Cứ đi một mình, nguyên vẹn, khỏe mạnh, thế nào mà chẳng thoát... Nhưng tuy sự thương thân và lòng luyến tiếc cuộc sống riêng mà vì người khác anh đành phải hy sinh có bóp chặt trái tim anh lại thì anh cũng vẫn đành nằm xuống bên Lêonchep và cố nói với một giọng vui vẻ:

— Anh bạn ơi, cái việc ấy thì lúc nào làm mà chẳng kịp... Để cho tớ băng bó cho cậu đã... Bọn mình cùng nghỉ ngơi một lúc; chẳng gì thì chúng ta cũng hai đứa chứ có đơn thương độc mã đâu...

Nêgreba phải dùng hết cả hai cuộn băng, một cuộn của Lêonchep và một cuộn của mình, mới băng đủ. Anh đặt Lêonchep nằm lại cho thoải mái, đặt khẩu tiểu liên vào tay anh ta rồi nói:

— Cậu sẽ là khẩu đội mũi nhọn. Cứ nằm mà bóp cò, tha hồ làm ăn! Chúng mình sẽ đánh bật hết. Cạn nghe thấy không, quân ta đến gần rồi đấy!

Thực vậy, tiếng súng nổ dồn dập ngay ở phía trước mặt, đằng sau dãy chiến hào của bọn phát xít. Chắc trung đoàn đồ bộ đang tấn công bọn chúng. Song tình hình ấy chẳng làm cho họ dễ chịu hơn một tí nào vì rồi đây bọn phát xít bị đánh bật khỏi chiến hào sẽ rút chạy, mà bụi cây chỗ họ ẩn náu lại nằm ngay trên đường rút của chúng. Cần chuẩn bị đối phó với tình huống này.

Nêgreba xếp lựu đạn và các băng đạn ra phía trước mặt, anh quay hỏi Lêonchep:

— Cậu có lựu đạn không?

— Có, — anh này vừa trả lời vừa thử xem mình còn điều khiển được khẩu tiểu liên không, — ba quả... Nhưng cậu lấy lựu đạn thôi, còn đừng sờ đến băng đạn của tớ. Để tớ bắn... Misa này, bọn mình sẽ khừ hết trước khi chúng nó mò đến đây chứ?

— Dứt khoát rồi! — Nêgreba nói, và họ lại im lặng.

Trận đánh đã sát lại gần. Tiếng súng nghe càng rõ hơn. Mặt trời đã lên cao và từ mặt đất tỏa ra một hương vị ẩm áp, cay cay của cỏ. Ngồi đây để chờ

đội trận chiến đấu cuối cùng, cái trận chiến đấu mà anh biết chắc là sẽ phải hy sinh, quả là một việc thật khó. Ngay bên cạnh cách đây ba trăm mét có một khe núi, ở đấy có thể bố trí đánh thốc sườn bọn phát xít rất tốt. Nhưng anh không thể chuyển Lêonchep sang bên ấy được.

Anh cố buộc mình nhìn thẳng về phía trước, nhìn về phía chiến hào nơi bọn địch sắp xuất hiện. Và mong sao cho mọi việc xảy ra nhanh hơn: anh tưởng như mình không còn đủ thần kinh để chịu đựng nữa và nếu như sự chờ đợi này còn kéo dài thì anh sẽ bỏ Lëonchep ở lại đây một mình mà bò sang khe núi tránh con đường rút của những tiểu đoàn phát xít tháo chạy.

— Quân ta ở phía sau, — Lëonchep nói đột ngột. — Cậu nghe thấy không?

Bản thân Nêgreba cũng đã nghe thấy những loạt súng ngắn rành mạch ở

phía sau, nhưng anh không dám tin vào điều ấy. Lëonchep cựa mình và bằng một giọng khàn khàn anh hét lên yếu ớt:

— Anh em lính thủy ơi!.. Lại đây!..

Anh định đứng dậy, nhưng lại ngã xuống cỏ. Nêgreba thò đầu ra khỏi bụi cây

và không xa lắm, trong bãi ngô vàng kia anh nhìn thấy chiếc mũ nồi đen, rồi ngay bên trái một tí — chiếc thứ hai. Anh bèn đứng thẳng người vẫy gọi:

— Các bạn lính thủy ơi!.. Perepelixa, đồ quý, quay phải lên thành tàu, người mình cả đây mà!

Hai người lính nhảy dù kia chạy theo bãi ngô đến bụi cây.

Đấy là Perepelixa và Côticôp. Họ chui cả vào bụi cây và Nêgreba tóm tắt kể

cho họ nghe về tình hình và kế hoạch của mình: chạy sang khe núi rồi đánh thốc sườn bọn địch rút lui.

— Đây không phải là địa điểm tốt, bọn mình ở đây thì chúng bóp chết tươi như ngóe ngay, — anh nói. — Các cậu kéo Lëonchep đi, còn tớ sẽ yểm hộ.

Côticôp và Perepelixa nhắc người bạn bị thương lên. Anh này nghiền chặt răng và nhắm nghiền mắt lại vì mỗi lần sóc lại làm anh đau nhói. Chỉ còn cách khe núi chừng tám mươi mét thì tiếng súng từ giao thông hào vang lên và khoảng hơn chục tên phát xít nhảy ra. Nêgreba trả lời chúng bằng một tràng tiểu liên, nhưng hai chiến sĩ kia đành phải đặt Lêonchêp xuống tham gia chiến đấu. Đánh tan bọn địch, những người lính thủy lặn vào khe núi và họ gặp một anh lính nhảy dù nữa là Litôpchencô đang nằm ở đây. Xung quanh anh là những quả lựu đạn xóp gọn gẽ, và nòng khẩu tiểu liên của anh hơi nhếch cao hơn ngọn cỏ một ít. Gặp nhau, anh phần khởi nói:

— Thế mà tớ cứ nghĩ là tớ đi toi rồi! Nằm một mình ngán quá, bây giờ thì bọn chúng biết tay — chỉ có mà đếm chúng ngã thôi... Bây giờ thì không có sức nào địch nổi bọn mình được nữa rồi!

Lêonchep vẫn bất tỉnh. Nêgreba thấy băng đã thấm đầy máu. Anh xé chiếc áo lót thành từng mảnh băng bó lại cho bạn. Lúc ấy Perepelixa lôi bánh lương khô và sôcôla ra.

— Tranh thủ ăn sáng một tí chứ, — anh nói. Những người khác cũng lấy khẩu phần của mình ra. Nhưng bánh lương khô cứ tắc ở cổ, còn sôcôla thì dính chặt lấy miệng không làm sao nuốt được. Miệng đã khô cong vì chạy mà mặt trời thì lại cứ nóng như nung như nấu và giá thử phải trả bằng bất kỳ giá nào đi nữa để lấy một ngụm nước chắc họ sẽ đồng ý ngay. Bi đông nước của mọi người đã ráo hoảnh từ đêm qua, trừ bi đông của Litôpchencô là còn lại vài giọt, anh đưa cho Nêgreba:

— Để cậu ấy uống. Người nóng như lửa.

Nêgreba thận trọng đổ nước vào mồm Lêonchep. Anh này nuốt ngon lành và mở mắt nhìn bạn.

— Lêonchep, cố chịu nhé! — Nêgreba nói.— Cậu thấy đấy, bọn mình bây giờ

đông lắm... Dứt khoát chúng mình sẽ phá được vòng vây!

Lêonchep không trả lời và đôi mắt anh lại nhắm lại. Perepelixa khẽ nói:

— Nhìn này, bọn phát xít tháo thân...

Quả thật, một bọn phát xít đang bỏ chiến hào tháo chạy thẳng đến bụi cây mà anh em lính thủy vừa rút khỏi. Sáu tên đeo tiểu liên chạy nhanh hơn cả.

Chạy đến bụi cây chúng nằm rạp xuống rồi quay súng nã vào những tên đang chạy theo.

— Đấy mới thật là chiến thuật! — Nêgreba ngạc nhiên. — Thế nào, các bạn lính thủy, ta giúp bọn phát xít một tay chứ... Nhưng đừng bắn bừa bãi như

chúng mà phải ngắm bắn chính xác từng thằng đấy!

Anh sẵn ống tay áo lên và bắn phát đầu tiên vào tên sĩ quan đang vung vẩy khẩu súng lục. Đạn của anh em lính thủy từ khe núi đánh thốc sườn vào bọn phát xít đang tháo chạy.

Kể ra cũng có thể không cần bắn. Vì đằng nào bọn phát xít cũng không phát hiện được cái nhóm người ẩn trong khe núi này và họ có thể cứ thế mà đi về

phía quân ta một cách an toàn. Nhưng họ lại bắn và để lộ sự có mặt của mình ở đây, họ bắn vì mỗi viên đạn diệt thêm một tên giặc, họ bắn để phối hợp với cuộc tấn công của tiểu đoàn lính thủy đổ bộ.

Dưới làn đạn ấy bọn sĩ quan không làm thế nào cản được quân lính của chúng bỏ chạy ra khỏi chiến hào và tập hợp được chúng lại. Nhóm tiểu liên phát xít bắt đầu nổ súng về phía những người lính thủy và một tên sĩ quan dẫn khoảng hai chục lính tiên về phía khe núi. Cuộc chiến đấu thực sự đã nổ

ra. Những người lính thủy liên tục đánh tan liền hai đợt tấn công của địch.

Đợt tấn công của bọn phát xít bị đập tan, chúng để lại trong bãi ngô và bên kia khe núi những thân hình bất động. Perepelixa ngấm bãi trện.

— Bọn mình hạ cũng khá đấy chứ! — anh hài lòng nói. — Còn đạn được thế

nào, các bạn?

Tình hình đạn được thì thật là gay. Anh em lính thủy đã dùng gần hết số đạn dự trữ. Bây giờ cơ sự còn nguy hiểm vì bọn phát xít ở vị trí bên cạnh cũng sắp chạy qua đây và thế nào cũng nhảy vào khe núi này. Nêgreba đề nghị

lại chuyển sang khe núi khác, ở đấy cũng có thể đánh thốc sườn bọn rút lui, nhưng khi nhìn Léonchep anh đành tự bỏ ý kiến của mình. Những người lính thủy lặng yên suy nghĩ. Sau đó Nêgreba nói:

— Làm thế nào được! Phải cầm cự thôi. Đạn phải giữ để phá vây. Bây giờ chỉ

được dùng lựu đạn, mà chỉ ném bọn nào vào gần thôi.

Họ lại im lặng chờ đợi. Perepelixa rút từ trong túi ra một khẩu súng lục sĩ

quan và nhìn băng đạn nói:

— Sáu viên. Bọn mình năm đũa. Đủ đấy. Bây giờ bắt thăm xem ai..? Hiểu chứ?

— Hiểu rồi.

— Đồng ý!

Anh ngắt bốn ngón cò, cắn ngắn một ngón đi rồi xếp đầu chúng bằng nhau trong nắm tay và giơ ra cho Litôpchencô.

— Cậu lấy đâu ra khẩu súng lục Đức thế? — vừa rút ngọn cỏ Litôpchencô vừa hỏi Perepelixa rồi khoan khoái nói: — tớ không trúng rồi, cỏ dài mà.

— Đêm qua mình khử một tên sĩ quan Đức, — Perepelixa trả lời — thấy khẩu này cũng chẳng nặng gì mà có lúc sẽ cần tới... Côticôp, cậu rút đi.

— Có lẽ để dành đạn mình hơn? — Côticôp vừa thận trọng rút ngọn cỏ vừa nói một cách do dự. — Dùng đạn của chúng, nó cũng vẫn thế nào ấy...

Ngọn cỏ của anh cũng dài.

— Nếu chúng nó bắn bị thương thì không dùng tiểu liên được đâu, chứ bằng khẩu này thì nằm cũng sử dụng được, — Perepelixa nói có vẻ thông thạo và rút cò. — Cũng dài. — Misa, thế là cậu nhé... Nhưng mà đừng vội đấy. Bao

giờ thật hết đường đã, rõ chứ?

— Rõ, — Nêgreba nói và đặt khẩu súng lục xuống cạnh.

— Thôi, chúng bắt đầu đấy! — Côticôp khẽ nói. — Đây, các bạn lính thủy ơi!.. Nếu không sao thì chúng mình lại gặp nhau nhé.

Họ im lặng. Chỉ thỉnh thoảng nghe thấy tiếng rên của Lêonchep mà thôi.

Perepelixa đưa tấm vải ngụy trang cho Nêgreba:

— Che vào, cậu nằm cứ giờ ra như con ngựa vằn ấy! Cách xa hàng hải lý vẫn thấy.

— Kệ cho chúng thấy! — Nêgreba trả lời. — Thế lại hay hơn, chúng sẽ biết mình là lính thủy.

Rồi họ lại im lặng nhìn bọn phát xít đang tiến về khe núi.

Bọn phát xít nhảy ra khỏi chiến hào, bắn trả lại lính thủy đổ bộ tấn công, chúng nằm rạp xuống đất, đưa nọ đề lên đưa kia rồi lại bật dậy chạy từng đoạn, khoảng năm sáu mét một. Chúng tiến thành một hàng dày đặc, đưa nọ sát đưa kia và cứ sau mỗi đợt chạy lại càng tới gần nhóm lính thủy hơn.

Gần một trăm tên chạy thẳng đến khe núi để mong tránh được những luồng đạn truy kích của trung đoàn lính thủy đổ bộ đang đuổi theo chúng. Chúng lại nằm xuống một lần nữa, bắn băng quơ vài băng rồi như cùng theo một mệnh lệnh chung, bật dậy chạy uà vào khe núi.

Anh em lính thủy đã nhìn thấy rõ những bộ mặt, lông lá lâu ngày không cạo, mồ hôi mồ kê và hoảng hốt của bọn phát xít. Bọn chúng gần đến nơi, mùi mồ hôi đập cả vào mũi anh em lính thủy. Chúng không hò hét, cùng nhau chạy vào khe núi.

Vừa lúc ấy, Nêgreba đứng phắt dậy chặn ngay đường đi của chúng. Trông anh hùng dũng và gọn gàng trong chiếc áo may ô kẻ ngang với khẩu tiểu liên bên tay trái, tay phải giơ lựu đạn.

— Này, nhận quà của thủy quân! — anh hung dữ quát lên và ném lựu đạn vào giữa đám phát xít. Tiếp theo là ba quả khác cũng từ khe núi ném ra.

Những tiếng nổ dữ dội làm nhiều tên phát xít lăn quay. Bọn còn lại dạt cả

sang hai bên lẫn trốn. Anh em lính thủy ném thêm bốn quả lựu đạn nữa và cái lối đi xuyên qua đội ngũ địch trở nên rộng hơn. Perepelixa gọi to:

— Misa, bọn mình có thể chạy thoát đấy! Cống Lêonchep đi!

Tất cả tức khắc hiểu ý anh và cùng nhau, mỗi người một tay, nhắc người bị

thương dậy. Họ chạy thốc vào lối đi vừa hình thành; cái đau làm Lêonchep thức dậy, anh cố nghĩ rằng chịu đựng cuộc chạy vùn vụt cuồng bạo này.

Khi họ đã vượt qua được chỗ đông quân địch rồi thì Lêonchep chợt thấy một toán phát xít đuổi theo. Anh nhìn Perepelixa năn nỉ:

— Bỏ mình lại... Các cậu chạy đi...

Perepelixa vừa chạy vừa làu bàu mắng anh, rồi anh lại im lặng.

Bọn phát xít đã đuổi đến gần. Bọn chúng có đến hàng trăm đứa mà anh em lính thủy chỉ có năm người. Nhận thấy điều ấy, bọn địch quyết định bắt sống những người lính thủy này. Một tên phát xít to lớn nhảy bổ đến định dùng lưỡi lê đâm Perepelixa. Côticôp buông chân Lêonchep ra bắn cho hắn một phát vào gáy, nhưng một tên khác lại xông đến anh. Perepelixa bèn nhặt lấy khẩu súng trường và dùng lưỡi lê đâm mạnh một nhát kết liễu đời tên này, rồi tên thứ hai, thứ ba. Vứt súng đi, anh giật quả lựu đạn đeo ở thắt lưng ra quăng vào đám lính đang chạy đến. Bọn này định quay lùi trở lại, nhưng quả

lựu đạn đã nổ ngay giữa chúng. Những tên sống sót nằm rạp xuống nổ súng.

Đạn réo xung quanh những người lính thủy. Perepelixa nằm xuống, anh quát to:

— Hai cậu khiêng Lêonchep đi, tớ với Côticôp bắn chặn chúng cho!

Những người lính thủy nằm sát xuống cỏ bắn những viên đạn cuối cùng.

Nêgreba và Litôpchencô bò kéo Lêonchep đi, hai anh kia vừa bò theo sau họ

vừa chặn bọn địch bằng những loạt đạn ngắn và chính xác. Bọn phát xít dừng lại, vội vã rút về hậu cứ, còn những người lính thủy

cũng bất ngờ lăn cả xuống chiến hào của bọn địch vừa bỏ chạy.

Ở đây họ mới hoàn hồn và nhìn kỹ lẫn nhau: đạn sướt má Côticôp, còn Perepelixa bị hai viên mắc ở bắp đùi. Litôpchencô cũng bị thương. Mấy chiếc áo thủy quân đều được xé ra dùng để băng bó hết.

Bọn phát xít đã chạy xa quá bụi cây, còn phía trước chắc là toàn quân ta.

Anh em lính thủy đặt Lêonchep nằm trong chiến hào, đem nước đến rửa mặt và cho anh uống rồi để cạnh anh một khẩu tiểu liên cùng mấy quả lựu đạn tìm thấy trong hầm. Nhìn thấy tất cả sự chăm sóc ấy Lêonchep mỉm cười, đôi mắt đầy lệ của anh đẹp hơn tất cả mọi lời, nói lên những tình cảm đang tràn ngập tâm hồn anh. Có lẽ cái nhìn ấy làm Nêgreba ngượng ngùng. Anh đứng dậy và nói với một vẻ quá nghiêm chỉnh:

— Cậu nằm đây, cánh tớ sẽ không lác cậu nữa đâu. Tí nữa sẽ có y tá và có cáng. Còn bọn mình đi tìm quân ta đây.

Và họ đứng thẳng dậy — bốn người mặc bốn bộ áo thủy quân kẻ ngang, đội bốn chiếc mũ nồi đen, thân thể họ đầy máu và băng bó bằng những mảnh quân phục, nhưng hùng dũng và sẵn sàng lại vượt qua hàng trăm tên địch.

Và hình như bản thân họ cũng thấy ngạc nhiên cái sức sống kỳ lạ của mình.

Perepelixa nói:

— Một người lính thủy chỉ là một người lính thủy, hai người lính thủy là một trung đội, ba người lính thủy — một đại đội... Chúng mình mấy đứa? Bốn?..

Tiểu đoàn, nghe lệnh tôi: bước đều... bước!

CHIẾC KHĂN MÀU XANH DA TRỜI

Những máy bay khu trục lần lượt hạ cánh, Trên buồng lái của một chiếc, tôi thấy có chiếc khăn màu xanh da trời bay phấp phới như lá cờ hiệu dài. Và tôi liền sực nhớ lại những cuốn tiểu thuyết đã đọc hồi còn trẻ. Chàng dũng sĩ

mặc áo giáp xông ra trận mạc và chiếc khăn mỏng nhẹ buộc trên cánh tay cầm kiếm đã cùng chàng đem tới nơi trận tuyến màu sắc thiêng liêng đối với người yêu huyền mỹ. Tôi mỉm cười thăm cái hình ảnh lãng mạn vừa trông thấy ấy. Đó là một chiếc khăn như muôn vàn chiếc khác, Anh em phi công hay quàng bằng những khăn lụa trơn chỉ để chiếc cổ cứng của bộ quân phục khỏi sát đến đỏ cả gáy. Có lẽ trong trận đánh vừa qua đồng chí phi công này đã phải ngoảnh đi ngoảnh lại nhiều.

Quả đúng như thế. Sau trận bắn phá quay trở về, phi đội bị một lũ

«mecsecsmit» bổ vây. Chúng ở cả tứ phía, mà chiếc khăn quàng ở cổ đồng chí thiếu tá chỉ huy phi đội lại sổ tung ra. Thiếu tá hạ được một chiếc, nhưng

đồng chí không tin vào kết quả lắm vì lúc đó phải bay đi hỗ trợ cho Adarian.

Lúc đuổi theo chiếc máy bay thứ hai, thiếu tá đã phát hiện ra một sân bay mới của địch và bây giờ ông đề nghị với chỉ huy trung đoàn ngày mai cho đi diệt bọn Đức ở sân bay này vào lúc tờ mờ sáng.

Xếp máy bay vào công sự xong đâu đấy (mặt trận ở sát ngay cạnh), chúng tôi đi xuống hầm. Vừa cười tôi vừa kể với thiếu tá về chàng dũng sĩ và người thiếu nữ xinh đẹp. Đồng chí ngược đôi mắt còn đang đỏ ngầu vì gió trên cao và trận đánh vừa qua lên nhìn tôi mỉm cười. Bây giờ không đội mũ phi công và trên nền xanh da trời của chiếc khăn quàng, tôi thấy khuôn mặt của đồng chí già hơn. Chắc thiếu tá đã ngoài bốn mươi tuổi.

Trong bữa cơm tối mọi người nói chuyện về trận chiến đấu vừa qua và anh em phi công khẳng định rằng chiếc «mecsecsmit» do thiếu tá

bắn rơi đã cắm thẳng xuống đất. Rồi người ta nhớ đến chiếc khăn quàng bị sổ ra và các câu nói đùa vui về bắt đầu.

— Thế nào rồi cũng có lúc nó kéo anh ra khỏi buồng lái như chiếc dù ấy! —

đại tá nói. — Mà anh cần gì cả một mảnh to thế?

— Tiện chứ, — thiếu tá trả lời. — Quàng khăn vào thì đầu cứ như trong ổ bi ấy, tha hồ mà quay.

— Thế mà cậu Mirônôp của anh thì lại dùng cái thứ như bít tất ấy. Anh xé cho cậu ta một nửa đi.

— Đồng chí đại tá ạ, xé thế nào được lời thề, — thiếu tá nói nửa đùa nửa thật. — Tôi sẽ lấy kim băng gài lại vậy.

— Vật hộ thân đấy, đồng chí đại tá ạ, — Mirônôp cười. — Thiếu tá ngủ với nó, chiến đấu với nó và đi tắm cũng cùng với nó đấy. Phải hiểu mới được chứ: phi công già...

Năm giờ sáng máy bay sẽ cất cánh, anh em phi công chuẩn bị đi ngủ. Tôi nằm cạnh thiếu tá. Khi đi ngủ, đồng chí gấp gọn chiếc khăn lại và đặt xuống bên má.

Thình thoảng cao xạ hạng nặng giã vào sân bay lại làm ngọn lửa chiếc đèn

trên bàn bưng lên và cát sỏi sau những tấm gỗ dán lát quanh tường hầm lại rơi lạo sạo. Anh em phi công đã quen với bài hát ru ấy nên vẫn ngủ ngon lành, có người còn ngáy to đến nỗi đôi khi át cả tiếng nổ.

Chiếc khăn buồn buồn trên mặt tôi. Tưởng như có một hương vị dịu dàng thoảng bay tỏa ra từ chiếc khăn ấy và muôn vàn ý nghĩ hiện ra trong óc tôi.

Từ chiếc khăn tôi suy đến thời thanh niên sôi nổi, đến những vở kịch thanh tú của các cô gái và đoán chắc rằng thứ vật hộ mệnh này hẳn

là quà tặng của một cô nào đó đã cảm phục lòng dũng cảm và tinh thần gan dạ hiện rõ trong nét mặt điềm đạm của người phi công này.

Tôi nhồm dấy. Đồng chí thiếu tá vẫn đang thiu thiu ngủ. Khuôn mặt điềm tĩnh, mệt mỏi của đồng chí không hợp một tí nào với câu chuyện tôi tưởng tượng ra. Đây là khuôn mặt chất phác của một người lính, của một người lao động trung thực trong hàng ngũ không quân vừa tái ngũ. Khuôn mặt ấy không thể nào gọi cho cô gái lãng mạn cái tình cảm như vậy được. Chắc là chuyện khác. Tôi sợc nhớ là trong bữa cơm tối, ông có nói sơ sơ rằng khi chuyển sang trung đoàn này ông đã tranh thủ về nhà và không gặp ai: thành phố đang bị đe dọa, cả gia đình đã đi sơ tán.

Tôi tưởng tượng thấy đồng chí phi công bước vào một căn nhà bỏ hoang, nơi mọi vật đều quen thuộc, đều nhắc nhở đến những người thân yêu, nơi mà tất cả bỗng trở nên nguội lạnh và trống trải, tất cả đã bị bỏ rơi trong cái lộn xộn chua cay của một sự thu xếp vội vàng và nơi mà những hoài ức về cuộc sống thanh bình, về những niềm hy vọng, về sự âu yếm và ấm áp thân yêu cũ như những bóng ma không thể nào bắt được, hoặc có bắt được thì cũng chẳng phải là trong một thời gian gần gũi... Tôi thấy đồng chí đứng giữa nhà ngấm nhìn bốn phía, thấy đôi môi mím lại và có thể những giọt lệ đau xót và buồn nhớ đang tràn lên khóe mắt, tôi thấy đồng chí lặng lẽ cúi xuống nhặt một vật, đó là chiếc khăn quàng màu xanh da trời — bóng hình nhẹ không của những ngày tháng đã qua.

Giá thiếu tá không cựa mình và mở mắt ra thì chắc tôi còn nghĩ thêm được vài tình tiết nữa cho câu chuyện.

— Gớm, đồ quỷ ngáy ghê quá! — thấy tôi không ngủ, đồng chí nói.
— Khổ

hơn nghe sủng... Cậu ta khỏe thật...

Đây là Adarian ngáy, trận đánh làm anh mệt lử. Thỉnh thoảng anh chép

miệng một cái thật mạnh rồi lại im bất hình như ngọc nhiên lắng nghe bản thân mình. Nhưng một tiếng nổ dữ dội lại vang lên, và trong giấc ngủ

Adarian đã trả lời lại bằng một tiếng ngáy như tiếng gầm gừ của một con vật khổng lồ bị đánh thức. Rồi điệu nhạc lại bắt đầu từ đầu.

— Không, chẳng ngủ được. — Thiếu tá thở dài nói. — Có lẽ ta hút thuốc vậy?

Chúng tôi cùng ngồi hút thuốc, rồi đầu sát bên đầu thủ thi tâm tình với nhau, — lúc này thì cả tiếng súng, tiếng bom và tiếng ngáy của anh bạn láng giềng đều không thể át nổi những câu nói xúc động.

Trong các trận đánh và trong sự chuẩn bị trường kỳ cho các trận đánh ấy, con nhà lính không lúc nào có thì giờ để nói chuyện với nhau về tình cảm của mình. Và những tình cảm ấy đông lại, bền chặt lắng sâu vào tâm hồn như

những viên ngọc quý. Nhưng cái trái tim sinh cảm kia thì lại mơ ước, lại thêm khát được cởi mở những điều bí mật chưa từng thổ lộ với ai bao giờ. Bởi vậy trong câu chuyện tâm sự với người khách xa lạ sẵn sàng lắng nghe suốt đêm, thì dù ở trong căn hầm đất này dưới tiếng nổ của bom đạn, hay bên công sự vào một đêm trước giờ nổ súng, hoặc trên boong của một chiến hạm đang xông ra trận, — trái tim người lính bao giờ cũng cởi mở một cách dễ tin và trù mến. Nhiều khi trong cái lòng sâu tuyệt vời của những trái tim này, bạn sẽ thấy cái điều làm cho bản thân người lính và những chiến công của anh sẽ được soi tỏ dưới một ánh sáng mới. Bức màn bí quyết của sự

phát sinh ra chiến công được kéo lên và bạn sẽ hiểu thế nào là lòng căm thù quân giặc.

Những tưởng tượng của tôi thật nghèo nàn biết bao so với thực tế cuộc sống và chiến tranh. Sự kiện đã xảy ra đơn giản hơn, ác liệt hơn, và vĩ đại hơn nhiều.

Vào ngày đầu chiến tranh, thiếu tá chiến đấu ở vùng bờ biển Ban tích. Tái ngũ, ông liền được chỉ định công tác bảo vệ một thành phố nhỏ xứ Extoni.

Thành phố này còn sống với những quan niệm cũ về người Đức và không một ai tin rằng những người Đức ấy lại có thể ném bom xuống những thành phố thanh bình. Bởi vậy suốt từ sáng đến chiều người ta vẫn phơi mình trên bãi biển xinh đẹp của thành phố và từ trên cao nhìn xuống nó giống như một lớp bột màu hơi hồng pha lẫn ánh vàng, bị biển sóng gạt vào bờ cát. Bảo vệ

sự nghỉ ngơi của thành phố và của những trẻ em ở đây, thiếu tá vòng lượn trên thành phố để kịp thời phát hiện máy bay địch. Bầu trời đượm màu xanh thẫm và xanh lơ, biển ấm áp, dịu dàng, cát nóng bỏng và vàng óng.

Câu chuyện đã xảy ra vào một ngày chủ nhật, 29 tháng sáu. Thiếu tá phát hiện thấy một chiếc «gioongke» ở phía biển bên trái và đồng chí bèn lao tới.

Nhưng thật không may: tên xạ thủ phát xít đã bắn trúng thùng xăng, đồng chí buộc phải bay xuống thấp. Chiếc «gioongke» lọt thoát và thiếu tá trông thấy những đám khói hình nấm bùng lên trong thành phố. Những ngôi nhà ngấn nấp, xinh xắn bốc cháy.

Chiếc «gioongke» quay ra biển, nhào xuống bãi tắm và các đám bột màu hơi hồng có pha lẫn ánh vàng của những thân người uà cả ra biển. Máy bay xả

súng xuống đám trẻ em, phụ nữ trên bãi tắm. Họ chạy trốn ra biển tưởng như nước có thể che họ khỏi những viên đạn. Họ hụp xuống, cố sao cho kín người. Nhưng chiếc «gioongke» lại vòng lại và làn sóng người trào tung lên khỏi biển dội xuống những chiếc dù màu sặc sỡ, những lều vải, những tấm màn che nắng để rồi rơi ập xuống bãi cát như những giọt nước to bất động.

Như điên dại, thiếu tá bắn một cách vô ích theo cái chấm đen đang hút đi xa. Cuối cùng tiếng động cơ máy bay đồng chí tắt hẳn. Đồng

chí sức tỉnh.

Bây giờ chỉ còn cách đổ xuống bãi tắm được thôi. Thiếu tá bèn lái chiếc máy bay bị thương xuống đất, nhưng khắp bãi là xác phụ nữ, trẻ em. Những thân thể không có lấy một tý gì để bảo vệ, lặng im nằm trên cát. Mãi đồng chí mới tìm được một chỗ ở rìa bãi tắm là không có xác người.

Đồng chí nhảy ra khỏi buồng lái lão đảo bước đi. Một đám mây màu máu nhào lộn trước mắt người phi công. Không còn nhìn thấy gì, không còn hiểu ra sao, đồng chí bước đi như người mất hồn vô phương hướng cho đến lúc vấp chân. Nhìn xuống, đồng chí bắt giắc lùi lại.

Trước mắt đồng chí là một người con gái nằm sóng soài đầu gục vào vai. Mặt trời làm ánh lên làn da dịu dàng của cô và bộ ngực còn chưa đầy đặn để lại một hình bóng nhẹ nhàng. Dưới ngực một chút là một giải máu gọn chảy dòng xuống sườn bên trái — dấu vết của những viên đạn nhọn, xuyên nhanh qua bụng. Trong nắm tay buông thõng có một chiếc khăn mỏng màu xanh da trời — vật bảo vệ, che chở độc nhất của cô khi chạy tránh đạn.

Đồng chí phi công thận trọng cầm lấy những ngón tay thon còn đang nóng ấm của cô gái rồi nhặt chiếc khăn lên. Và cứ thế, với chiếc khăn trong tay, đồng chí đứng nhìn về bãi tắm đầy xác trẻ em, thiếu nữ và phụ nữ, đồng chí đã đọc một lời thề câm lặng.

— Tôi ngủ cùng chiếc khăn này để ngay cả trong lúc ngủ cũng không quên mối thù, — thiếu tá vừa nói vừa đứng dậy.

Đồng chí gỡ chiếc khăn ra. Cái viền tua lộng lẫy của nó như bị chuột gặm.

Tôi ngấm xem. Thành ra đây là những nút: các sợi tua được tết lại thành những giải hoặc buộc lại thành nút — những nút tròn trĩnh, cẩn thận. Có tất cả sáu nút và tám giải tết. Vừa tiếp tục nói, thiếu tá vừa tết lại thêm một giải mới.

— Đây là chiếc «mecsecsmit» hôm nay — đồng chí nghiêm nghị nói — còn nút tròn là máy bay ném bom. Nhưng anh đừng kể lại với mọi người nhé, họ

sẽ cười đấy, họ sẽ nói là gớm thiếu tá tìm được trò chơi...

Đồng chí im lặng, thành thạo tết những sợi lụa rồi ngừng đầu lên. Nét mặt đồng chí làm tôi ngạc nhiên.

— Trò chơi gì đâu, — giọng đồng chí trầm trầm. — Cho đến lúc còn chưa tết hết được những sợi này thì cái bãi tắm vẫn sẽ hiện ra trước mắt tôi... Hồi ấy, nếu tôi không để cho chiếc «gioongke» thoát thì... Nhưng thôi, ở Matxcova có gì mới?..

Đúng năm giờ sáng, toàn trung đoàn bay đi ném bom cái sân bay thiếu tá phát hiện ra hôm qua. Những chiếc máy bay nối đuôi nhau vút vào màn đêm và thật là lạ không hiểu sao trong cái bầu trời tối đen ấy họ có thể nhận ra nhau bay theo chiếc «diều hâu» đầu đàn do thiếu tá lái.

Sau khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ, những chiếc máy bay này lại lần lượt nối đuôi nhau hạ cánh. Anh em phi công còn đang nôn nóng về chuyến bay vừa qua đã tụ lại thành từng nhóm trò chuyện. Mọi việc đã hoàn thành rất mỹ mãn, thiếu tá với độ chính xác lạ thường đã dẫn trung đoàn lao từ sau cánh rừng thẳng đến sân bay. Bọn Đức không kịp bắn lấy một phát súng, Tất cả sân bay rực lửa, nổ tan tành trong cái màn sương của buổi bình minh.

Không một chiếc máy bay nào kịp cất cánh. Lần thứ hai, thứ ba trung đoàn vòng lại là để diệt nốt những chiếc còn nguyên. Đếm tất cả được chín máy bay ném bom và tám chiếc khu trục.

Thiếu tá vẫn chưa về. Mãi mới thấy chiếc máy bay của đồng chí xuất hiện.

Nó vẫn bay với chiếc cờ hiệu dài trên buồng lái và có lẽ hết nhiên liệu. Thiếu tá cố bay về đến bãi và đổ lại. Chúng tôi chạy ủa cả đến.

Chiếc khăn màu xanh da trời vương vào thành buồng lái và trên đó có những vết máu đỏ

thắm.

— Đồng chí đại tá, — thiếu tá vẫn ngồi trong buồng lái nói. — Có lẽ phải lôi tôi ra. Sượt một tí thôi, vào vai... và chân hình như cũng bị.

Lúc mọi người chạy đi lấy cáng, đồng chí báo cáo với đại tá rằng sau đợt

nhào đầu tiên đồng chí phát hiện thấy ở phía tây có năm chiếc

«mecsecsmit» và bay tới tiếp cận để đuổi cho chúng khỏi cản trở việc bắn phá sân bay (vì công việc ở đây đều «ổn cả»).

Người ta đặt đồng chí lên cáng và tôi để ý thấy cái nhìn lo âu trong ánh mắt đồng chí. Tôi vội nhặt chiếc khăn lên khỏi đất. Đồng chí giờ cánh tay lành ra đón lấy.

Chúng tôi hôn nhau.

— Bây giờ thì đồng chí có đủ việc mà làm trong thời gian điều trị nhé, — tôi khẽ nói, — thêm chín nút buộc và tám giải tết nữa.

Đồng chí mỉm cười với tôi như với một đứa trẻ không biết luật của trò chơi.

— Không, những cái ấy không phải của tôi... Anh em diệt cả đấy. Tôi chỉ tết thêm một sợi thôi: hạ được thêm một chiếc «mecsecsmit»...

Anh em đồng đội khiêng cáng đi, và con người dũng sĩ, — người trả thù ấy, tạm thời phải xa những trận chiến đấu, mang theo chiếc khăn màu xanh da trời thắm máu, máu tinh khiết và nóng bỏng như lòng căm thù của mình.

1942

TRINH SÁT VIÊN TATIAN

Sự quen biết của chúng tôi thật bất thường. Vào một ngày tháng mười tươi sáng, khi mặt trời vùng Ôđetxa chói lọi tỏa sáng mà không hề sưởi ấm trên bầu trời xanh trong và gió bắc thổi những cơn bụi khô về thì đứng nói chuyện ngoài đường quả chẳng ấm cúng một tí nào. Vì thế anh em lính thủy trình sát viên mời tôi vào căn nhà của họ. Những khuôn mặt can đảm vây quanh lấy tôi — những khuôn mặt cháy nắng, sạm gió và hồn nhiên. Câu chuyện đang lúc sôi nổi thì có hai người trình sát viên nữa bước vào.

Cả hai đều mặc một bộ đồ giống hệt nhau: áo cổ cứng mới tinh, quần màu cỏ úa nhét gọn ghẽ vào đôi ủng sang trọng, đầu đội mũ ca-nô đỏm dáng và cả hai đều mang một số lựu đạn, súng lục, đèn pin, băng đạn bằng nhau. Nhưng nếu cái kho vũ khí ấy trên khuôn khổ khổng lồ của một người chỉ như một chuỗi hạt cườm tí hon, thì ở người thứ hai cái món hàng quân sự

này phủ kín cả người như một chiếc áo giáp kêu lèng xèng: một người cao gấp đôi người kia.

Có lẽ, cái nhìn của tôi làm người trình sát bé nhỏ này thẹn. Đôi má dịu dàng tròn trĩnh của anh đỏ ửng lên, hàng lông mi dài chớp chớp rồi cụp xuống che kín cả mắt.

— Cũng chiến đấu à? — Tôi vỗ vào má cậu ta nói. — Sao sớm thế? Máy tuổi rồi?

— Mười tám, — người trình sát viên trả lời với một giọng thanh thanh.

— Thật à?.. Lại khai tăng lên để người ta khỏi cho về chứ gì?

— Đúng là mười tám, — cậu bé trình sát viên ngược mắt lên nhìn tôi trả lời.

Trong đôi mắt ấy tôi không thấy có sự tinh nghịch, tính tò mò trẻ con của một em trai luôn ước mơ về những chuyện khác thường trong chiến tranh.

Đôi mắt ý tứ và chín chắn ấy có một cái gì cá tính nhìn tôi một cách thẹn thùng và chờ đợi.

— Thôi được, cứ cho là mười tám, — tôi vừa nói vừa tiếp tục vỗ lên má cậu ta. — Thế cậu người tỉnh nào, tên là Vanhia phải không?

— Đồng chí nhà văn ạ, nó là con gái đấy! — chàng khổng lồ nói bằng một giọng Ucren ồm ồm, — Cô ta tên là Tatiana, người làng Beliacpca đấy!

Tôi vội rút tay ra như người phải bỏng: vỗ má con trai là một việc, đằng này lại là một cô gái đã lớn. Lúc ấy một trận cười vang lên sau lưng tôi.

Anh em lính thủy cười ầm ĩ. Tưởng như tất cả âm thanh của tiếng cười tập trung lại căn nhà này, làm nó rung lên và không hiểu từ đâu có một giọng ồm ồm, rất trầm như tiếng máy bay trùm lên tất cả: đấy là tiếng cười của anh chàng khổng lồ cùng đi vào với cô gái, vang lên dưới tấm trần của căn nhà thấp này. Anh ta vừa cười chậm rãi, ồn ào và rất khoái chí với sự hiểu lầm của tôi, vừa cúi xuống nhìn tôi. Cuối cùng tôi cũng phát phì cười.

— Anh không phải người đầu tiên đâu! — anh chàng khổng lồ nói.
— Ai cũng tưởng cô ấy là con trai. Mà cũng được chứ sao, phải không các bạn, cứ gọi cô ta là Tatian(1) — trinh sát thủy quân, cũng được chứ?

...Tatiana là con gái một nông trường viên làng Beliaepca hiện đang bị bọn phát xít chiếm đóng. Bố cô đi du kích, còn cô chạy vào thành phố. Người ta giao cho cô nhiệm vụ dẫn anh em lính thủy trinh sát viên về làng quê và tình bạn đã nảy sinh ra trong chuyến hành quân đầu tiên suốt ba ngày trong hậu phương địch ấy. Cô gái rất hợp với tâm hồn những người lính thủy, vốn là người dũng cảm, bền bỉ, thận trọng và thông minh, cô đã đưa anh em đi khắp các làng, các xóm, nơi cô thông thạo từng ngõ hẻm, từng bụi cây. Cô giấu họ trong những hầm đá, tìm ra những giếng nước bí mật và cuối cùng khi con đường dẫn họ vào hậu phương địch bị cắt đứt thì cô đã đưa anh em qua bãi ven biển trở về vị trí.

Thời gian đầu cô đi trinh sát mà vẫn mặc chiếc váy hoa, quàng khăn và đi dép nhẹ. Nhưng ban ngày thì váy dễ lộ mà ban đêm đã trở nên lạnh hơn nên anh em lính thủy trang bị cho cô một thứ binh phục pha trộn giữa bộ binh và thủy quân, giống như của bản thân họ, tạo nên một thứ kiểu như của thời nội chiến. Hai yếu tố đối nghịch nhau — yếu tố đòi hỏi phải nguy trang và yếu tố nòng nân muốn giữ được phong thái hải quân, đã sinh ra cái kiểu ăn mặc kỳ lạ như vậy.

Nhưng đôi dép vẫn phải giữ lại vì ban cung ứng giày của hải quân đã không nghĩ đến loại ủng cỡ chân nhỏ quá thế.

(1) Tatian — tên con trai.

Ephim Đursov, anh chàng khổng lồ, là pháo thủ từ chiến hạm «Công xã Pari»

cũng sa vào cái tình trạng khó xử như vậy. Đôi giày cỡ bốn mươi tám của anh đã rách toác và anh đành dấu bàn chân kéch sù của mình vào đôi giày bọc buộc khéo léo vào bắp chân bằng đôi sà cạp bộ đội. Trước hôm tới đây, đồng chí bí thư khu ủy biết tin về tai họa này nên đã gửi tôi một đôi ủng cỡ to đặc biệt và trong đôi ủng đó, cứ như trong hộp đựng, có một đôi ủng khác nhỏ xíu, và luôn cả hai bộ quân phục theo đúng cỡ người. Ephim và «Tatian» bây giờ trở nên giống nhau như chiếc chiến hạm thật và mô hình của nó, chỉ có cái là rất muốn sao cũng làm nhỏ đi những quả lựu đạn, những khẩu súng lục nặng chũu trên cái thân hình nhỏ bé của cô gái.

Đó không phải là những thứ trang sức. Đã nhiều lần Tatiana kiễng chân lên ném lựu đạn vào bọn phát xít bắn súng máy và những viên đạn khẩu súng lục parabellum (chiến lợi phẩm của cô) cũng đã quật ngã nhiều tên địch. Với giọng nói trong trẻo của người miền Nam, cô đã kể cho tôi nghe những điều cô thấy ở làng Beliaepca trước lúc cô ra đi, khi ấy đôi mắt trong sáng của cô thắm lại, giọng nói trở nên dứt quăng, và lòng căm thù giặc sôi lên trong cô buộc tôi phải quên hẳn đi rằng đây chỉ là một cô gái, hầu như còn là một em bé.

Cô không thích nói đến chuyện này. Thường thường cô thích trèo lên ổ rơm ngồi cùng cái nhóm lính thủy sôi nổi này để pha trò, hát

những bài hát vui nhộn hay những câu vè. Trong những tuần lễ đầu, tính hoạt bát của cô đã làm vài chàng trinh sát tưởng bở. Tấn công trước tiên là anh chàng tín hiệu viên trên tàu «Nhanh trí» — cựu công nhân cơ khí điện ảnh, một chàng trai si tình của huyện lỵ. Nhưng ngay chiều hôm ấy anh ta đã được Ephim Đursov

gọi ra và giờ cho xem quả đấm khổng lồ.

— Mà làm cái thứ gì thế? — Ephim hỏi nhỏ. — Mà cho cô ta là người thế

nào — là cái bật lửa hay là người lính? Mà định làm xấu mặt ai? Làm xấu mặt toàn tiểu đội à... Bận sau phải cho tử tế với cô ấy. Rõ chứ? Nhắc lại đi!

Nhưng đối với những người khác thì không cần dùng đến biện pháp này. Cái tiểu đội lính thủy tinh nghịch và yêu đời, đêm nào cũng đùa với cái chết ấy đã nâng niu cô gái trong những bàn tay khỏe mạnh và hơi thô kệch của mình một cách nhẹ nhàng, âu yếm như một bông hoa, bảo vệ cô khỏi những viên đạn của quân thù và che chở cô khỏi những lời nói đùa sỗ sàng thô lỗ, khỏi những điều xúc phạm và sự quấy rầy.

Trong đó, tất nhiên, có yếu tố của lòng quý mến chung đối với cô, nếu như

không nói thẳng là của tình yêu. Khi bóng ma chết chóc có thể bất kỳ lúc nào ập đến thì con người ta thường tìm kiếm sự ấm áp của trái tim người khác. Tâm hồn cũng trở nên lạnh lùng khi thường xuyên giáp mặt với cái chết và nó thêm khát đòi hỏi tình bạn, tình yêu. Tôi đã nhìn thấy không biết bao nhiêu cái hôn rất chặt của những người đàn ông vào những phút trang nghiêm và xúc động của buổi chia tay trước chuyến bay chiến đấu, lúc ra biển hay đi trinh sát. Tôi cũng đã nhìn thấy những giọt lệ trong khóe mắt của những người lính dũng cảm, những giọt nước mắt chia ly — sự yếu đuối kiêu hãnh của tâm hồn quân nhân cao thượng. Long lanh trên hàng mi, những giọt nước mắt ấy không rơi xuống boong tàu, không giở lên mặt cỏ

phi trường hay sàn cát của chiến hào, mà những giọt nước mắt bị ý chí kìm lại ấy lắng sâu vào lòng mắt thành những giọt nóng bỏng, nặng nề rơi vào trong tâm hồn người lính, làm nó khô đi và trở nên tàn nhẫn trong trận chiến đấu quyết tử với kẻ thù. Tình yêu biến thành lòng căm thù giặc, tình bạn thành cơn thịnh nộ, sự dịu dàng thành sức mạnh. Nước mắt người lính thật đáng sợ và kẻ nào gọi lên những giòng nước mắt ấy kẻ đó hãy dừng đợi sự

sốt thương!

Sau câu chuyện, ngay đêm ấy, những người trinh sát ra đi làm nhiệm vụ và buổi sáng hôm sau tôi đã thấy những giọt nước mắt như vậy: cô Tatiana không quay trở lại.

Ngay hỏa tuyến anh em trinh sát đã gặp phải một ổ liên thanh bố trí trên đỉnh một ngọn núi dốc. Khẩu liên thanh này không hiểu ở đâu từ phía trên cứ bắn vào trong đêm và không có cách nào từ phía bên mò tới chỗ nó được.

Những người lính thủy đành trèo lên núi, ra lệnh cho cô phải đợi họ ở dưới.

Có lẽ tên bắn súng máy phát hiện ra những người trinh sát đang bò lên núi

trong đêm tối: đạn dội đến như mưa vào sườn núi. Anh em lính thủy nép mình xuống mặt đất, nhưng đường đạn ngày càng đến gần họ. Tên phát xít dùng liên thanh quét dọc sườn núi. Bỗng nhiên một tia lửa chớp lên sáng lóe ở bên phía dưới chân núi. Chiếc pháo sáng xé màn đêm phóng thẳng về phía đỉnh núi, rồi phát thứ hai, phát thứ ba. Anh em lính thủy sửng sốt: Tatiana giữ khẩu súng bắn pháo hiệu. Có lẽ cô gái định dùng cái phương pháp đã được kiểm nghiệm để giúp các bạn: bắn pháo sáng liên tục vào đối phương làm cho nó chói mắt. Nhưng phương pháp này chỉ hiệu quả khi hỏa điểm địch ở gần và khi những người đồng đội có thể nhanh chóng nhảy đến dùng lựu đạn tiêu diệt nó. Bây giờ thì Tatiana đã bị lộ.

Giống như cơn bão, nhóm thủy quân đứng phắt dậy, chạy thẳng lên đỉnh núi để diệt tên phát xít trước lúc hắn tìm ra Tatiana theo những phát pháo sáng của cô. Bây giờ luồng đạn bay cả về phía cô tìm tới cái người đã để lộ mình trong màn đêm dày đặc. Cơn thịnh nộ làm tăng thêm sức mạnh cho những người lính thủy và chỉ một phút sau tên phát xít đã rống lên vì bị lưới lê cắm phập vào lưng. Mọi người vừa bò xuống vừa ngạc nhiên là họ đã leo được lên đến đây. Họ đi tìm kiếm khắp sườn núi mà chẳng thấy Tatiana đâu cả.

Những tràng đạn cuồng loạn của khẩu liên thanh ban nãy đã đánh thức cả

hỏa tuyến. Súng nổ tứ tung, rồi có cả tiếng đại bác. Ban ngày ở chỗ này không có nơi nào ẩn náu được cả vì toàn bộ sườn núi rõ như lòng bàn tay. Ở

đâu dưới những phiến đá có một hang ngầm mà chỉ có Tatiana là biết lối cửa vào. Trời bắt đầu sáng, cần phải rút đi.

Ngày hôm ấy trôi qua một cách nặng nề. Ephim Đursov đêm trước lại đi làm một nhiệm vụ khác. Bây giờ anh ngồi im lặng mắt nhắm chiêu nhìn vào một điểm. Bàn tay to lớn của anh nắm chặt lại và anh nhìn mọi người nói với một giọng khàn khàn:

— Cô gái như thế mà để thiệt mạng... Cũng là lính thủy!..

Rồi anh đứng dậy đi gặp đại úy báo cáo ý kiến về cuộc đột kích cần tiến hành đêm nay và ở đây anh gặp những người cùng đến với mục đích như

vậy. Mặt trời đã ngả về chiều, tôi bước ra khỏi căn nhà và thấy Ephim ngồi một mình trong vườn.

Anh ngồi gục đầu vào đầu gối và cái thân hình to lớn của anh rung lên thăm lặng. Có lẽ nên để anh ngồi yên: đôi lúc người ta cảm thấy dễ chịu hơn khi ngồi một mình. Nhưng nỗi đau thương của anh thật đáng sợ và tôi ngồi

xuống cạnh bên anh.

Anh ngẩng mặt lên. Anh khóc thật xấu xí, giống như đứa trẻ, lấy bàn tay chùi nước mắt và lau nước mũi. Thấy tôi đến, anh mừng vì có người để thổ

lộ tâm tình. Pha lẫn tiếng Ucraina và tiếng Nga, anh kể cho tôi nghe về cô Tatiana, và tìm những chữ dịu dàng, kỳ diệu để tỏ tình yêu của mình đối với cô — một mối tình trong sạch, giản dị và kiên nhẫn. Anh nhớ lại những câu đùa, cái nhìn nhanh nhẹn và giọng nói của cô. Dần dần trước mắt tôi, như

một bông hoa đang nở, xuất hiện một cô gái dịu hiền, đôn hậu, nhạy cảm và dễ thẹn, chẳng giống với cô gái «Tatian — trinh sát viên» một tí nào. Và thật khó hiểu làm thế nào mà chính cô gái đó đêm qua đã nhận lấy ngọn lửa liên thanh về phía mình để giúp đồng đội tiến lên đỉnh núi.

Anh muốn biết rằng cô gái còn sống và sẽ sống. Tất cả những gì anh đã giữ

kín trong mình để khỏi làm tổn thương đến tình bạn chiến đấu, bây giờ trào cả ra trong lời thú nhận thiết tha. Anh chưa bao giờ nói một điều gì với Tatiana «để khỏi làm khuấy động tâm hồn cô trong lúc cô đang chiến đấu», anh đã mang mối tình của mình cho đến ngày chiến thắng, cho tới lúc

«Tatian» lại trở thành cô Tatiana. Nhưng niềm mơ ước cứ sôi sục trong lòng anh và anh tưởng tượng thấy căn nhà tranh vùng bờ sông Đơnhép, anh thấy Tatiana trong căn nhà ấy, và hạnh phúc, và những đêm trăng trong vườn và cuộc nhảy múa vui vẻ trong ngày cưới...

Đồng chí đại úy gọi anh. Ephim đứng dậy bước đi những bước rần rần vào nhà.

Chiều tối anh cùng năm người trinh sát viên đi về phía núi. Chúng tôi không ngủ chờ đợi anh.

Đến sáng những người trinh sát đem theo Tatiana trở về. Cô bị thương vào ngực và bị ngất đi vào lúc bò vào hầm đá. Cô nằm ở đây mất cả ngày. Gần chiều cô mới tỉnh dậy. Trong cái bóng tối trước cửa hầm thấy thấp thoáng bóng người và giọng nói lạ. Cô nổ súng. Bây giờ cô không nhớ là cô đã cầm cự ở chiếc cửa vào hầm đá đó bao nhiêu lâu. Cô nã súng vào từng chiếc bóng xuất hiện ở cửa hầm. Hết đạn. Cô để lại một viên cho mình. Sau đó cô nghe thấy một tiếng nổ lớn ở cửa hầm và lại ngất đi.

Đây là tiếng lựu đạn của Ephim Đursov nổ. Khi đến gần núi, bỗng nghe thấy

tiếng súng nổ, anh vượt lên trước đồng đội và như một con gấu hung dữ, bất chấp mọi chướng ngại vật, anh xông thẳng tới nơi có tiếng súng. Từ phía trên một tên phát xít cầm tiểu liên bắn xuống chặn đường anh. Ephim đứng thẳng dậy để nhìn xem có chuyện gì đang xảy ra ở dưới vách đá: anh thấy một lối vào hầm đá tối mù và cạnh đấy có ba, bốn xác chết cùng hàng chục tên phát xít đang bắn vào cửa hầm. Anh ném luôn lựu đạn đến, quả thứ hai, quả thứ ba rồi muốn ném luôn quả thứ tư nữa, nhưng lúc ấy đạn của tên địch xuyên vào đùi trái, sườn và cánh tay anh. Ephim ngã xuống, anh bám vào cổ chậm chạp trượt xuống rìa vực.

Bây giờ, khi anh em đồng đội khiêng anh trên cáng thì giữa những ngón tay to lớn của anh còn có một bông hoa trắng mà anh đã bám lấy để khỏi tụt xuống sườn núi dốc.

Anh ngẩng nhìn tôi khấn khoản:

— Nếu tôi chết thì anh đừng nói chuyện gì cho cô ấy biết nhé... Còn nếu tôi sống, tôi sẽ tự nói.

Anh nhắm mắt lại, và những người trinh sát nâng chiếc cáng với cái thân hình nặng nề của người pháo thủ từ chiến hạm «Công xã Pari» lên một cách vất vả.

NÚT THẮT TÔPÔ

I

Tàu «Cường tráng» làm một công việc tầm thường hàng ngày: luôn luôn chất đầy lên tận ống khói nào thùng, nào sọt, nào hòm gỗ, nó chở tới Leningrat, tới các đồn lính, tới Oranienbaum những thứ khác nhau. Những ngày cuối thu, chiếc mũi nhọn hoắt và cao lênh khênh của nó cứ chồm lên những tảng băng, tiến một cách hăng hái và kéo sau những sà lan và bè.

Cũng có lúc nó ì ạch ở vũng tàu để xoay vắn cái thân hình khổng lồ của chiếc thiết giáp hạm, nhưng trong công việc này thì nó cần sự giúp sức của cả tàu

«Hùng cường» dẫn tàu «Hùng dũng», vì sức mạnh của «Cường tráng» chung quy chỉ là ở cái tên gọi thôi: thực ra, nó là một chiếc tàu kéo ở cảng loại bán phá băng, nó là một anh thợ khéo tay làm lì và cần cù lao động.

Thế mà Grigori Prôkhôrukh, người thuyền trưởng kỳ cựu của «Cường tráng»

cũng rất bực mình khi vào đúng dịp đầu mùa công việc, cánh thợ sơn của cảng lại đi sơn mất cái tên gọi kiêu hãnh «Cường tráng» mà viết lên thân tàu

những ký hiệu chẳng có nghĩa lý gì cả «CC-16», muốn để người ta hiểu là

«tàu kéo số 16 cảng Crônstat». Grigori Prôkhôrukh phản đối bằng cách xin anh em thợ sơn ít sơn cùng màu, tự tay viết lại tên gọi «Cường tráng» lên cả

bốn chiếc phao bảo hiểm và những thùng cứu hỏa.

— Sê-sê, sê-sê!.. Sê-sê là cái nghĩa gì, lại còn thứ mười sáu nữa chứ? Đã là tàu biển thì phải có danh hiệu chứ không phải có số thứ tự, — trong bữa uống chè vào buổi tối ông than vãn với người bạn của

mình là bác thợ máy Đrôđôđôp mà ông vẫn thường trang trọng gọi là «thợ máy cả». Cả hai đều là những người cạo thủy thủ Bantich, đều tự nguyện phục vụ trên tàu «Cường tráng», phục vụ vẹn toàn và kiên trì đúng chục năm, cả hai đều đầy người, nghiêm tính và vào giờ rồi thường hay uống chè với một lượng mà không ai có thể sánh kịp.

— Cái thứ ấy mà cũng là tàu biển à?—ông bạn vừa trả lời vừa cắn miếng đường dòn tan. — Bác Grigôri Prôkhôrukh ơi, tôi với bác hết thời đi tàu biển rồi... Thứ này là đàn bandura(1), chứ tàu biển gì...

Thế là cuộc tranh luận đã có một lịch sử lâu đời, lại bắt đầu. Đrôđôđôp là người thẳng tính và hay nói đùa, thích trêu ông thuyền trưởng, con người ưa gọi chiếc tàu kéo của mình là tàu biển, ưa đề ra kỷ luật quân sự trên tàu và giáo dục đám thanh niên, nhất là Vaxia Jilin, chàng thanh niên hay trêu chọc người phố Crônstat, phải biết quý cái boong tàu sạch sẽ; còn đối với «người thợ máy cả» của mình thì ông dứt khoát yêu cầu phải làm sao cho «Cường tráng» không được phì khói như tàu hỏa trong lúc chạy mà phải không có khói theo đúng như quy định cho tàu biển quân sự vậy.

Việc đổi tên tàu làm cho Grigôri Prôkhôrukh đau khổ hơn là Đrôđôđôp có thể

tưởng tượng. Nếu đối với các thuyền trưởng khác, tàu «Hùng cường», tàu

«Hùng dũng» và những loại tàu kéo tương tự mà do ý muốn của cảng đã biến thành những «cc» có số, chẳng qua chỉ là một nơi công tác không lấy gì làm yên tĩnh lắm, thì tàu «Cường tráng» đối với ông Grigôri Prôkhôrukh là tàu biển. Mà khái niệm «tàu biển» ấy, suốt hơn ba chục năm trời phục vụ

trong hải quân, Grigôri Prôkhôrukh đã quen hiểu theo một nghĩa rất lớn.

Nhưng cố mà hỏi cho rõ tàu biển đối với ông có nghĩa lý gì thì thật cũng vô ích và tàn nhẫn như đòi hỏi ở người mẹ sự giải thích rằng

đưa con đối với bà là cái gì và vì lý do nào mà bà ta hết lòng tin con bà là đứa tốt nhất, đẹp nhất, danh giá nhất và thông minh nhất, hơn cả những đứa trẻ khác.

Đối với ông thì tàu biển chính là ý nghĩa và nội dung cuộc sống. Có lẽ cái câu chung chung ấy truyền đạt được đúng hơn cả những gì đã buộc ông nhiều lúc phải hy sinh cả sức khỏe, hiến dâng tất cả sức lực và tình cảm cho con tàu, truyền đạt được điều gì đã buộc ông suốt hai chục năm liền, sáng nào

cũng dậy sớm hơn giờ báo thức xem xét boong tàu, xuống và lớp sơn để dự

kiến phải làm việc gì trước trong ngày sao cho tàu luôn lộng lẫy, chỉnh tề, sạch sẽ và huy hoàng, vì suốt hai chục năm trời Grigori Prôkhôrukh đã là đội trưởng đội thủy thủ: mới đầu ở trên tuần dương hạm sau đó trên tàu biển tập và cuối cùng tại thiết giáp hạm.

Cứ mỗi lần chuyển từ tàu này sang tàu khác, mỗi lần tình cảm của ông lại phải thay đổi như nhau.

(1) Một loại đàn dân tộc Ucren. *ND*

(2) Ban đầu là nỗi cay đắng xót sa do sự chia tay với đội thủy thủ mà ông đã từng chung sống, do ông mất đi những người bạn, những người học trò, mà ông để lại trong họ một phần bản thân mình, do vĩnh biệt với boong tàu nơi mà mỗi góc đối với ông là một lịch sử, với những chiếc xuống mà ông đã bỏ nhiều công sức của người đội trưởng để làm nó bơi được nhanh và có một màu trắng huy hoàng.

Nỗi cay đắng chia tay ấy được thay thế bằng sự thiếu tin tưởng và không bằng lòng với chiếc tàu biển mới và đội thủy thủ của nó, vì cái gì cũng lạ, cái gì trông cũng khác, mọi người đều không quen, không biết dựa vào ai, và khắp nơi đều đòi hỏi phải để mắt tới: cái phanh dây neo lại ngoạm lệch những mắt xích, guồng quay thì rít sít, còn những chiếc xuống thì thô kệch như những chiếc thuyền đánh cá.

Nhưng sức mạnh của cái khái niệm «tàu biển của mình» khiến cho tất cả mọi thứ đều mau chóng biến đổi một cách diệu kỳ: phanh dây neo trở nên chắc chắn nhất, những chiếc xuồng trở nên xinh xắn nhất và chạy nhanh nhất trong toàn hạm đội, và trong đội thủy thủ hóa ra là có những người thợ mộc hay những anh thợ sơn khéo tay, mà không loại tàu biển nào có được. Và mỗi khi đứng trên bến hoặc từ ca-nô nhìn lên chiếc tàu biển mới cách đây không lâu còn là xa lạ kia thì một niềm tự hào quen thuộc lại tràn ngập trái tim ông.

Còn chiếc tàu cũ, biến thành một hình ảnh xa mờ và thân yêu, nó lảng xuồng chiều sâu của tâm hồn và trí nhớ như một tỷ dụ vô song của cái gì tốt đẹp nhất, nhanh nhẹn nhất và thông minh nhất:

«Trên tàu «Dũng sĩ» của chúng tôi hạ xà ngang**(1)** chỉ mất có nửa phút, mà những thanh xà ngang ấy mới tuyệt làm sao chứ!» Và tiếng còi của đội trưởng làm cho sức kéo của những cần cẩu và những dây kéo cột buồm có một nhịp điệu mạnh phi thường, và những thân gỗ to lớn cùng dựng lên một lúc như những chiếc cánh dài, chỉ sau nửa phút là đã áp chặt vào thành cao của tàu «Hải dương» cũng giống hệt như ở tàu «Dũng sĩ». Duy chỉ mỗi khi gặp lại tàu cũ ở ngoài khơi hay đứng cạnh nhau trên bến thì Grigori

Prôkhôrch nhìn nó một cách ghen tuông, ông cố tìm những đường nét quen thuộc thân yêu và, theo thói quen, ông nhìn kiểm tra xem xuồng của nó đã được buộc chặt chưa và những đầu dây có thò ra dưới tấm vải bọc không.

Có lẽ để giải thích sự gắn bó của Grigori Prôkhôrch với tàu chiến, với cái ngăn nắp, trật tự, với sức mạnh và sự sạch sẽ của nó thì dễ

hơn cả là bằng tình yêu riêng của ông với con tàu. Nhưng điều kỳ lạ

là tất cả những chiếc tàu mà đã được ông hiến dâng cho một phần trái tim mình trong những năm phục vụ kia, lại hòa hợp nhuần nhuyễn với nhau thành một khái niệm chung là tàu biển.

Chính khái niệm đó đã buộc ông cùng sáu người thủy thủ Bantich, cũng già như ông, bỏ chiếc tuần dương hạm tin cậy và thân yêu lại

Genxinphooc để xách một chiếc va-li nhỏ có bánh mì, ít đồ hộp cùng vài thứ dụng cụ gì đó, sang ngư lôi hạm «Xung phong». Ngư

lôi hạm này hầu như không còn thủy thủ mà bọn phát xít thì đã tiến đến gần thành phố và toàn hạm đội phải cấp tốc rút qua lớp băng dày đặc về Crônstat chứ không thể hy vọng vào sự bảo đảm hảo huyền của những điểm ký kết trên tờ giấy của bản hòa ước được, Tàu «Xung phong» đỗ ở bến phía Nam nằm ngay trong thành phố.

Nó nép sát vào thành bến và cả bốn khẩu súng trên mình nó đều dựng ngược lên giống như đám lông trên lưng một con chó con dững cằm sẵn sàng xông vào trận đấu, mặc dầu trận đấu ấy không hứa hẹn với nó một điều gì tốt đẹp, — những người thủy thủ đầy nhiệt huyết còn lại trên ngư lôi hạm sẵn sàng nhả đạn ngay vào bọn phát xít mà không cần suy nghĩ gì, nếu như chúng dám đụng đến lá cờ đỏ đang phấp phới trên cột cờ cắm ở đầu lái chiến hạm bất lực này.

Những người hải quân từ tuần dương hạm đến, trong đó có một người của ban chỉ huy toàn Bantích, đã giải thích cho anh em thủy thủ tàu «Xung phong» rằng không được nổ súng vì dù sao đi nữa vẫn là hòa bình. Nhưng dù thế nào thì cũng phải rút lui. Vấn đề này sinh ra biết bao nhiêu là việc: số người trên ngư lôi hạm có thể đếm trên đầu ngón tay được, máy móc đều mệt mỏi sau ba năm tuần tiễu và những trận phong ba, trong số thủy thủ cũ chỉ có một sĩ

quan phá mìn ở lại tàu. Thế mà «Xung phong» chỉ trong một đêm đã nhận đủ than, chữa chạy xong máy và nồi hơi và ngay ngày hôm sau, khi tiếng súng của bọn Đức đi đệt nổ ở Explanada sát bên bến tàu đậu thì nó đã nhổ neo tiến vào bãi băng.

Suốt mười bốn ngày đêm liền, nó lặn lội trong bể băng tuyết, nó len lỏi những đường nứt ngoằn ngoèo trên mặt băng do tàu đi qua để

lại. Nhờ gặp chiếc tàu tải kéo, nên nó được nghỉ ngơi hai ngày. Đến ngày thứ ba thì chúng đuổi kịp tàu «Cảnh giác» đang bị mắc trong băng, phần mũi phá băng dài của nó bị bể chẹo hẳn sang một bên và cả hai chân vịt đều bị gãy. «Xung phong» đành nhường tàu kéo

cho nó và lại lặn lội một mình. Đôi lúc những tảng băng ép lại làm những thành yếu ớt của ngư lôi hạm bị kẹt giữa bãi băng mênh mông kêu răng rắc. Đối với bãi băng ấy thì việc bóp bẹp tàu khác nào như việc dùng cánh cửa để làm dập khúc xương gà non.

Prôkhôrukh chạy xuống hầm tàu, ông đặt tay vào miếng thép chỗ

nổi đang rung lên và qua đấy ông cảm thấy sức ép nặng nề của băng. Đánh phá hết xuống lấy gỗ để củng cố sườn tàu và thất vọng rút ra khỏi rãnh băng lạnh buốt và phản bội cứ cố bóp bẹp tàu lại này. Có lần, cũng vì thế mà tàu bị gãy mất chân vịt bên phải. Tàu vẫn tập tễnh chạy bằng một chân nó vẫn cứ đi, đi mãi về phía trước, về Crônstat thân yêu. Thế mà khi đã về gần đến Gogolandơ

thân tàu vẫn bị một tảng băng nhọn đâm thủng vào buồng máy bên phải và bốn ngày đêm liền Prôkhôrukh đã đứng trong nước lạnh cóng ngập đến đầu gối để cùng những người khác thay phiên nhau bơm nước tràn qua những khe thủng của miếng vá do họ vừa vội vã làm xong ra khỏi tàu. Từ đấy bệnh thấp khớp thấm vào ông và cứ

mỗi lần giở trời lại làm ông đau phát khóc, nó không để ông đi lại nhanh nhẹn như hồi ông còn trên boong tàu kia nữa, khi còn là đội trưởng đội thủy thủ.

(1) Xà ngang — một thân gỗ đặt ngang thường được thả xuống thành tàu để buộc xuống. *BT.*

Ban đầu là nỗi cay đắng sót sa do sự chia tay với đội thủy thủ mà ông đã từng chung sống, do ông mất đi những người bạn, những người học trò, mà ông để lại trong họ một phần bản thân mình, do vĩnh biệt với boong tàu nơi mà mỗi góc đối với ông là một lịch sử, với những chiếc xuống mà ông đã bỏ

nhieu công sức của người đội trưởng để làm nó bơi được nhanh và có một màu trắng huy hoàng. Nỗi cay đắng chia tay ấy được thay thế bằng sự thiếu tin tưởng và không bằng lòng với chiếc tàu biển mới và đội thủy thủ của nó, vì cái gì cũng lạ, cái gì trông cũng khác, mọi người đều không quen, không biết dựa vào ai, và khắp nơi đều

đòi hỏi phải để mắt tới: cái phanh dây neo lại ngoạm lệch những mắt xích, guồng quay thì rít sít, còn những chiếc xuồng thì thô kệch như những chiếc thuyền đánh cá.

Nhưng sức mạnh của cái khái niệm «tàu biển của mình» khiến cho tất cả mọi thứ đều mau chóng biến đổi một cách diệu kỳ: phanh dây neo trở nên chắc chắn nhất, những chiếc xuồng trở nên xinh xắn nhất và chạy nhanh nhất

trong toàn hạm đội, và trong đội thủy thủ hóa ra là có những người thợ mộc hay những anh thợ sơn khéo tay, mà không loại tàu biển nào có được. Và mỗi khi đứng trên bến hoặc từ ca-nô nhìn lên chiếc tàu biển mới cách đây không lâu còn là xa lạ kia thì một niềm tự hào quen thuộc lại tràn ngập trái tim ông. Còn chiếc tàu cũ, biến thành một hình ảnh xa mờ và thân yêu, nó lắng xuống chiều sâu của tâm hồn và trí nhớ như một tỷ dụ vô song của cái gì tốt đẹp nhất, nhanh nhẹn nhất và thông minh nhất: «Trên tàu «Dũng sĩ»

của chúng tôi hạ xà ngang chỉ mất có nửa phút, mà những thanh xà ngang ấy mới tuyệt làm sao chứ!» Và tiếng còi của đội trưởng làm cho sức kéo của những cần cẩu và những dây kéo cột buồm có một nhịp điệu mạnh phi thường, và những thân gỗ to lớn cùng dựng lên một lúc như những chiếc cánh dài, chỉ sau nửa phút là đã áp chặt vào thành cao của tàu «Hải dương»

cũng giống hệt như ở tàu «Dũng sĩ». Duy chỉ mỗi khi gặp lại tàu cũ ở ngoài khơi hay đứng cạnh nhau trên bến thì Grigôri Prôkhôrukh nhìn nó một cách ghen tuông, ông cố tìm những đường nét quen thuộc thân yêu và, theo thói quen, ông nhìn kiểm tra xem xuồng của nó đã được buộc chặt chưa và những đầu dây có thò ra dưới tấm vải bọc không.

Có lẽ để giải thích sự gắn bó của Grigôri Prôkhôrukh với tàu chiến, với cái ngăn nắp, trật tự, với sức mạnh và sự sạch sẽ của nó thì dễ hơn cả là bằng tình yêu riêng của ông với con tàu. Nhưng điều kỳ lạ là tất cả những chiếc tàu mà đã được ông hiến dâng cho một phần trái tim mình trong những năm phục vụ kia, lại hòa hợp nhuần nhuyễn với nhau thành một khái niệm chung là tàu biển.

Chính khái niệm đó đã buộc ông cùng sáu người thủy thủ Bantich, cũng già như ông, bỏ chiếc tuần dương hạm tin cậy và thân yêu lại Genxinphooc để

xách một chiếc va-li nhỏ có bánh mì, ít đồ hộp cùng vài thứ dụng cụ gì đó, sang ngư lôi hạm «Xung phong». Ngư lôi hạm này hầu như không còn thủy thủ mà bọn phát xít thì đã tiến đến gần thành phố và toàn hạm đội phải cấp tốc rút qua lớp băng dày đặc về Crônstat chứ không thể hy vọng vào sự bảo đảm hảo huyền của những điểm ký kết trên tờ giấy của bản hòa ước được, Tàu «Xung phong» đỗ ở bến phía Nam nằm ngay trong thành phố. Nó nép sát vào thành bến và cả bốn khẩu súng trên mình nó đều dựng ngược lên giống như đám lông trên lưng một con chó con đứng cảm sẵn sàng xông vào trận đấu, mặc dầu trận đấu ấy không hứa hẹn với nó một điều gì tốt đẹp, —

những người thủy thủ đầy nhiệt huyết còn lại trên ngư lôi hạm sẵn sàng nhả

đạn ngay vào bọn phát xít mà không cần suy nghĩ gì, nếu như chúng dám đụng đến lá cờ đỏ đang phấp phới trên cột cờ cắm ở đầu lái chiến hạm bất lực này.

Những người hải quân từ tuần dương hạm đến, trong đó có một người của ban chỉ huy toàn Bantích, đã giải thích cho anh em thủy thủ tàu «Xung phong» rằng không được nổ súng vì dù sao đi nữa vẫn là hòa bình. Nhưng dù thế nào thì cũng phải rút lui. Vấn đề này sinh ra biết bao nhiêu là việc: số

người trên ngư lôi hạm có thể đếm trên đầu ngón tay được, máy móc đều mệt mỏi sau ba năm tuần tiểu và những trận phong ba, trong số thủy thủ cũ

chỉ có một sĩ quan phá mìn ở lại tàu. Thế mà «Xung phong» chỉ trong một đêm đã nhận đủ than, chữa chạy xong máy và nồi hơi và ngay ngày hôm sau, khi tiếng súng của bọn Đức đi đệt nổ ở Explanada sát bên bến tàu đậu thì nó đã nhổ neo tiến vào bãi băng.

Suốt mười bốn ngày đêm liền, nó lặn lội trong bể băng tuyết, nó len lỏi những đường nứt ngoằn ngoèo trên mặt băng do tàu đi qua để lại. Nhờ gặp chiếc tàu tải kéo, nên nó được nghỉ ngơi hai ngày. Đến ngày thứ ba thì chúng đuổi kịp tàu «Cảnh giác» đang bị mắc trong băng, phần mũi phá băng dài của nó bị bể chẹo hẳn sang một bên và cả hai chân vịt đều bị gãy. «Xung phong» đành nhường tàu kéo cho nó và lại lặn lội một mình. Đôi lúc những tảng băng ép lại làm những thành yếu ớt của ngư lôi hạm bị kẹp giữa bãi băng menh mông kêu răng rắc. Đối với bãi băng ấy thì việc bóp bẹp tàu khác nào như việc dùng cánh cửa để làm dập khúc xương gà non.

Prôkhôrukh chạy xuống hầm tàu, ông đặt tay vào miếng thép chỗ nối đang rung lên và qua đấy ông cảm thấy sức ép nặng nề của băng. Đành phá hết xuống lấy gỗ để củng cố sườn tàu và thất vọng rút ra khỏi rãnh băng lạnh buốt và phản bội cứ cố bóp bẹp tàu lại này. Có lần, cũng vì thế mà tàu bị

gãy mất chân vịt bên phải. Tàu vẫn tập tễnh chạy bằng một chân nó vẫn cứ

đi, đi mãi về phía trước, về Crônstat thân yêu. Thế mà khi đã về gần đến Gogolandơ thân tàu vẫn bị một tảng băng nhọn đâm thủng vào buồng máy bên phải và bốn ngày đêm liền Prôkhôrukh đã đứng trong nước lạnh cóng ngập đến đầu gối để cùng những người khác thay phiên nhau bơm nước tràn qua những khe thủng của miếng vá do họ vừa vội vã làm xong ra khỏi tàu.

Từ đấy bệnh thấp khớp thấm vào ông và cứ mỗi lần giờ trời lại làm ông đau phát khóc, nó không để ông đi lại nhanh nhẹn như hồi ông còn trên boong tàu kia nữa, khi còn là đội trưởng đội thủy thủ.

Ông đã làm tất cả việc đó vì một chiếc tàu nhỏ bé và xa lạ đối với ông, thậm chí ông chưa phục vụ trên đó bao giờ. Cho nên đúng hơn thì không phải là nói về tình yêu của ông đối với tàu biển mà là tình yêu đối với toàn hạm đội. Nhưng Grigôri Prôkhôrukh chẳng có thì giờ mà ngồi phân tích sâu sắc tình cảm của mình và ông đã phục vụ

hạm đội một cách giản đơn hết khả năng theo cách hiểu biết của mình.

Bệnh thấp khớp đã đưa ông đến tàu «Cường tráng». Mười năm về trước, sau buổi lễ kéo cờ trang nghiêm vào ngày Cách mạng tháng Mười, đồng chí chỉ huy và chính ủy thiết giáp hạm đã chúc mừng ông trước hàng thủy thủ nhân dịp hai mươi năm ông phục vụ

trong hạm đội Bantich và trao tặng ông chiếc đồng hồ vàng có khắc chữ lưu niệm. Sau đó ngồi trong xoang tàu đồng chí chính ủy có nói rằng nếu ông chịu khó một tí để thi mấy môn thì người ta sẽ đưa ông lên hàng ngũ sĩ quan trung cấp và sẽ cử ông làm người phụ tá thứ hai của chỉ huy thiết giáp hạm. Triển vọng này đã làm ông lo ngại vì thực ra tuổi già cùng bệnh thấp khớp đã có ảnh hưởng. Ông thú thực với chính ủy rằng thời gian gần đây ông quả không nghĩ

đến việc cất nhắc mà muốn được về nghỉ ngơi (vì bây giờ đối với ông phục vụ một cách thực sự thì hơi khó), nhưng nhiều đêm ông cứ trở mình hoài không ngủ được trước cái hình ảnh đáng sợ của sự

vô công rồi nghề ở trên bờ. Cuối cùng ông đánh bạo đề nghị cho ông một nơi yên tĩnh trên một chiếc tàu biển nhỏ, nơi công việc nhẹ

nhàng hơn chứ đừng bắt ông phải lên bờ, ở đấy lo vì không quen mà ông sẽ chẳng chịu được lâu.

Thế là ông trở thành thuyền trưởng của «Cường tráng» và ngay từ

ngày đó ông đã đề ra những kỷ luật hải quân thực sự trên tàu: hàng ngày phải lau sạch boong tàu và cọ bóng những tay sắt, tay đồng, ông đòi hỏi trang phục, kỷ luật quân sự mà cái đơn vị làm theo hợp đồng trên tàu này không lấy gì ưa lắm, ông còn cố bắt bằng được cứ mỗi sáng khi chào cờ thì toàn bộ «ban chỉ huy» —

nghĩa là «thợ máy cả» và đội trưởng thủy thủ mà ông phong hàm là

«trợ tá trưởng», — phải báo cáo với ông rằng trên tàu kéo trợ lực

«Cường tráng» không có hiện tượng gì đặc biệt xảy ra.

Trên cảng người ta chỉ biết cười những cái lầm cảm của ông già mà không biết tìm hiểu sâu xa bản chất cao cả chân chính của chúng.

Nhưng bao lâu sau, ai nấy đều ngạc nhiên nhận thấy rằng trên tàu

«Cường tráng» bây giờ máy móc tuy đã cũ nhưng ít hư hỏng hơn, bước chân lên boong tàu cảm thấy dễ chịu hơn, tất cả mọi nhiệm vụ

đều được thực hiện một cách nghiêm túc và nhanh chóng và bất kỳ

lúc nào cũng có thể phái «Cường tráng» đi bất cứ đâu vì thuyền trưởng luôn có mặt trên tàu và số thủy thủ lên bờ đã được tính toán

sao cho những người còn lại có thể nhanh chóng cho phát hơi và rời khỏi cảng. Thực ra, thành phần thủy thủ lấy từ số anh em tự do của Crônstat đã thay đổi nhiều lần cho đến lúc chọn toàn những người có cùng quan điểm với Grigôri Prôkhôrukh về việc phục vụ trong hải quân dù là dưới loại cờ nào — cờ xanh của cảng hay cờ quân đội.

Ông Prôkhôrukh đã giải thích cho Đrôđôđôp rằng thậm chí tàu ngầm người ta cũng gọi bằng số thứ tự như S-1, Ch-315, cho nên ký hiệu CC-16 chẳng có gì là đáng buồn giận cả, nhưng ông vẫn chỉ dùng ký hiệu ấy trong khi viết hồ sơ thôi, còn lúc trên boong tàu và ở

cảng thì ông cứ gọi tàu mình là «Cường tráng».

Một tháng rưỡi sau sự kiện đổi tên, sau khi giao cho một đơn vị ở xa báo chí, đạn dược, một chiếc máy hát mới và nhận về những thùng đựng rỗng không, «Cường tráng» trở lại Crônstat. Hôm ấy là một ngày mùa thu êm ả và nắng ráo, và Prôkhôrukh cho phép mình xuống boong — tu nước chè. Nhưng mới uống đến chén thứ sáu thì Đrôđôđôp từ tầng trên chạy xuống thò đầu vào cánh cửa sáng sủa gọi:

— Đồng chí thuyền trưởng ời, ba chân bốn cẳng chạy ngay lên trên này! Hãy ngắm xem!

Trong giọng nói của Đrôđơđốp có một cái gì độc ý làm Prôkhôrukh hồi hộp chạy ngay lên boong tàu — và ông đã hết sức sửng sốt.

Có một chiếc tàu chiến, tuyệt đẹp mà chưa ai từng thấy đang đi ngược chiều với «Cường tráng». Mang trên mình những nòng súng dài, những máy phóng ngư lôi cỡ rộng, những máy nhìn tầm xa chính xác, những máy điện tử phức tạp, chiếc tàu cân đối này đang vun vút đâm mình trong nước, lướt trên mặt biển và để lại tiếng âm vang của những quạt gió mạnh. Tất cả cái sức mạnh chiến đấu của tàu được xấp xếp gọn gàng và thông minh trên những buồng máy và buồng hơi. Hình dáng thon nhọn tuyệt đẹp của thân tàu xẻ mặt nước lóng lánh mà đi, còn phía sau nó là một làn sóng bọt ngàu bám chặt vào đuôi tàu chứng tỏ cái tốc độ rất lớn của con tàu đang bay trên mặt nước.

Có một chiếc tàu chiến, tuyệt đẹp mà chưa ai từng thấy đang đi ngược chiều với «Cường tráng». Mang trên mình những nòng súng dài, những máy phóng ngư lôi cỡ rộng, những máy nhìn tầm xa chính xác, những máy điện tử phức tạp, chiếc tàu cân đối này đang vun vút đâm mình trong nước, lướt trên mặt biển và để lại tiếng âm vang của những quạt gió mạnh. Tất cả cái sức mạnh chiến đấu của tàu được xấp xếp gọn gàng và thông minh trên những buồng máy và buồng hơi. Hình dáng thon nhọn tuyệt đẹp của thân tàu xẻ mặt nước lóng lánh mà đi, còn phía sau nó là một làn sóng bọt ngàu bám chặt vào đuôi tàu chứng tỏ cái tốc độ rất lớn của con tàu đang bay trên mặt nước.

Grigôri Prôkhôrukh vừa ngắm chiếc chiến hạm mới được bổ sung, vừa nháy mắt nói với Đrôđơđốp:

— Đồng chí thợ máy cố mà học đấy nhé: phóng nhanh như ngư lôi vậy mà nào có thấy khói đâu?

Quả thế, trên những ống khói thấp chỉ thấy lớp không khí nóng trong suốt hơi rung động: toàn bộ chất cháy của dầu hỏa bị những bình

hơi hút hết. Nhưng Đrôđôđôp gật đầu ra hiệu cho ông một cách chậm chạp:

— Sao ông lại nhìn ống khói... có biết chữ không đấy?

Grigôri Prôkhôrukh thoáng nhìn và hết đổi bàng hoàng: con mắt sắc sảo của người thủy thủ giúp ông nhận ra ngay dòng chữ «Cường tráng» trên phía sau tàu. Vaxia Jilin chỉ đợi có lúc ấy để cười vang thoải mái, nhưng anh mất hứng vội im ngay vì Grigôri Prôkhôrukh quay nhìn anh ta mặt ông tối tăm như giông tố:

— Đồng chí thường trực! Tại sao anh không chào? Không thuộc điều lệ à?..

Vaxia bèn nhảy đến cột buồm và vội vã tháo cờ ra, còn ông Prôkhôrukh người thủy thủ Bantich không cao lớn, chắc người, tóc đã bạc và có bộ mặt sạm đi vì nắng gió, hô vang: «Đứng nghiêm!»

và giơ nắm tay lên ngang chiếc mũ lính thủy đã cũ của mình đứng bất động như một pho tượng đá.

Trong cái bất động đó của ông có một cái gì trang trọng làm cho Vaxia, một người vui vẻ, hay cười, cũng phải im bật. Đrôđôđôp cũng không mỉm cười nữa, và những người khác «làm theo hợp đồng», vừa chạy lên boong tàu để nhìn qua đồng thùng, đồng hộp cái hình ảnh lực lượng trẻ tuyệt vời, đầy sức sống của hạm đội Bantich, cũng phải đứng nghiêm. Trong sự tĩnh mịch ấy chỉ còn nghe thấy tiếng sình sịch vội vàng và cằn cù của những chiếc pít-tông của chiếc

«Cường tráng» nhỏ bé này và tiếng âm vang trầm tĩnh của những tuốc bin và quạt gió của chiếc kia. Một lá cờ mới màu trắng dọc xanh có sao đỏ và quốc huy Liên-xô, tung ra theo chiều gió trên đỉnh cột cờ ngư lôi hạm. Nó được thả xuống để trả lời sự chào mừng của chiếc cờ căng màu xanh đã cũ, rồi lại lên cao và tung bay phấp phới.

Ngư lôi hạm lướt qua, chân vịt của nó quay mạnh đã sinh ra một đợt sóng ngầm thoải thoải xô tới chiếc tàu kéo và rất dễ dàng, không cần một sự cố gắng nào cả, nó đã làm cho tàu kéo nghiêng đi. Trên boong tàu hòm gỗ đồ liềng xiềng, Vaxia chạy đuổi theo một chiếc thùng đang lăn đến lan can, một chiếc thùng cứu hỏa bị hòm gỗ đập vào vừa kêu long cong vừa lăn đến chân Grigôri Prôkhôrukh.

Sự kiện bất ngờ ấy làm mất hết cả không khí trang nghiêm và Grigôri Prôkhôrukh, sau khi tóm được chiếc thùng cứu hỏa, đã văng ra những câu thoải mái mà chẳng kể gì đến yêu cầu phải tuân thủ

điều lệ hải quân cả. Mãi cho đến lúc thùng, hòm đã lại được buộc chặt gọn ghẽ vào boong tàu thì ông mới để ý thấy chiếc thùng mà ông đang vung vẩy trong tay. Ông treo thùng lên chỗ cũ, ngắm nhìn hàng chữ viết trên nó rồi bỏ đi xuống lòng tàu, ngắn gọn ra lệnh cho Vaxia:

— Sơn kín đi!

Thế là tàu «Cường tráng» xưa kia đã dứt khoát trở thành tàu «CC-16» khiêm tốn. Nhưng bây giờ nếu ai trở về tàu không đúng giờ hay để xảy ra sự gì hư hỏng trên tàu thì bao giờ Grigôri Prôkhôrukh cũng kết thúc lời phê bình sấm sét của mình bằng câu:

— Anh không có một tí tự hào thực sự nào về chiến hạm cả... Làm như thế thì anh không bao giờ trở thành thủy thủ Bantich được! Cái đồ lạc hậu à, anh phải nhớ rằng mình đã nhường tên lại cho tàu nào chứ?..

Và những tay vịn bằng đồng trên tàu «CC-16» lại bóng nhoáng không kém gì chính trên tàu «Cường tráng», trên boong và trong buồng máy lúc nào cũng sạch sẽ như trên tàu quân sự, cả đến Đrôđôđôp cũng tìm ra cách biến đụn khói dày đặc thường sặc sụa trên ống khói thành một giải khói nhỏ màu xám.

II

Vào một buổi tối lạnh của tháng mười một, tàu «CC-16» trở về cảng Crônstat. Cũng như cả thành phố, cảng Crônstat đang chìm trong bóng đêm, và hình dáng những chiếc tàu biển đỗ ở bến hiện lên mờ ảo. Cơn gió bão rít mạnh trên ngọn những cây cổ thụ của công viên Pêtrôpxki và đôi lúc đám cánh trơ trụi lại in hình lên nền trời xanh nhạt: đó là lúc chiếc đèn pha từ

một đồn gác ở xa kiểm tra bầu trời và mặt biển. Suốt những ngày này, tàu làm việc chẳng kể ngày đêm vì đó là thời gian rất căng thẳng. Thậm chí Grigôri Prôkhôrch cũng không còn đòi hỏi đến sự sạch sẽ nữa, — đội thủy thủ không được ngủ đây giấc và quên cả bến bờ vì công việc dồn dập.

Tàu vừa ghé sát bến thì từ trong bóng tối đã vang lên giọng nói của đồng chí đặc phái viên:

— Grigôri Prôkhôrch, đồng chí phụ trách cảng cấp tốc mời bác đến ngay!

Và Prôkhôrch, không kịp thay bộ quần áo làm việc, vội nhảy lên bờ. Sau hai tiếng, ông trở về nom trịnh trọng và nghiêm chỉnh. Ông tập họp toàn đơn vị

lại gian phòng công cộng và tuyên bố rằng «CC-16» vừa được nhận nhiệm vụ chiến đấu, cho nên chỉ ông và đồng chí «thợ máy cả» là những người sĩ

quan dự bị ở lại tàu thôi, còn toàn đội «làm theo hợp đồng» thì sáng phải đi lĩnh thanh toán ở ban quản trị cảng vì sẽ có thủy quân hồng quân đến thay.

Vaxia Jilin hỏi hợp đồng dừng dậy tuyên bố rằng dù người ta có dùng đến vũ lực đi nữa thì anh cũng không bỏ tàu, anh còn nói rằng chắc

trong thời gian qua, ông Grigôri Prôkhôrukh đã quá mệt nên không còn biết giải thích với đồng

chí phụ trách hộ là họ không phải là cái thứ «hợp đồng» nào cả, mà là những người xô-viết và những người thủy thủ Bantich, và thật xấu hổ nếu như ngay ngày đầu chiến tranh mà đã bỏ chiến hạm cho những kẻ khác, còn bản thân thì cứ ở Crônstat luôn chờ rau cải. Sau anh, những người khác đều đứng lên có ý kiến. Cả đến bác thợ đốt lò Macxutôp mà trước đây thường giờ cái bệnh sốt rét kinh niên ra để tránh mọi việc, cũng phát biểu. Grigôri Prôkhôrukh lập tức đi gặp đồng chí phụ trách cảng. Trên đường đi ông rẽ qua nhà ở

khoác chiếc áo cổ cứng có ba vạch kim tuyến trên ống tay mà đã mười năm nay ông không dùng.

Công tác chiến đấu của tàu «CC-16» đã bắt đầu như vậy. Dù sao đi nữa, đồng chí phụ trách cảng cũng gạt đi ba người, trong đó có Macxutôp, và cử

những người khác, lính thủy dự bị, đến thay. Súng liên thanh đặt ngay trên đầu tàu, trong chòi canh là đài vô tuyến xinh gọn, và chiều hôm sau thì «CC-16» đã đậu ở một bến xa, nơi tập trung các chiến hạm của đơn vị đổ bộ, ban đêm nó làm nhiệm vụ bảo vệ, và Vaxia Jilin là người đầu tiên thường trực súng máy và pháo tín hiệu.

Suốt hai ngày liền, «CC-16» bận việc tíu tít, nó chở người, vũ khí, lương thực, nước uống, đạn dược đến chiến hạm, chạy đi chạy lại thi hành mệnh lệnh của đồng chí chỉ huy đơn vị giữ cờ trên ngư hạm «Cường tráng».

Đến ngày thứ ba thì chân Grigôri Prôkhôrukh đau nhức nhối và đến trưa đúng là đổ trời, tuyết rơi rất dày. Từng chùm tuyết lớn ướt át rơi xuống chiến hạm, xuống mặt nước đen thẫm làm không còn nhìn thấy gì nữa. «CC-16» bị nghẽn cạnh sườn tàu «Cường tráng».

Grigôri Prôkhôrukh đứng trên cầu ngắm nhìn chiến hạm. Những bông tuyết rơi phải ống khói nóng lập tức biến thành nước từ từ chảy thành giòng trên màu son xanh xám hoàn mỹ của tàu. Ngay khi

ấy từ phía boong tàu, đồng chí trung tá thuyền trưởng chiến hạm cất tiếng gọi ông. Đây là đồng chí chỉ

huy toàn đơn vị, nhưng Grigôri Prôkhôrukh nhận ngay ra anh học viên vui tính Côliá Cuôccôpxki mà mười hai năm về trước ông đã giảng cho biết những bí quyết của nghề hàng hải. Không hiểu tại sao anh ta không thể nào buộc chặt được nút thắt tốpô, đến nỗi Grigôri Prôkhôrukh phát bực mình bắt anh ta phải ngồi buộc nút ấy bốn chục lần liền, cho đến lúc những ngón tay Cuôccôpxki còn chưa tự động đan chéo được cái nút thắt này, mà theo con mắt của người đội trưởng là đơn giản. Cuôccôpxki mời Grigôri Prôkhôrukh sang uống nước chè. Ông già cố tỏ ra ta vẫn khỏe mạnh như xưa, cố nhấc đôi chân đau qua lan can bước sang tàu kia, và ở đây thông qua đôi chân ấy ông liền cảm thấy một nhịp rung ngấm liên tục của toàn bộ thân tàu «Cường

tráng» vẫn ở tư thế sẵn sàng xuất phát và chiến đấu: hàng trăm máy móc đốt nóng đang rung lên như một con chó săn khỏe mạnh và nhanh nhẹn đánh hơi thấy mồi.

Một không khí ấm cúng tràn ngập trong hành lang của chiếc chiến hạm sạch sẽ này. Có mùi hơi nước, mùi sơn, mùi thơm của chiếc thảm mới trải ngay ở

lối xuống hầm tàu và mùi cay cay chiến đấu của dầu súng máy mà người ta đã dùng để đánh bóng máy nâng đạn. Trong gian công cộng ánh đèn sáng sủa, thật ấm cúng và yên bình, tiếng đài mở không to lắm và có cảm giác như không phải trong đêm nay đơn vị sẽ đi làm nhiệm vụ. Chỉ có tám bản đồ

trải trên bàn bên ở gần đi vãng là nhắc tới điều đó. Mãi đến chén chè thứ tư

Cuôccôpxki mới thôi nhắc lại thời còn là học viên, về thiết giáp hạm và nút thắt tốpô mà anh vẫn nhớ mãi, rồi như vô tình, anh hỏi về đội thủy thủ của Grigôri Prôkhôrukh: nếu như có chuyện gì xảy ra, nó vẫn không sợ chứ? ông già trả lời rằng tuy đội thủy thủ của ông gồm những người làm theo hợp đồng nhưng rất tốt và đáng tin cậy.

Cuôccôpxki dẫn ông đến gần bản đồ rồi chỉ vào một lối đi hẹp tục gọi là «họng chó», nơi đơn vị cần phải đi qua (vì lối thứ hai để đi đến vị trí đổ bộ lại nằm giữa những hòn đảo có địch đóng), và nói rằng do thời tiết xấu này nên «CC-16» phải đảm nhiệm một nhiệm vụ

chiến đấu. Trước khi trời tối, nó phải đến chiếc đèn phao ở gần «họng chó»

đã bị tắt vì chiến tranh, rồi thả neo cạnh bờ đá và sẽ theo lệnh điều khiển bằng vô tuyến từ «Cường tráng», bật đèn trên mũi tàu chỉ đường cho đơn vị

tiến đến. Tất cả chiến hạm và tàu tải chở lính sẽ theo ngọn đèn đó vượt qua

«họng chó», sau đó «CC-16», trước ba giờ sáng, phải đuổi theo đơn vị ngay để vận chuyển bộ đội đổ bộ lên bờ vào đúng mười giờ sáng.

Đồng thời Cuôccôpxki hạ lệnh cho một trung úy cầm bản đồ và bản mật mã vô tuyến sang tàu «CC-16» để giúp thuyền trưởng tàu này (anh nói là «để

giúp», làm Grigôri Prôkhôrch rất vừa lòng). Cuôccôpxki một lần nữa nhắc lại rằng đài vô tuyến chỉ có thể sử dụng để nhận tín hiệu thôi và «CC-16»

phải đuổi theo tàu vận tải không được chậm trễ.

Grigôri Prôkhôrch vội vã ra về để phân công công việc. Vào lúc trời gần tối, chiếc tàu kéo «CC-16» một thân một mình tiến về phía «họng chó» và thả

neo đổ lại cạnh đèn phao. Càng về tối tuyết rơi càng nhiều thành một màu trắng phủ kín cả chung quanh. Grigôri Prôkhôrch rất lo lắng vì các chiến hạm có thể sẽ không nhìn thấy ngọn đèn hiệu, nhưng chẳng có cách nào giải quyết. Mọi người đợi chờ tín hiệu bằng vô tuyến. Chẳng mấy chốc từ chòi đài vô tuyến người ta đem lại một mảnh giấy, đồng chí trung úy vừa tra mật mã vừa làm bầm

đọc: «Apêtia... Vanhia... Lesa... », rồi tuyên bố rằng đơn vị đã nhỏ neo.

Mọi người sốt ruột chờ đợi tín hiệu thứ hai cho phép bật đèn.

Tuyết rơi càng dày hơn, đã hai lần phải xúc tuyết trên cầu đi vì nước đọng lại quá nhiều. Đến nửa đêm thì Grigôri Prôkhôrch cho rằng kế hoạch đã bị

hoãn vì lý do không vượt qua được tuyết dày và đơn vị đã quay trở lại. Đồng chí trung úy ngạc nhiên quay đầu lại phía ông, vừa gạt những bông tuyết ướt cứ cố tình nhét đầy vào cổ áo, anh vừa nói chẳng nhẽ ông lại nghĩ thật rằng có thể không thi hành mệnh lệnh? Đồng chí đã hỏi với một giọng làm cho Prôkhôrch cảm thấy kính trọng chàng thanh niên này hơn và lập tức ông đi kiểm tra xem bật đèn có trục trặc gì không.

Nhưng tín hiệu vẫn chẳng thấy đâu và trung úy bắt đầu bực mình. Đồng chí cho rằng anh điện báo viên của chiếc tàu kéo bé nhỏ này đã bỏ lỡ mất tín hiệu và đáng nhẽ phải lấy một người thủy quân vì chắc đơn vị đang đi qua ngay gần đầu đây trong cái cơn bão tuyết mịt mù này vì đơn vị phải vượt qua «họng chó» trước hai giờ sáng. Chiến dịch không thể bị trung tá Cuôccôpxki hoãn lại vì đặc tính của đồng chí trung tá không phải như thế, và đồng chí không hề huấn luyện cho sĩ quan của mình điều đó; chỉ còn có thể

nghĩ rằng người ta đã bỏ lỡ mất tín hiệu. Anh cúi xuống cầu và gọi Grigôri Prôkhôrch yêu cầu cứ cho bật đèn lên. Ánh sáng chói lọi đập vào bóng tối và chiếu sáng những bông tuyết đang chậm chạp quay cuồng rơi xuống không ngừng. Có lẽ cách xa năm mươi mét thì chỉ có thể đoán được tia sáng này bằng cái ánh hào quang yếu ớt của tuyết trắng; như thế có nghĩa là đơn vị đang mò trong tuyết đi cạnh những mỏm đá mà không có sự giúp đỡ của đèn báo hướng.

Tất cả những lo lắng và ngờ vực ấy trung úy giữ lại trong lòng, còn Grigôri Prôkhôrch thì yên tâm chờ đợi. Thật ra, cái giọng nói mà trung úy đã trình bày với ông ý kiến của mình về mệnh lệnh đã làm ông hoàn toàn tin rằng kế

hoạch vẫn được tiến hành và đơn vị đã tìm ra một cách nào đó để vượt qua

«họng chó» mà không cần đến ngọn lửa làm hiệu. Bởi vậy, sau khi đã đợi đến ba giờ sáng, thời gian mà theo đúng lệnh là lúc «CC-16» phải nhả neo để đi tới vị trí đổ bộ, Grigori Prôkhôrukh ra lệnh: «Nhả neo!», và tiếng xích nặng nề vang lên như một bài ca hành khúc.

Trung úy nói có lẽ nên đợi cho đến lúc có lệnh mới, nhưng Grigori Prôkhôrukh mềm mỏng, song kiên quyết nhắc rằng người ta cử đồng chí sang tàu là «để giúp» thôi cho nên mọi việc là do ông, người thuyền trưởng của tàu, tự quyết định lấy: chưa có lệnh hủy lệnh cũ, sự phân công mới cũng chưa có mà thời gian quy định đã qua, do đó cần hành động theo kế hoạch

chứ không phải chờ đợi gì cả vì đồng chí chỉ huy đơn vị sẽ chẳng làm loạn không gian thêm để khẳng định lệnh cũ một lần nữa làm gì khi bản thân đã cảm không cho dùng điện đài. Tất nhiên, các chiến hạm bằng một cách kỳ

diệu nào đó đã vượt qua «họng chó» và đến vị trí đổ bộ chậm trễ là chuyện không thể có được. Còn nếu như quả vì thời tiết mà phải hoãn kế hoạch (điều mà ông không thể nào tin được), và nếu không thấy các chiến hạm trên vùng biển thì ông sẽ cho tàu quay lại bến.

Sự việc đã cho thấy niềm tin rằng mặc dầu thời tiết rất xấu, đơn vị vẫn thực hiện mệnh lệnh, — niềm tin mà chính trung úy đã đem tới cho Grigori Prôkhôrukh tuy sau này bản thân mình, dưới ảnh hưởng của hoàn cảnh đã giao động, — tỏ ra là đúng. Khi ở phía trước mặt, dưới đám mây thấp bông tuyết, những mỏm gò khổng lồ của đảo hiện lên trên làn nước xám thì Grigori Prôkhôrukh nhìn thấy những chiến hạm và tàu vận tải ở phía bên phải, trong đám mây mờ của buổi sáng tháng chạp. Chúng vượt qua ngạch nước nằm giữa các đảo bị địch chiếm: có lẽ Cuôccôpxki đã lợi dụng chiếc màn tuyết dày và dẫn toàn đơn vị qua đây để tránh đi qua con đường hẹp và nguy hiểm cạnh «họng chó». Toàn đơn vị đã tới địa điểm đúng giờ quy định.

— Xem đấy mà học, đồng chí hoa tiêu ạ! — Grigôri Prôkhôrukh nói với Jilin đã làm nghề hoa tiêu một năm nay. — Hãy học xem các chiến hạm quân sự

đi như thế nào!.. Lấy hướng theo đơn vị!

Những chiếc ngư lôi hạm lao thẳng về phía trước. Tàu vận tải dừng cả lại. Cả

một đàn những ca nô nhỏ, những tàu kéo bao quanh lấy thành tàu cao ngất của chúng, còn những chiếc thuyền cảnh giới chạy quanh chúng để kiểm soát xem có tàu ngầm địch xuất hiện không. «CC-16» mở hết tốc lực chạy đến chiếc tàu vận tải được phân công, và lập tức những người thủy quân mang súng trường, lựu đạn và súng máy từ đó như đổ vãi nhảy xuống boong tàu kéo. Trung úy tàu «Cường tráng» nhảy lên tàu vận tải tìm đoàn lính đổ

bộ của mình, còn một trung úy khác trẻ hơn bước lên tàu «CC-16» và vừa sóc lại lựu đạn vừa nói bằng một giọng phấn khởi.

— Đi thôi, đồng chí chỉ huy phân đội, theo hướng về phía bên!

Grigôri Prôkhôrukh sửng sốt nhìn xung quanh tìm kiếm người mà đồng chí trung úy nói, nhưng khi sức nhớ tới phù hiệu của mình bèn mỉm cười:

— Rồi!

«CC-16» mở hết tốc độ chạy vào phía bờ. Tàu «Cường tráng» vừa vòng qua

nó thì một tiếng nổ làm tung lên ngay sau đuôi nó một cột nước khổng lồ

đen ngòm, rồi cột thứ hai, cột thứ ba. Chắc người ta phát hiện ra tàu ngầm.

Tiếng nổ của những trái bom ngầm làm động nước đến nổi toàn bộ tàu «CC-16» nhảy lên, những mũi nhọn hoắt của các ngư lôi hạm và

thuyền cảnh giới bơi quanh tàu vận tải là là quét trên mặt nước thành những vòng rộng, cả

một đoàn ca nô chở bộ binh đổ bộ đi vào phía bờ và hàng trăm con mắt đều quan sát xem có thấy ống nhòm của tàu ngầm địch thò lên khỏi mặt nước một lần nữa không. Nhưng họ không thấy gì cả.

Bờ đã gần. «CC-16» đã đuổi kịp ca nô, xuống, và các tàu kéo khác chở đầy lính đổ bộ. Trung úy dùng ống nhòm quan sát bờ và khi bỏ ống nhòm nhìn những chiếc thuyền đang đuổi theo nó thì một sự sốt ruột lộ ra trong khóe mắt anh làm Grigôri Prôkhôrukh phải cúi xuống ống nói quát to vào buồng máy:

— Đrôđrôđop, mở hết tốc lực ra! Có phải anh chở bắp cải đâu!

«CC-16» tăng thêm tốc độ và dễ dàng đuổi sát tới «CC-12» và «CC-14»

đang đi trước họ, dễ dàng đến nỗi Grigôri Prôkhôrukh phải ngạc nhiên vì thực ra cả hai tàu này đều không phải loại chạy tòi, nhất là tàu «thứ mười hai», cựu «Hùng dũng». Nhưng sau khi đã kịp nó, ông mới nhận thấy rằng nó chạy với tốc độ thấp. Đồng chí thuyền trưởng tàu này đứng trên nhịp cầu vung mũ vẫy gọi và muốn nói gì đó với ông. Phải giảm bớt tốc độ và chú ý nghe, Grigôri Prôkhôrukh mới hiểu rằng bên bị giải mìn và đi vào đây rất nguy hiểm.

— Đã có ai bị nổ rồi hay sao? Đằng trước chưa có ai mà!.. — Grigôri Prôkhôrukh trả lời.

— Grigôri Prôkhôrukh ạ, hãy để các ca nô đi trước, chúng mình hãy đợi ở

đây, vào nguy hiểm đấy!..

Lại thêm một chiếc nữa đuổi kịp những tàu kéo này và cũng giảm bớt tốc độ.

Grigôri Prôkhôrch không lấy gì làm hài lòng liếc nhìn nó rồi quay về phía trung úy:

— Thế nào đồng chí trung úy, chúng ta sẽ ngủ lại đây hay là cứ liệu?

Trong giọng nói của ông rõ ràng có ý nhạo báng, nhưng trung úy buồn rầu khẳng định rằng trong lệnh cũng có nhắc là có thể bến bị gài mìn, và do đó đột đổ bộ đầu tiên giành cho những ca nô nhẹ, còn tàu kéo phải đợi đợt sau.

Nhưng sự giải thích này không sao ăn khớp với cái nhìn sốt ruột mà anh đang hướng vào bến xa, và Grigôri Prôkhôrch rất thông cảm tâm trạng của anh.

Ông chú ý lắng nghe trung úy, lịch sự gật đầu đồng thời chăm chú nhìn vào bến, sau đó cúi xuống ông nói, ông ra lệnh:

— Mở hết tốc độ về phía trước!

Trung úy ngạc nhiên nhìn ông, nhưng Grigôri Prôkhôrch láu lỉnh nháy mắt chỉ về phía bên phải bến. Ở đấy, trong lòng sâu của vịnh có một bãi cát và rằng bọn địch trên đảo chẳng lấy đâu ra mìn mà giải khắp bãi vịnh được.

— Thế nào đồng chí trung úy, — Grigôri Prôkhôrch vẫn láu lỉnh hỏi, — chõ

ấy được chứ? Trong lệnh chẳng nhắc gì đến nó cả, còn bến thì chúng ta không vào làm gì... Chỉ có cái là anh em bộ đội sẽ hơi bị ướt tí thôi.

Trung úy đồng ý gật đầu và cúi mình qua lan can hạ lệnh:

— Chuẩn bị nhảy xuống nước! Giữ khô súng và lựu đạn!

Sau khi vòng một vòng ngoặt và nhả vài tràng liên thanh lên bờ, «CC-16»

lao thẳng vào vịnh về phía bãi cát. Mặt nước phẳng lặng, khó mà đoán nổi có gì ẩn náu dưới bề mặt bạc trắng đục của nó. Trung úy định dồn hết người về

đằng đuôi vì nếu tàu kéo có chạm phải mìn thì tất nhiên sẽ chạm đằng mũi trước, nhưng rồi hiểu rằng ở cuối tàu cũng chẳng hơn gì, và đồng chí chuẩn bị nhảy, giơ cả lựu đạn và súng lục lên. Grigori Prôkhôrukh thay thế cho thợ

lái để tự điều khiển tàu, ông chăm chú và bình tĩnh quan sát vịnh nước nhỏ

như khi đưa tàu vào bến góc của Cảng giữa. Chỉ những thớ thịt căng thẳng cùng đôi mắt thận trọng của ông là để lộ tính bất thường của cuộc đổ bộ lên bờ này mà thôi.

Một tiếng chạm nhẹ làm mọi người trên boong tàu đổ xiêu. Tiếng cát lạo xạo dưới mũi tàu và chân vịt quấy đục ngầu cả nước để lùi ra — nước bắn tung tóe lên boong tàu: anh em bộ đội theo sau trung úy nhảy ủa xuống nước lạnh, lội ngập đến ngực tiến vào bờ.

Grigori Prôkhôrukh đưa chiếc tàu kéo đã nhẹ hết người ra khỏi bãi cạn một cách dễ dàng rồi quay đi chỗ đơn vị mới. Chiếc tàu «Hùng dũng» bây giờ

cũng mạnh dạn đi vào bãi cát và gặp tàu «CC-16» trên đường ra. Tiếp theo là hai chiếc tàu kéo khác. Anh em thủy quân đã giơ súng lên khỏi đầu chuẩn

bị làm theo gương đợt đổ bộ thứ nhất.

— Thế mà vẫn gọi là lính Bantich! — Grigori Prôkhôrukh chầm biểm gọi đồng chí thuyền trưởng tàu «Hùng dũng». Vaxia Jilin ngồi bên bàn hoa tiêu, lập tức chêm thêm vài câu tai quái. Prôkhôrukh không hài lòng quay lại phía anh:

— Đồng chí Jilin, trong lúc chiến đấu anh phải giữ cho điềm đạm! — ông nói, và lần đầu tiên gọi Jilin bằng «anh».

III

Hòn đảo đã trở thành của ta. Bây giờ «CC-16» đến đây với chức năng cũ của mình: chở thùng, hòm, máy quay đĩa và đạn dược, tưởng như không làm gì có cái buổi sáng tháng chạp nọ, khi tàu này chỉ đường cho quân đổ bộ đến đây. Do chỉ có một mình «CC-16» thường tới đây nên đơn vị bộ đội trên đảo này rất vui mừng mỗi khi đón nó trên bến. Và cũng bởi tình cảm tràn trề cho nên ngay vào chuyến thứ ba, anh em đã gọi đổi cái tên «CC-16» thành tên gọi âu yếm là «Sêsêsa», đôi khi còn gọi là «Sêsêtôsa» hoặc để cho trang trọng hơn «Sêsêtôn Ivanôvich». Thật lạ là cái tên mới ấy, cái tên gọi biểu lộ

tình cảm của anh em bộ đội trên đảo đối với chiếc tàu kéo chung thủy này, lại bị Grigôri Prôkhôrukh phản đối. Vừa nghe thấy Jilin gọi nó bằng tên gọi ấy ông liền nghiêm nghị cắt lời anh, gọi anh bằng «anh» vì theo ông đang là lúc phục vụ trong quân đội, ông đã rành mạch phân rõ quan hệ trong lúc phục vụ và ngoài lúc phục vụ.

— Đồng chí hoa tiêu (Jilin đã gần trở thành hoa tiêu), đồng chí hãy vứt cái tên ấy đi. Tàu đã có tên gọi do điều lệnh quy định, không làm gì mà phải gọi chệch đi, hơn nữa cái tên ấy đã được ghi vào lịch sử rồi.

«Lịch sử» đây Grigôri Prôkhôrukh có ý nói về đoạn viết trên báo «Hạm đội Hồng quân Bantich», ở đấy trong một bài phóng sự người ta đã mô tả về đợt đổ bộ đầu tiên và nói đến sáng kiến chiến đấu của đồng chí chỉ huy tàu «CC-16». Jilin cũng giữ mảnh báo ấy, nhưng có những mục đích thực tế hơn: trong những giờ ngắn ngủi ở Crônstat, khi chạy ghé thăm cô Dina anh thường kiêu hãnh lôi mảnh báo đó ra và lại kể về cái câu chuyện chiến đấu đầu tiên (và tạm thời còn là độc nhất) của mình. Với bộ mặt bí ẩn, anh thường nói thêm rằng cô ta sẽ còn được nghe nhiều về tàu «Sêsêsa» qua báo chí, và khi ấy chắc chắn tên anh sẽ được nhắc tới.

Nhưng các chuyến đi tới đảo đã trở thành thông thường, không còn những

trường hợp để «Sêsêsa» thể hiện phẩm chất chiến đấu của mình nữa, và Jilin cứ thờ dài liên tục cúi nhìn tấm bản đồ để trên bàn hoa tiêu của anh.

— Ôi, cuộc sống Sêsêsa của chúng ta ời!.. Người ta thì chiến đấu, còn mình thì cứ chờ bắt cái... Vaxia Jilin ời! Mà chẳng có hạnh phúc đâu! Cứ với nhịp này thì đừng có hòng mà tiến đến Anh hùng Liên-xô!..

Những câu nói như thế làm Grigôri Prôkhôrukh rất bức mình. Đứng tì tay vào lan can và ngo nguậy ngón chân trong đôi ủng lông (vì cứ mỗi lần đến đảo thì mùa đông lại càng về gần hơn), Grigôri Prôkhôrukh đã chỉnh đốn cho Jilin những mẻ rất dài; ông chứng minh rằng trong hạm đội cũng như trên tàu biển, mỗi vật đều có giá trị của nó và ngay cả loại cải bắp xấu tiếng thì cũng là một loại hàng cung ứng và chuyên chở nó đến hòn đảo xa xôi này là một công việc rất chiến đấu, rất phù hợp với «CC-16». Với niềm tự hào và không có ý châm biếm ông nói thêm rằng tàu mười hai và tàu mười bốn có được cử

đi đâu bởi vì không ai đại gì lại đi giao phó việc chở hàng bắp cải chiến đấu cho thứ tàu mà hễ chạm phải băng là đã sợ bỏ chạy xa.

Quả thực, bây giờ những tảng băng mà họ gặp trong vịnh ngày một nhiều hơn và lớn hơn. Dọc bờ đá hình thành một lớp băng mỏng và mỗi cơn sóng to lại ngoạm của lớp màng xanh bằng bạc bằng phẳng ấy những cục băng lớn và thả chúng lênh đênh vào vịnh, còn ở bờ thì cái lạnh giá và lớp nước yên lặng cứ liên tục bu lại sự mát mát này. Những tảng băng lẻ loi ấy sau khi vào vịnh đã không tan trong nước mà ngược lại, sẵn có cái lạnh giá trong mình nên khi gặp dịp là chúng làm đông cứng luôn lớp nước bao quanh và cũng lớn lên không ngừng, trở thành những bãi băng bằng phẳng. Đôi khi sóng to không hiểu cái nhiệm vụ do thiên nhiên đề ra, lại đánh vỡ luôn cả

những bãi băng trôi lênh bênh này, nhưng cải lạnh giá lập tức sửa ngay lỗi lầm hộ nó, — và bãi băng mới, do những tảng băng gắn chặt vào nhau lại chậm chạp bập bềnh trên mặt vịnh, tìm kiếm xem có chỗ nào để bám vào hoặc gắn lại với nhau thành những bãi lớn hơn.

Đúng là «CC-16» không sợ bỏ chạy xa khi gặp những tảng băng ấy. Nhờ có con mắt đầy kinh nghiệm, biết đánh giá lứa tuổi và độ dày lớp băng, trong phần lớn trường hợp Grigôri Prôkhôrukh cứ cho tàu phóng thẳng vào bãi băng. Tàu rùng mình, chiếc mũi phá băng của nó chồm lên băng và nhích đi từng tác một cả cái sức nặng của thân tàu. Bãi băng không chịu nổi đã vỡ ra thành từng mảnh quay lộn chậm chạp để lộ ra trong vết vỡ những ánh hào quang rực rỡ của các tinh thể, và rồi bị chân vịt xoáy kéo lùi về phía đuôi tàu. Đôi khi ngay từ đầu, chiếc mũi phá băng đã làm tảng băng nứt ra một đường gân ngoằn ngoèo, bãi băng vỡ làm hai phần mở đường cho «CC-16»

lấy thân tàu gạt băng sang hai bên mà lách đi một cách dễ dàng êm ả.

Nhưng cũng có lúc — càng về sau càng nhiều hơn — Grigôri Prôkhôrukh ngấm nhìn bãi băng rồi lặng im chỉ hướng đi cho đồng chí lái tàu, nhường lối cho tảng băng, đành tránh địch thủ chứ không cần xông thẳng vào nó.

Chẳng bao lâu sau, cách này trở thành thường dùng vì những bãi băng đã củng cố vững vàng vị trí của chúng. Chúng đã chiếm vùng tam giác châu sông Nêva, vũng Mackidôp và hầu như toàn bộ vịnh Crônstat. Từ hai bên, những mũi tiền tiêu của nó đã kéo dài suốt bờ

biển phía nam và phía bắc, chiếm lĩnh các eo và vịnh nhỏ để từ đây cùng với cơn phong ba đưa tất cả bãi băng vào vịnh, đến những khoảng rộng của nó. Chỉ ở cảng Crônstat và ở lối đi dọc theo các cột hải đăng là nước còn giữ được trạng thái sền sệt: ở đây là cả một đồng lầy lạnh buốt của những tảng băng vỡ lộn xộn, vô hình dạng mà chiến hạm và tàu phá băng qua lại luôn đã làm chúng không dính vào nhau thành một lớp dày được. Mỗi lần bị tàu biển đập vào,

chúng lại kêu leng keng, gầm gừ và cọ sát vào thân tàu, nhưng rồi vẫn vỡ tan ra. Song mỗi khi được để yên thì chúng trả thù bằng cách đông lại một cách đều cang thành những cục lộn xộn giống như một cánh đồng bị cày lên lổm chổm. Phá những bãi băng này khó gấp bội so với bãi băng phẳng. Nhưng người ta vẫn phá được chúng vì chiến tranh vẫn đang tiếp diễn và những chiến hạm vẫn phải có đường qua những bãi băng này để ra vùng nước còn chưa kịp đóng băng. Và theo sau các chiến hạm là tàu «CC-16» len lỏi theo lối đi còn mới để, hoặc tránh những bãi băng ngược chiều, hoặc đâm thẳng vào chúng mà kiên trì tiến về phía đảo.

Một ngày đầu tháng giêng, tàu «CC-16» cũng theo sau đoàn chiến hạm đang đi làm nhiệm vụ bằng cách như vậy. Ra đến vũng tàu, nó đứng đợi cho chiếc tuần dương hạm xoay tảo thân khổng lồ phá tan một cách dễ dàng bãi băng đông cứng trên lối đi xong, rồi bám theo sau đuôi nó trên con đường rộng thênh.

Bầu không khí xanh trong của buổi rạng đông cuối tháng giêng như

bị chiếc tuần dương hạm dần lùi lại phía tây, còn ở sau lưng nó, ráng hồng mênh mông của buổi bình minh mùa đông ngày càng dâng lên cao hơn, lan rộng ra rực rỡ và những ngọn đèn hải đăng như ánh sáng rực rỡ của ngày hội bùng lên trong bầu không khí lạnh buốt. Grigori Prôkhôrukh đứng trên cầu, ông mãi nhìn ráng

hồng chậm rãi trải ra trên nền trời, mà quên cả lạnh. Ông ngắm nhìn cái bóng dáng quen thuộc của thành phố, — cột bơm nước, những máy cần trục, ống khói nhà máy Hải quân, gác chuông nhà thờ, những đỉnh nhọn hoắt của cột buồm trên bến cảng, — và một cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái kỳ lạ và đồng thời một nỗi buồn khó tả, càng xâm lấn tâm hồn ông.

Ông yêu cái giờ của buổi bình minh yên tĩnh này, cái giờ mà ông đã quen thuộc trong suốt nhiều năm khi ông dậy sớm trước lúc báo thức, — cái giờ, khi chiến hạm còn đang ngủ và qua cửa sổ tàu còn nhìn rõ những ngọn đèn đêm màu xanh; khi những hình dáng mỏng manh của dây và cột buồm ngày càng rõ nét trên nền bầu trời đang hửng sáng, và màu sơn trên tàu càng đượm màu chiến đấu khắc

khổ của mình; khi mà không muốn nói to vì cả đến những chiếc xuống treo trên xà ngang lắc lư không ngừng suốt đêm kia, giờ

cũng nằm yên và hơi kéo căng dây buộc như để thử xem mình còn có được buộc chặt không. Nhưng những buổi bình minh về mùa đông đối với ông là một cảnh tượng bất thường vì chúng đến trong lúc ông đang bận rộn công việc trên tàu, cái công việc của ngày mà ông thường bắt đầu từ khi trời còn tối, cho nên không làm gì có được sự tỉnh mịch ấy.

Giờ đây ông ngẩng nhìn bầu trời giá lạnh đang ửng hồng như mới thấy lần đầu và chợt nghĩ rằng ông sống thế mà cũng đã khá lâu và bây giờ thì ông chẳng còn được nhìn cái khởi điểm dịu dàng nhưng không có gì ngăn được của một ngày, là bao nhiêu nữa. Ý nghĩ đó xuất hiện trong đầu óc ông rõ rệt đến nỗi ông phát bực mình: sao bỗng dừng lại thế? Nhưng nỗi buồn khó hiểu vẫn cứ xâm chiếm tâm hồn ông và ông tiếp tục đứng nhìn hình bóng đen thẫm của Crônstat đang chìm dần vào phía chân trời ửng hồng kia cho đến lúc tiếng va chạm vào băng làm ông ngoảnh lại. Thành ra chiếc tuần dương hạm đi đã khá xa và lớp bùn lầy băng giá lại ngoan cố

lấp kín cả lối đi. Ông nhìn Crônstat như vĩnh biệt với nó, rồi quay lại theo hướng đi về phía tây.

Cả ở phía ấy trời cũng đã sáng, không gian trở nên nhẹ nhàng, rạng rỡ và bầu trời đượm một màu xanh trong sáng. Theo mọi dấu hiệu thì trời sẽ lạnh và êm ả, nhưng cái đau âm ỉ trong chân lại nói rằng

sẽ có bão.

Và quả thế: bãi băng ở mép đã rung động.

Đây là một cảnh tượng kỳ lạ: bãi băng băng phẳng cong lên uốn xuống một cách chậm chạp, im lìm như có ý bắt chước hình dáng cơn sóng từ biển đánh luồn xuống dưới đội bề mặt co dãn của nó lên. Băng không vỡ và cũng không nứt vì ở đây nó còn đang mềm và dẻo như xương trẻ con. Nó chỉ cong lên uốn xuống theo cơn

sóng thoai thoải vừa làm cho bãi băng chuyển động vừa giảm dần sức mạnh của mình khi vào gần lớp băng dày.

Và đáng lẽ Grigôri Prôkhôrch phải lo lắng nghĩ xem cơn sóng nào đang chờ đợi ở ngoài kia thì ông lại ngấm nhìn nhịp thở đều hòa của băng và vẫn nổi buồn khó ở nhẹ nhàng kia đã buộc ông lặng yên.

Trong suốt đời mình ông đã ba, bốn lần chứng kiến cảnh bãi băng rung động như vậy và chẳng hiểu rằng ông sẽ còn được chứng kiến cảnh như thế nữa không. Ông bực mình thực sự với những ý nghĩ

đó, ông gọi mình là thằng ngốc già, rồi bỏ đi xem công việc trên tàu ra sao.

Ông bước xuống khỏi cầu thang đi kiểm tra xem hàng hóa buộc có chặt không, đặc biệt ông xem các hòm đạn dược. Lúc đến buồng máy ông báo cho mọi người biết rằng ngoài biển sắp có bão và ra lệnh đóng kín cửa lại, rồi lại đi lên cầu.

Ở đây, trong lúc ông vắng mặt, Jilin đã sử dụng quyền hạn «hoa tiêu» của mình và ra vẻ hò hét với đồng chí lái tàu: «Giữ đúng hướng!», «Không sang phải!» và những mệnh lệnh khác không có nghĩa gì mấy đối với công việc nhưng lại tỏ được quyền lực chỉ huy. Nhìn bộ mặt tươi cười của Jilin, Grigôri Prôkhôrch hiểu vì sao những ý nghĩ buồn rười lại cứ đến với ông.

Nguyên nhân của tâm trạng này là cái bệnh thấp khớp đáng nguyên rủa.

Chuyến cuối cùng trên đường trở về, «CC-16» bị ướt không còn lấy một chỗ

nào gọi là khô, kể cả cầu thuyền trưởng và trong chòi, nơi mà cơn sóng đã trơ trẽn đẩy cửa tràn vào quá đầu gối. Sau chuyến này Grigôri Prôkhôrch phải nằm liệt giường. Lần đầu tiên trong cả quá trình phục vụ, ông đã không đi được mà phải cử Jilin đi thay khi đồng chí phụ trách cảng triệu tập. Việc đó làm Jilin lo sợ nhiều hơn là sung sướng và khi về anh đã bị một vỏ toát

mồ hôi hột mới truyền đạt lại mọi chỉ thị. Nhưng có một điều làm Grigôri Prôkhôrukh khó chịu là ông tưởng tượng rằng trong căn phòng quen thuộc, nơi chiếc đồng hồ kỳ quặc từ thời thuyền biển còn chạy bằng buồm vẫn trang trọng kêu tích tắc, người ta cũng nói chuyện về ông, về bệnh tình của ông, rằng đã đến lúc ông già cần về hưu vì thậm chí ông đã không tự đi được mà phải phải trợ tá đi. Grigôri Prôkhôrukh vừa nguyên rửa đôi chân vừa gắng sức đứng dậy để đi gặp đồng chí phụ trách cảng (với lý do là để nhận thêm chỉ thị), và tuy rằng đồng chí này không hề nói đến một chữ về cái điều mà Prôkhôrukh đang lo lắng, nhưng một cảm giác lo âu vẫn cứ đọng lại làm mằm cho những suy nghĩ về tuổi già.

Bờ băng càng dâng lên cao và biến dần thành bãi băng dày đặc. Bây giờ ở

đây đã có những cơn sóng thật lớn nhưng tấm áo giáp băng giá không cho phép nó vùng lên thành những bọt nước ngàu tung tóe. Còn phía trước, mặt biển thẫm màu của buổi ban mai đang bàng bạc những đợt sóng và chẳng mấy chốc cơn sóng đầu tiên đã nhắc bổng «CC-16» lên đỉnh, tóe lên nó những giọt nước lạnh. Chuyển đi «vui vẻ» bắt đầu.

Chiếc tàu «C-16» ướm đến tận đỉnh cột buồm mà vẫn kiên trì leo sóng. Lúc đầu sóng chạy ngược hướng đi của tàu, nhưng về chiều, cơn bão chuyển sang hướng nam, và chiếc tàu kéo bé nhỏ lại bị đảo điên vì những đợt chòng chênh dữ dội. Song bão biển không làm Grigôri Prôkhôrukh lo lắng mấy vì tàu vẫn đi đúng hướng và đối với việc đó thì ông đã quen — gặp bão là chuyện thường, chẳng phải lần đầu đơn vị gặp bão. Ông nghĩ về một việc khác và thỉnh thoảng lại lau kính chiếc ống nhòm, lo lắng nhìn về phía nam: hình như có một bãi băng lớn đang từ phía ấy chuyển đến cản đường đi.

Chắc cơn bão đã làm nó rời khỏi bờ và bây giờ đang đùn nó lên phương bắc.

Rõ ràng đây là một bãi băng bờ đáng ngại và Grigôri Prôkhôrukh không gì muốn đụng chạm với nó vì đang trong cơn bão này mà

mắc vào nó thì có nghĩa là đành chịu bó tay cho gió đưa đi, mà gió lại thổi về phương bắc, về

phía bờ địch chiếm.

Sau một lúc suy nghĩ, ông ra lệnh cho Jilin cầm ống nhòm trèo lên cột buồm để xem có thấy bờ rìa phía nam của bãi băng không. Jilin hăng hái cởi ngay áo khoác ra và chỉ mặc mỗi chiếc áo bông, nhanh nhẹn trèo lên cột buồm, vừa trèo vừa lắc lư theo nó. Jilin một tay treo mình lơ lửng trên cột buồm, còn tay kia anh đưa ống nhòm lên mắt quan sát, rồi anh cũng dùng ống nhòm để chỉ phương hướng, nói cho Grigôri Prôkhôrukh tra theo bản đồ. Ông dự đoán đúng: khi «CC-16» đi tới bãi thì bãi băng đã rời khỏi vùng nước nông, cho phép luồn vòng bãi băng từ phía nam. Ông cho đổi hướng để tiến thẳng vào những mảnh băng vụn đang như chiếc đuôi kéo theo sau bãi

băng, và nháy mắt Jilin lúc này vừa mồ hôi mồ kê bước ra khỏi buồng nôi hơi vì lúc đứng trên cột buồm anh bị gió và sóng đánh lạnh thấu xương nên lúc xuống anh đã chạy ngay vào đây...

— Phải đổi hướng chứ, đồng chí hoa tiêu! Chúng ta sẽ lừa tảng băng một mẻ, không thì không biết nó sẽ kéo đi tận đâu... Góm thật, nó cứ theo gió bắc mà đi. Đến đêm chắc là gặp bọn Đức! Chắc chắn như vậy rồi!

Jilin vui vẻ hưởng ứng — tàu ít bị chòng chênh hơn trong vùng băng vỡ, bãi băng đã bị đánh lừa, và lúc trên cột buồm, anh đã tỏ rõ tài năng của mình —

biết bao là chuyện để kể lúc lên bờ. Sau khi ra lệnh chỉ đi trong đám băng vụn thôi chứ không được sát lại gần bãi băng, Grigôri Prôkhôrukh để anh đứng lại trên cầu thuyền trưởng thay mình và đi xuống xoang tàu uống nước chè cho ấm. Nhưng Vaxia còn chưa kịp ra oai hạ lệnh cho lái — vì bây giờ

phải chỉ huy cho nghiêm túc — thì Grigôri Prôkhôrukh lại hỏi hả lên cầu. Câu hỏi đầu tiên của ông thật bất ngờ:

— Này, Malicôp có phải đảng viên cộng sản không?

Malicôp chính là anh thợ lái đang trực. Grigôri Prôkhôrch không quan tâm lắm đến thành phần đảng viên của đơn vị mình, còn sợ dĩ ông biết Jilin là đoàn viên Côm-xô-môn vì anh này đôi khi xin phép ông đi họp. Jilin ngạc nhiên nhìn đồng chí chỉ huy.

— Đảng viên.

Anh cho rằng Malicôp phạm một khuyết điểm gì lớn vì lúc phê bình, Grigôri Prôkhôrch thường nói một câu: «Thế mà cũng là đảng viên!». Nhưng Grigôri Prôkhôrch vẫn lo lắng nói với Jilin mà lại gọi anh bằng «con» như

xưa:

— Này, con hãy bố trí cho những người ngoài đảng thay thế cho đảng viên và đoàn viên để triệu tập họ đến cả đây! Nhanh lên!

Khi toàn bộ đảng viên và đoàn viên của chiếc tàu nhỏ bé gồm ba người thợ

đốt lò, anh thợ điện báo viên Clepicôp, hai thợ máy, Đrô-dôp, Jilin và Malicôp đã đến đủ cả trong căn buồng thì Grigôri Prôkhôrch ngẩng đầu khỏi tám bản đồ tuyên bố một cách ngắn gọn rằng ông có một quyết định quan trọng và yêu cầu các đảng viên, đoàn viên hãy làm gương tinh thần hy sinh quên mình và lôi kéo toàn đơn vị theo vì đây không phải việc dễ.

Ngắm nhìn tất cả một lượt xong, ông đọc bức điện do Clepicôp vừa nhận được cùng những bức khác báo trong toàn hạm đội. Theo mật mã bức điện cho biết rằng khu trục hạm «Cường tráng» bị băng làm đứt neo kéo đi, nó không tự thoát ra được và yêu cầu tàu phá băng đến cứu. Grigôri Prôkhôrch bổ sung thêm rằng tính theo mọi quỹ đạo thì «Cường tráng» ở

trong bãi băng mà họ đang đi tránh vòng theo rìa phía nam, và bãi băng này đang trôi với một tốc độ lớn về bờ biển phía bắc, vào tầm

súng giặc. Thời gian không cho phép chờ đợi gì nữa.

Ông quyết định: đi thẳng vào bãi băng, cố tiến đến sát tàu «Cường tráng»

rồi kéo nó ra. Công việc rất nguy hiểm vì bản thân có thể bị mắc, nhưng đợi tàu phá băng thì cũng vô ích vì không biết bao giờ nó mới đến, và lúc nó đến thì không biết «Cường tráng» đã ở đâu. «CC-16» lại đang ở gần, bản thân cũng còn là một tàu bền chắc và còn đối chọi với băng được, nếu làm hết lòng hết sức và không sợ. Sau đây ông phân công cho mọi người, rồi kết thúc bằng lệnh nhanh chóng chuyển tất cả đạn dược lên đầu mũi làm cho nó nặng để dễ phá băng hơn và nếu bị mắc thì còn có khả năng chuyển chúng về đằng đuôi cho mũi nổi lên.

Khi trời đã tối thì tàu «CC-16» bắt đầu khởi động trong đám băng vụn, rồi lấy hết sức húc cú đầu tiên vào bãi băng. Bãi băng đầu hàng ngay một cách bất ngờ và suốt một tiếng đồng hồ liền tàu cứ thế tiến đi dễ dàng. Nhưng sau đó việc vận chuyển những hòm cân bằng thật là vất vả. Người ta chuyển những hòm đạn nặng nề về phía đuôi tàu làm mũi nhẹ đi. Và «CC-16» trơn tuột lùi xuống khỏi tảng băng ngoan cố. Người ta lại phải chuyển hòm lên mũi. Mọi người mệt mỏi buông thõng tay ngồi sệp cả xuống thùng, chiếc tàu kéo lấy đà rồi lại đâm thẳng vào tảng băng và hoạc phá vỡ được nó, hoặc mọi người lại phải đứng dậy khuân thùng về phía đuôi.

Đây là một công việc hết sức nặng nhọc, vất vả, nhưng không uổng công.

«CC-16» ngày càng đi sâu hơn vào bãi băng. Clepicôp đã mây mò xếp đặt được một bản điện tín mật mã gửi đến tàu «Cường tráng»:
«Chúng tôi từ

hướng đông nam đến giúp, bật đèn lên». Grigôri Prôkhôrukh vẫn đứng trên cầu một mình giữ lái (vì cả Jilin và Malicôp đều bận chuyển thùng), ông ngắm nhìn phương bắc, nhưng đêm vẫn tối đen và gió vin rít qua những dây kéo buồm, và ông cảm thấy cô đơn, lo âu và buồn tẻ.

Ông không thấy đèn. Đứng trên đồng thùng, chính Jilin đã phát hiện ra nó và rồi rít kêu lên:

— Tôi thấy rồi!

Anh thở dốc, mệt mỏi nhưng sung sướng chạy tới cầu thuyền trưởng và chỉ

về phía ngọn đèn xanh yếu ớt. Grigôri Prôkhôrukh thở chậm rãi và khoan khoái, trong bóng tối ông cúi xuống ống nói và nói với một giọng khàn khàn, cảm động:

— Trong buồng máy... Nhìn thấy rồi... Các chú cố gắng lên...

Có lẽ vì trong buồng máy người ta đã gắng lên, mà cũng có lẽ vì băng trở

nên yếu hơn, nhưng ngọn lửa xanh nhanh chóng gần lại và chỉ phải chuyển thùng có một lần nữa. Một tiếng sau, Grigôri Prôkhôrukh đã phải lóa mắt vì ánh đèn chói trong gian phòng công cộng quen thuộc và Cuôccôpxki ôm hôn ông rất chặt. Họ nhanh chóng hội ý.

Trung tá đề nghị Grigôri Prôkhôrukh phá hộ lớp băng quanh thân tàu «Cường tráng» để nó có thể xoay cái thân hình dài ngoằng của mình về phía rãnh nước, sau đó «CC-16» sẽ dẫn ngư lôi hạm đi theo về phía nam. Grigôri Prôkhôrukh vừa nhìn bản đồ vừa lắc đầu: — Thế không được, — ông suy nghĩ rồi nói, — tôi chỉ làm anh chậm lại thôi. Các anh có thể tự đi được, rãnh sẽ không bị ép vào đâu, nó theo đúng hướng gió đẩy. Nếu tôi đi chắn ngang thì chắc chắn nó sẽ bị ép lại ngay. Đằng này khi vào đến đường rãnh các anh sẽ cho tốc độ mười hai hải lý, chỉ có điều là đừng đâm vào bãi băng. Các anh cần rút ngay, vì đã bị trôi xa quá rồi...

Ông chỉ lên chấm tròn đánh dấu vị trí cuối cùng trên bản đồ. Bờ có cao xạ

địch bố trí đã quá gần.

— Còn về chúng tôi thì không phải lo gì cả, — ông nói thêm khi thấy Cuôccôpxki phân vân. — Chúng tôi sẽ thoát ra khỏi đây. Hơn nữa chắc gì chúng đã phí đạn để bắn chúng tôi. Ông bỗng im bật, rồi nói nhỏ:

— Nhờ các anh đem giúp về hộ một người của chúng tôi... bị thùng đổ làm bị

thương vào chân... Nhỡ có làm sao...

Ông không nói hết câu. Trung tá nhìn vào đôi mắt ông. Với trái tim quân nhân ông đã đoán được những điều còn chưa nói hết và im lặng cúi hân thắm thiết vào bộ râu bạc cứng quèo của bác Grigôri Prôkhôrukh.

— Thế, — bỗng cảm thấy xấu hổ với sự bông bột của mình, trung tá nghiêm giọng nói. — Trường hợp nhỡ có làm sao, các đồng chí phải đi tới đây, — anh chỉ lên mũi đất nhô ra trên bản đồ, đó là cổ mở rộng về phía tây bắc của

vịnh Crônstat. — Chỗ này quân ta đóng, rõ chứ?

— Rồi, — Grigôri Prôkhôrukh cũng nói một cách nghiêm trang.

— Tôi sẽ luôn nghe các đồng chí trên làn sóng. Nhỡ có làm sao thì cho biết ngay... giả dụ bằng một chữ nào đó cho dễ nhớ...

— Nút thắt tốpô, — Grigôri Prôkhôrukh mỉm cười nói. — Anh còn nhớ không, cho đến giờ anh vẫn chưa biết thắt à?.. Thôi, hạnh phúc nhé...

Họ lại ôm hôn nhau lần nữa và Grigôri Prôkhôrukh bước ra. Trong căn buồng ẩm cúng ấy ông đã quên hẳn những gì đang xảy ra. Trên boong tàu cơn gió lạnh buốt, suýt làm ông ngã, nhưng ông nhanh chóng bước sang tàu mình đi lên cầu, và «CC-16» bơi dọc theo thành ngư lôi hạm. Cuôccôpxki đợi khi lớp băng quanh tàu anh đã được đánh tan và «CC-16» đến ngang cầu phía sườn kia, liền ra lệnh cho chạy máy. «Cường tráng» cựa mình trong băng rồi đi theo

tàu «CC-16». Chiếc này đã phải chậm rãi bơi thành một vòng cung rộng, thế mà «Cường tráng» khó khăn lắm mới chui được chiếc thân thon dài ngoẵng của mình, vào lọt. Cuối cùng nó đi vào rãnh nước đã có sẵn. «CC-16» giảm tốc độ, «Cường tráng» vượt qua nó và dùng mũi nhọn gạt những tảng băng đã bị tàu kéo phá vỡ sang hai bên, nhanh nhẹn tiến phương nam.

Grigôri Prôkhôrukh đã đoán đúng: chỉ có vài ba chỗ là rìa bãi băng là đã bị

thân tàu «CC-16» vững chắc cắt đứt, ép lại thôi, nhưng cả ở đây «Cường tráng» cũng vẫn như mũi kim nhọn lọt cả tấm thân thon gọn vào giữa những bờ mép của bãi băng.

Bốn giờ sau nó ra đến vùng nước không bị đóng băng. Thế mà Cuôccôpxki không vui mừng cho lắm: anh đã đánh diện cấp tốc yêu cầu tàu phá băng đến giúp «CC-16», nhưng người ta trả lời là hiện rất bận vì phải dắt hai ngư

lôi hạm khác bị giam trong bãi băng. Chiếc tàu phá băng thứ hai tuy hỏng đã từ lâu, nhưng cũng phải rời Crônstat đi cứu những ngư lôi hạm khác nữa...

Chắc trên biển đang xảy ra một sự kiện chưa từng có và bây giờ các tàu phá băng đều bận việc bù đầu.

Thực vậy, cơn bão biển đã lên đến mức cực mạnh. Các bãi băng khổng lồ

như những cánh đồng băng, trước gắn chặt vào bờ, bây giờ đang nhanh chóng trôi ngang vịnh lên phía bắc, va chạm nhau, bờ bãi nọ đè lên bờ bãi kia cồng kênh ép chặt những tảng băng khác vào các kẽ hẹp với một sức mạnh khủng khiếp làm chúng đứt ra và rồi đẩy chúng đi hoặc kéo chúng theo sau. Tất cả cái khối băng khổng lồ từ phương nam kéo tới đó đè chặt lên bãi băng mà tàu «CC-16» đang tìm cách mò mẫm vượt ra sau khi chiếc

ngư lôi hạm có máy móc khỏe hơn đã đi xa.

Ngay cả tàu kia cũng đang gặp khó khăn. Cơn giông ngược chiều cứ dội nước xuống boong và cầu tàu làm lạnh cóng toàn bộ dây kéo buồm, cột buồm, đại bác và phần trên mặt tàu, có lúc anh em thủy thủ phải lội trong nước lạnh buốt để phá những lớp băng đang đông lại trên chiến hạm. Tàu «Cường tráng» nặng chúi mũi đi về phía nam, nhưng thỉnh thoảng bỗng phải đổi hướng và nghiêng hẳn sang một bên để vòng tránh bãi băng đang lao tới dọa ôm chặt lấy tàu, kẹp dí nó lại. Trong cuộc vật lộn với vùng vịnh điên cuồng này, Cuôccôpxki đã không để ý đến thời gian. Khoảng gần mười bảy giờ, người ta đưa cho anh một bức điện báo của chỉ huy sư đoàn.

Với ngón tay đã tê cứng Cuôccôpxki cầm lấy bức điện đi vào phòng chòi. Anh đặt nó lên bàn rồi vụng về mở ra đọc. Đồng chí chỉ huy tàu «Cường tráng»

ngạc nhiên thấy anh bỗng ngồi phịch xuống đi-văng. Đồng chí nhìn bức điện và thấy trên đó có một dòng chữ ngắn ngủi:

«Mười sáu mươi lăm, nút thắt tốpô, hướng Xtiêcxuđen «CC-16»».

IV

Gần sáng, tàu «CC-16» đến sát mép bãi băng và đã có thể xác định được vị

trí của mình. Hóa ra, mặc dù tàu luôn tiến về phía nam nhưng bây giờ, so với địa điểm nơi nó đưa «Cường tráng» ra thì lại càng ở xa hơn về phía bắc vì bãi băng trôi ngược nhanh hơn. Bây giờ tàu đang ở sâu trong vịnh lớn lọt vào lòng bờ bắc.

Nhưng tàu đã vượt ra được khỏi băng, và Jilin tuy đã rét cóng thâm tím và ướt đầm đìa, bỗng hét lên với cái giọng như khi đã hết lúc anh phát hiện thấy tàu «Cường tráng».

— Nước!!

«CC-16» quay chân vịt nhẹ nhàng, nhưng chỉ một giờ sau, nó đành phải đổi hướng: có một bãi băng đang trôi từ phía nam tới. Tàu quay sang hướng đông và hết sức vội vã tránh bãi băng này khi nó còn chưa gần với lớp băng rìa từ bờ phía đông lẫn vào vịnh. Hàng chục con mắt từ boong chiếc tàu bé nhỏ đều hướng nhìn giải nước đen thâm ngày càng hẹp lại. Chẳng mấy chốc mọi người đều hiểu rằng trong cuộc ganh đua ác liệt này thì băng sẽ thắng: cơn bão đẩy nó về phương bắc nhanh hơn là con tàu chạy về phương đông.

Thấy rõ điều đó, Grigôri Prôkhôrukh dứt khoát hạ lệnh: «Quay sang trái!» và chạy về phía tây, ông cho rằng bãi băng không thể rộng đến nỗi có thể che kín cả lối từ vũng vịnh ra, và giữa bờ phía tây và bãi băng đang chuyển đến nhất định phải có lối ra, mặc dù nó nằm trong phạm vi tầm pháo địch.

Đrôđôđôp đánh giá tình hình và chạy xuống buồng máy. Chưa bao giờ «CC-16» lại chạy với tốc độ lớn như vậy.

Nhưng giải nước đen giữa bờ phía tây và bãi băng ngày một hẹp dần. Ai nấy đều thấy rõ rằng cả ở đây, hai bãi băng đã khép kín lại,

rằng sau khi bịt kín lối ra khỏi vịnh, thì bãi băng vẫn tiếp tục tràn vào vịnh như chiếc ngăn kéo bàn, phá vỡ lớp rìa của mình cũng như lớp băng dọc bờ.

Sau khi xác định một lần nữa vị trí và nhận thấy còn cách tầm xa nhất của trọng pháo địch không quá ba hải lý, Grigôri Prôkhôrukh cho quay lại phía nam và đâm bổ vào bãi băng.

Ngay lần thử đầu tiên đã cho thấy rằng không thể nào vượt qua bãi băng được: theo độ dày và độ chắc thì đây là lớp băng sớm nhất, có thể là nó bị

đầy từ vịnh Côpôxki đến. Đây là băng của quê hương thân yêu, lớp băng mà cách đây không lâu những người dân Liên-xô còn đi trên nó, những em bé nông trang còn trượt trên nó và những đôi thanh gổ trượt tuyết của những người lính biên phòng còn lạo sạo trên mình nó mỗi lần tuần tra đêm... Ở

đây, khi bị tách khỏi bến bờ thân yêu nó đã trở nên thù địch. Trong lúc tràn vào vũng vịnh, nó dồn «CC-16» về phía bắc và lần xác định góc độ mới về

mũi đất trong bờ cho thấy họ chỉ còn cách tầm súng chưa tới hai hải lý.

Grigôri Prôkhôrukh ngẩng đầu lên khỏi bản đồ, và Jilin sợ hãi khi thấy mắt ông già khô hằn đi và gầy dọc. Cái giá lạnh và cơn gió làm khuôn mặt ấy đỏ

bùng lên, bộ râu bạc rối bù, mắt sâu lại và long lanh một ngọn lửa lo âu.

Ông nhìn quanh như con thú bị thương, nhưng cả bên trái, đằng trước và bên phải đều là băng, còn phía sau — là pháo địch. Ông cúi xuống ống nói, khàn khàn ra lệnh:

— Mở hết tốc độ về phía trước!

«CC-16» lấy đà trong vũng nước, rồi đâm mũi vào bãi băng và cứ đứng như

vậy mặc chân vịt quay cuồng loạn một lúc lâu. Rồi Grigôri Prôkhôrukh bỗng nói với một giọng bình tĩnh:

— Dừng lại! Đrôđôđôp, lên cầu!

Ông bỏ chiếc mũ lông đã cũ của mình ra lau trán và ngồi phịch xuống đi-văng trong buồng chòi như vừa làm xong một công việc nặng nhọc và định nghỉ ngơi. Đrôđôđôp vừa đến và bắt gặp ông trong tư thế như vậy.

Mệnh lệnh của ông thật rõ ràng và ngắn gọn.

Jilin phải chuẩn bị súng máy phòng trường hợp bọn địch đi theo băng đến.

Đrôđôđôp — chuẩn bị mở khóa cho nước tràn vào bụng tàu nhưng đừng quên tháo hơi trước để bình hơi khỏi nổ, vì sau chiến tranh nhất định đội thợ

lặn sẽ vớt lên. Cả hai chịu trách nhiệm giải thích cho đơn vị rằng nhờ có làm sao thì tất cả sẽ đi theo băng về Xtiêcxuđen. Nhân lúc còn thời gian, đem tất cả quần áo, ủng lông vào buồng bình hơi sấy cho khô, chuẩn bị lương thực và những thứ vũ khí nhẹ. Chia làm hai nhóm, một do Jilin và một do Đrôđôđôp chỉ huy. Không được quên lấy địa bàn, vừa đúng hai chiếc. Để kéo súng máy đi theo, phải làm xe trượt tuyết: có thể sẽ phải tự vệ. Đưa bức này cho điện báo viên, bảo anh ta sẽ tự ghi giờ vào lúc cuối cùng. Hết.

Trong lúc mọi người trên tàu âm thầm và trật tự làm tất cả những việc đó thì Grigôri Prôkhôrukh đành phải ngồi xoa chân trong buồng. Chạm phải nó đã rất đau, mà đi lại còn đau hơn. Ước được nằm và phủ cái gì ấm áp lên trên.

Nhưng phải dậy, khập khểnh đi tới địa bàn, xác định góc độ về bãi đất trên bờ và sau đó còn phải cấp tốc tập hợp vì bãi băng vẫn tiếp

tục đưa họ đến gần pháo địch. Đrôđôđôp đem đến một đôi ủng lông và chiếc áo bông đã khô bắt Grigôri Prôkhôrukh phải thay cái của mình để đem đi sấy. Chân đỡ đau được một lúc, nhưng khi ông đứng dậy đi tới địa bàn thì cơn đau lại nổi lên dữ dội. Lần xác định góc độ mới cho thấy rằng «CC-16» đã bị trôi đến đúng tầm súng địch.

Ông ghi vào sổ trực nhật góc độ đó rồi nhìn về phía bờ bắc đang cúi thấp mình hung dữ ẩn náu trong đám sương mù xanh của rừng cây.

— Thế nào, — ông nói thăm, — còn đợi gì? Muốn bắn thật trúng à?

Và trên bờ xa lóe lên một ánh lửa vàng như để trả lời câu hỏi đó. Bầu trời bị

tiếng nổ ghê gớm xé ra và từ mặt nước cách «CC-16» khoảng hai trăm mét phụt lên những cột nước trắng không cao lắm.

— Trái phá, — Grigôri Prôkhôrukh tự nói với mình rồi gọi xuống dưới. — Toàn đơn vị rời tàu, phân tán trên mặt băng cho đến lúc ngừng bắn!

Tiếng nổ thứ hai ầm lên át cả tiếng nói của ông và đạn trái phá lại nổ đúng chỗ trước. Không thấy có loạt đạn thứ ba. Có lẽ bọn pháo binh địch đã hiểu chẳng cần phí đạn làm gì khi mục tiêu đang tiến lại gần. Grigôri Prôkhôrukh tháo địa bàn ra cặp nách, ông đứng trong chòi ngắm nhìn nó và cầu thuyền trưởng rồi nặng nề cất bước theo hành lang một cách khó nhọc để xuống khỏi tàu và đặt chân lên băng giá.

— Nào, đồng chí Đrôđôđôp, tiến hành đi, — ông nói, rồi quay mặt đi.

Bầu trời sau chiếc tàu đổ rục như một đám cháy khổng lồ, và trong cái ánh lửa rục rở và đầy lo âu của nó, ông không tìm thấy cái trong suốt êm đềm mà sáng hôm qua còn tràn ngập trái tim ông bằng một sự lặng im kỳ diệu. Ông quay hẳn lưng vào tàu nhìn về phía Crônstat. Ở đấy bầu trời xanh thẳm và bình yên.

Anh em thủy thủ tàu «CC-16» lần lượt đứng cả dậy, họ quay mặt về phía người chỉ huy và tàu của họ. Ngọn gió bão căng phật lá cờ

màu xanh của cảng trên ngọn buồm tựa như chiếc cờ có màu đen thẫm trên nền của buổi hoàng hôn ấy. Chiếc nắp trên ống khói sập xuống và một cột hơi trắng phì ra như tiếng còi rú mạnh, bay bổng vào không gian. Tất cả im lặng. Hơi nước yếu dần, cột khói dày đặc thấp xuống rồi tắt hẳn cùng với tiếng kêu náo nức, và những dòng nước đọng như những giọt nước mắt nóng hổi chảy dài theo đường ống.

Trong cái tĩnh mịch, qua tiếng rít của gió, mọi người đều nghe thấy tiếng lách cách của cánh cửa sắt đang mở ra. Đrôđôđôp chậm chạp bước ra khỏi buồng máy và không hiểu để làm gì đồng chí cẩn thận đóng chặt cánh cửa lại và tiếng lách cách lại vang lên. Đồng chí đứng cạnh đấy một lúc rồi hất tay tuyệt vọng, không nói không rằng nhảy qua lan can và bước đến chỗ đám người đang đứng lặng lẽ.

Họ đợi đã lâu. Nhưng «CC-16» vẫn cứ đứng giữa bãi băng như không muốn bị chìm, chỉ có mũi là hơi thấp xuống.

Malicôp không chịu được nữa.

— Sao nó lại thế? — anh nói khẽ như đứng bên giường người hấp hối. — Đrôđôđôp, anh đã mở hết khóa cho nước vào rồi đấy chứ?

— Băng giữ nó mà, — Đrôđôđôp trả lời cũng khẽ như vậy.

Tất cả lại im lặng. Sau đó nghe thấy tiếng rạn nứt của băng và tảng băng dưới thân tàu vỡ ra mở đường cho nó. Tàu chìm thẳng xuống nước một cách nhanh chóng, lòng tàu vẫn giữ được thăng bằng.

Anh em thủy thủ người thì thương xót, người thì thở dài nhẹ nhõm, còn Grigôri Prôkhôrukh thì quay hẳn người lại: ông bỏ mũ ra và bước lên hai bước đến gần tàu. Đrôđôđôp đỡ tay ông.

— Thôi, thôi... đồng chí Prôkhôrukh... — ông âu yếm nói.

Jilin nấc lên và cũng bỏ mũ cất cao giọng hô:

— Chiến hạm hạm đội Bantich Cờ đỏ «CC-16» muôn năm!

Tiếng hô của anh như làm cho mọi người sực tỉnh. Lời hô «muôn năm» vang âm trên mặt băng và tắt hẳn khi mặt nước lạnh giá rung động, ánh màu đỏ rực của buổi hoàng hôn trên ngọn cờ cũ

màu xanh của cảng khép lại.

— Trái phá nằm xuống! — Grigôri Prôkhôrich bỗng hét lên vì thấy chớp lửa vàng quen thuộc lóe lên ở trên bờ. Tất cả nằm rạp xuống.

Bầu trời trên đầu lại âm vang và găm rít xung quanh. Và Grigôri Prôkhôrich cũng ngã soài lên tuyết.

Trọng pháo bắn bốn loạt. Ba người bị thương. Đã cần phải rút lui ngay. Jilin cầm dây kéo xe trượt tuyết mà mọi người đã kịp xếp súng máy lên. Đến gần chỗ Grigôri Prôkhôrich, anh ta nói:

— Malicôp, giúp mình một tay. Ông già hồng chân rồi không đi được đâu... Bọn ta thay nhau chở...

Họ kéo súng máy đến gần Grigôri Prôkhôrich, nhưng ông này

không trả lời. Mọi người lật ông dậy thì thấy ông bị đạn trái phá bắn trúng trán. Ông sống lâu hơn tàu của mình đúng hai phút rưỡi.

TRONG RỪNG

Trong cơn mê man bất tỉnh khôn cùng, dần dần hiện lên cảm giác mơ hồ của một sức nặng đè trên chân. Cảm giác ấy càng quấy rầy mạnh hơn và cuối cùng con người nằm mê làm một động tác vô ý thức để nằm cho thoải mái hơn. Không hiểu có cái gì đó cứ ghì chặt lấy chân, không thể nào co lại được.

Ý nghĩ đầu tiên còn mơ hồ bảo rằng chắc cái thằng Côlia Xitin, anh bạn cùng giường, lại đè lên chân rồi. Bằng một động tác dứt khoát,

và bây giờ thì đã có ý thức, người nằm đấy cố nhấc chân ra. Khi ấy anh cảm thấy đau nhói và bùng mắt dậy.

Anh chau mày lại vì cái ánh sáng chói chang và liếc nhìn xung quanh để cố

hiểu tại sao mình lại bị cây thông có cành lá xùm xòa đang phủ trên người, như một tấm chắn dày đè dí xuống tuyết.

Qua những cành thông xanh um, thơm mùi nhựa và mùi băng giá ngay trước mặt, anh thấy một bãi tuyết trắng xóa. Những đám lá thông rườm rà phủ

nặng đầy tuyết đứng lặng yên. Có tiếng ai thở dồn dập ngay đầu đây đã phá tan sự tĩnh mịch mênh mông của khu rừng mùa đông này.

Anh lắng tai nghe. Và khi nhận ra rằng đó chính là mình thở to như vậy thì anh há hốc cả miệng. Bây giờ nhận thức của anh cũng hoàn toàn thức tỉnh.

Mồ hôi đổ ra như tắm khi anh chợt hiểu điều gì đã xảy ra và anh đang ở đâu.

Tim như muốn vỡ ra, đập dồn dập liên hồi. Chẳng có sự cố gắng lý trí nào, chẳng có cách thở đều hòa nào có thể giữ được nhịp đập điên cuồng tưởng như vang động khắp rừng của nó được. Một sự mệt mỏi và uể oải đến buồn nôn từ chân tràn lên khắp cơ thể. Đây là sự sợ hãi, một sự sợ hãi tầm thường của con vật khi nó bất thành linh bị mắc bẫy mà lối thoát chỉ là cái chết.

Anh cố tự hiểu tình trạng của mình, Một thân một mình, hầu như không có vũ khí, trừ quả lựu đạn đeo ở thắt lưng, anh đang bị một cây thông đè chặt xuống trong khu rừng có mặt trời chiếu sáng một cách tàn nhẫn, ở hậu phương địch. Cây thông che anh khỏi đường đạn chính xác của tên xạ thủ, nhưng lại đè nặng lên người anh và cũng có thể đã làm gãy chân anh. Khẩu súng trường đã bị tiếng nổ nặng nề và nóng bỏng văng đi xa, trong lúc nổ

tung làm anh từ bụi thông ra đến gốc tùng bách này, quật anh xuống tuyết

và chìm vào sự mê man sâu thẳm.

Hồi đêm họ có hai người: bản thân Côlôbanôp và cái anh chàng lảng giềng cùng hàm Côlia Xitin. Họ mặc đồ ngủ trang màu trắng bò đến đây. Họ là hai người bạn, hai người thủy quân trình sát giỏi nhất của đơn vị. Họ đã nằm trong bụi thông kia đến nửa giờ, mà cũng có thể là cả một giờ, trước khi bò ra bãi tuyết giữa cây thông và hàng nhân tùng bách thẳng đứng như hàng cột. Họ nằm im và nghe rùng. Lỗ tai rất thính của họ đã phân biệt được những tiếng đụng chạm của vũ khí ở đằng xa và những tiếng sột soạt sau những cây tùng đằng kia, nhưng ở đây thì tất cả đều im lặng.

Lúc ấy Xitin bấm hai cái vào ngón tay bạn, đợi một lúc anh lại bấm thêm cái nữa, như thế có nghĩa là «tới đi lên trước một mình», rồi bò ra khỏi rừng thông. Như chiếc bóng mờ anh bò một cách chậm chạp và nhẹ nhàng trên tuyết, cách bò ấy chỉ có anh là có thể làm khéo thế được, và chỉ cách ba bước là đã không thấy anh đâu. Thế mà gần đâu đây ngay bên cạnh anh đã có tiếng một phát súng của tên xạ thủ địch, một tiếng khô và khế giống như

cành củi khô bị dẫm gãy. Rồi trong đêm chỉ còn lại sự tĩnh mịch mênh mông của khu rừng.

Côlôbanôp đợi năm — mười phút, tin chắc rằng Côlia sẽ trở lại vì đã nhiều lần sau những tiếng phát súng vô ích trong đêm như vậy họ lại gặp nhau nguyên vẹn. Nhưng Xitin đã không trở lại. Khi ấy anh bò lên phía trước để

giúp nếu như bạn bị thương, hay để biết chắc là bạn đã hy sinh. Nhưng vừa bò được bốn mét thì từ một phía khác lại có tiếng súng rất gần, tuyết bắn tung lên ngay bên vai trái. Anh phải nằm đợi rất lâu cho đến lúc tên xạ thủ

kia mờ mắt đi vì nhìn mãi vào đêm tối.

Vừa lúc ấy, có ai kéo chiếc ủng bên phải của anh: thành ra Xitin, «người trinh sát viên vô hình», như anh em trong đơn vị thường gọi, đang nằm ở

phía sau. Cô lô ban ôp bò lùi lại bụi thông và nằm bên bạn. Hơi thở nóng hổi của Xitin đã sưởi ấm má anh và anh đoán rằng Xitin đang mỉm cười một cách thỏa mãn và tinh nghịch như người thợ săn tìm thấy mồi: «Nhiều «chim cu» lắm... bọn mình dò thêm ở phía phải cánh rừng có gì nữa không...» Lập tức thân hình mềm mại của anh đã bò vào bụi cây. Cô lô ban ôp để anh bò đi trước rồi bò theo, thận trọng gạt sang bên những cành thông từ tuyết đâm lên. Bỗng một cột lửa dựng lên ở phía trước, bầu không khí nặng chịch làm cháy dất cả mặt. Và còn chưa kịp hiểu rằng sức nổ ghê gớm đang vắng anh đi xa thì Cô lô ban ôp đã ngất đi.

Bây giờ tỉnh dậy anh mới hiểu rằng đêm qua trái mìn nổ đã vắng anh đến

gốc tùng bách này, ném anh xuống một chiếc hố rồi lấp cây thông bị bật cả

gốc lên trên. Anh nằm im và qua đám lá nhìn khắp rừng thông, bãi tuyết, các bụi cây để tìm Cô lia. Cuối cùng anh đã thấy trên đám tuyết hồng một vật gì rất đáng sợ và nhắm nghiền mắt lại. Anh chỉ còn mệt mình. Và thế là hết.

Ngày vừa bắt đầu. Cái ánh sáng phũ phàng, tàn nhẫn tràn ngập khắp rừng, và những tên xạ thủ hồi đêm đã săn họ, vẫn ngồi trên cành thông. Không thể bỏ hố này đi đâu được. Mà nằm đây đợi đêm thì chắc không đủ nhiệt.

Lượng nhiệt trong cơ thể đã cóng lạnh nhiều giờ khi mê man, còn lại chẳng được là bao.

Mặt trời bò theo những cành thông rậm rạp, chuyển quanh những thân tùng bách đầy nhựa vàng óng. Tất cả những cái đó mới chậm chạp làm sao! Rừng im lặng.

Anh nghĩ đến tất cả, trừ rừng, trừ sự im lặng và ánh sáng. Anh hình dung thấy đêm U'cren tối thẳm, thấy hương vị anh đào và tiếng róc rách ở bờ đê.

Anh nóng ruột đợi bóng tối vì khi ấy sẽ có thể bỏ thoát ra khỏi bụi thông. Đôi lúc anh lại mở mắt nhìn những hàng cột thân tùng bách được chiếu sáng chói lòa.

Thời gian mất hết cả ý nghĩa. Nó không chuyển động và tưởng như bóng tối sẽ không bao giờ trở lại.

Nỗi thất vọng xâm chiếm toàn bộ tâm hồn anh. Anh sờ nắm trái lựu đạn. Cứ

thế là đơn giản nhất. Chỉ cần rút vòng ra, và anh sẽ nằm yên như Côlia Xitin... Và chẳng cần phải đếm nhịp đập của trái tim nữa, chẳng cần theo dõi xem bóng thông đã ngã đến đâu rồi. Không cần gì phải chờ đợi, chờ đợi mãi làm gì, khi việc chờ đợi ấy đã trở nên vô nghĩa.

Anh nhìn đám tuyết màu hồng cạnh chiếc thân hình bất động và bỗng nhớ đến hơi thở ấm cúng của người bạn bên má mình, đến giọng nói thì thầm không thành tiếng, nụ cười tinh nghịch của bạn, và niềm khao khát muốn sống lại bao trùm lấy anh. Cần phải sống để trả thù những kẻ đã làm ngừng vĩnh viễn hơi thở ấm cúng đó.

Bây giờ anh cảm thấy ý nghĩ này là quan trọng hơn cả và anh dồn sức để chuẩn bị chiến đấu.

Cái yên tĩnh của khu rừng bỗng bị phá tan tành. Không khí rít lên dữ dội, rừng thông rung chuyển, tuyết từng chùm dày từ trên cành

rơi xuống. Cả bầu trời náo động, và Côlôbanốp hiểu rằng trận pháo kích khu rừng đã bắt đầu. Súng ta bắn đạn trái phá trên các đỉnh cây để đuổi bọn xạ thủ. Rừng như sống lại. Những cành cây bị

mảnh kim loại nóng bỏng cưa đứt rơi lửa tỏa. Một mảnh đạn rít kinh sợ rơi ngay bên cạnh anh. Hai con chim đen bay vút khỏi rừng

thông. Chú sóc vội nhảy chúi vào đám lá rậm rạp khiến những bông tuyết dày rơi xuống.

Và lúc ấy, từ một cây thông ngay bên cạnh có một người đang bám vào cành cây leo xuống một cách vụng về và chậm chạp.

Hắn mặc một bộ đồ lạ, quàng quần chặt chẽ để có thể ngồi chịu rét lâu dài. Khẩu tiểu liên đem qua dùng để bắn hai người trinh sát, hắn móc lại trên cành mà leo xuống một mình. Một cảm giác nóng rực chạy khắp cơ thể Cô lô ban ôp và muốn nhấc anh dậy, khỏi cây thông. Nhưng anh thận trọng giơ tay ra nắm lấy quả lựu đạn mà không sợ bị phát hiện vì lúc này tên xạ thủ còn chú ý gì đến tiếng động của cây thông nữa: đạn đang rít khắp khu rừng và bản thân hắn đang vội chạy xuống hầm. Vừa lúc Cô lô ban ôp rút chân khỏi cây thông, có dùm người lại để chuẩn bị nhảy ra, ném lựu đạn và chạy nhanh tới bụi thông thì có một vật gì rất nặng đè ập lên người anh.

Còn chưa hiểu ra sao, anh vội quai khủy tay ra phía sau và nghe thấy tiếng kêu. Anh lập tức lật mình lại dưới cái sức nặng đang đè lên anh.

Đây là tên xạ thủ thứ hai, hắn ngồi ngay ở cây thông trên đầu Cô lô ban ôp và bây giờ cũng vội tụt xuống chiếc hố đào sẵn ở gốc cây để tránh đạn trái phá.

Cuộc vật lộn thật ngắn gọn và ác liệt. Tên địch định rút dao găm đeo ở thắt lưng ra. Cô lô ban ôp vừa giữ chặt tay hắn vừa tìm vũ khí.

Trái lựu đạn nằm vừa đúng tầm tay anh. Anh dùng lựu đạn như chiếc búa đập mạnh vài lần vào đầu tên giặc. Hắn gục hẳn.

Sau đó anh vạch cành thông, thò đầu ra nhìn mà chẳng cần phải giữ bí mật. Trái phá vẫn gầm rít qua những cành cây, không khí như bị xé ra từng mảnh, hỏa lực thực dày đặc và dữ dội, Cô lô ban ôp

nhìn tên địch vừa bị giết, ngấm cây thông, thử sức rồi trèo lên.

Anh tìm thấy cái ổ «chim cu» giữa đám cành rậm. Khẩu tiểu liên, băng đạn, túi lương thực, ống nhòm, bị đông nước — tất cả những gì cần đủ để ngồi trên cây ba ngày cho đến đợt thay phiên, đều treo ở đây. Đạn trái phá vẫn găm rít trên không, và Cô lô ban ôp lần đầu tiên trong suốt thời gian qua đã mỉm cười.

— Anh em mình bắn cừ quá! — anh nói to. — Bọn chúng chẳng thể nào ngồi yên được...

Anh chọn chỗ ngồi trên cành cây cho thoải mái hơn, nắm chắc khẩu tiểu liên trong tay rồi rút đầu vào cổ áo chờ đợi giữa tiếng đạn trái phá vẫn nổ tung trên nóc rừng.

Con vật săn được đầu tiên của anh chính là tên xạ thủ mà anh đã thấy khi hất tụt xuống chui vào hầm trú ẩn. Đợt pháo kích vừa kết thúc thì tên này thò đầu ra khỏi hầm như con chuột ngửi không khí.

Cô lô ban ôp đã ngắm đầu ruồi vào cằm hắn nhưng lại thôi. Anh để cho nó trèo lên đến lưng chừng cây rồi mới nổ một phát vào gáy.

Tên xạ thủ buông tay ra và rơi xuống tuyết, giống như bị đạn trái phá.

Con mồi thứ hai thì phải đợi khá lâu. Rừng vắng lặng, có lẽ ở đây chỉ có hai tên xạ thủ này. Cô lô ban ôp cầm lấy ống nhòm, thận trọng xoay người nhìn qua cành cây về phía sau. Mặt trời đã ngả về

chiều. Vừa lúc ấy anh thấy bóng một tên sĩ quan thò ra khỏi thân cây tùng bách ở phía đằng xa. Cô lô ban ôp ngắm bắn thẳng vào đầu hắn. Tên sĩ quan ngã gục. Lập tức có hai tên nữa nhảy bổ đến chỗ

thằng sĩ quan. Chúng cũng quy ngay tại chỗ.

Bóng đêm đã đến và đi có thể bò đi được. Nhưng Cô lô ban ôp vẫn cứ ngồi trên cành thông. Anh chờ đợi bọn mới đến thay phiên...

Bọn này đến vào lúc trời đã tối hẳn. Tất cả có bốn đứa. Chúng yên tâm tiến hươc và không đề phòng gì cả. Đến gần tên xạ thủ bị bắn rơi chúng xúm cả lại, lật hẳn lên và bàn bạc gì đó với nhau. Cả bốn tên, thằng nọ tiếp thằng kia ngã gục: hai tên ngã đè lên thằng thứ

nhất, tên thứ ba bị hất tới gần gốc thông, còn tên thứ tư nằm gục trên tuyết cạnh thi hài Xitin đã xám màu trong cái bóng đêm bàng bạc.

Bây giờ thì dứt khoát tiếng súng đã làm bọn địch báo động. Và chẳng mấy chốc Cô lô ban ôp đã thấy những ngọn lửa lập lòe khắp nơi. Bọn chúng bao vây cây thông. Đạn réo ngay bên cạnh, tước nham nhờ cả vỏ cây nhưng chưa viên nào trúng Cô lô ban ôp. Đợi một lúc, anh nhanh nhẹn tụt xuống hố mà không gây nên một tiếng động nhỏ.

Ở đây anh chuẩn bị lựu đạn, đặt nó ngay cạnh mình và lôi khẩu tiểu liên ra khỏi đám cành cây. Tiếng súng dồn dập hơn. Bọn địch đã đến gần. Anh cố phát hiện một bóng dáng lơ mờ, nhưng chỉ thấy những chấm đèn pin. Bọn địch bắn rất dữ lên ngọn thông làm tuyết cùng cành cây gãy rơi xuống người anh. Anh chờ đợi.

Rồi tiếng súng im hẳn, chắc bọn địch cho rằng tổ «chim cu» đã tan tành. Tiếng nói âm ỉ nghe đã rõ. Bọn địch tiến đến gần cây thông.

Cô lô ban ôp ngẩng nhìn bầu trời. Những vì sao lấp lánh, lạnh lùng và chói lọi. Anh xê lựu đạn sang một bên và đặt nòng tiểu liên lên xác tên chủ cũ của tổ «chim cu» như lên hệ tỳ trên chiến hào.

Nhưng bầu trời lại như bị vỡ ra, và đạn réo khắp nơi: quân ta lại bắt đầu pháo kích khu rừng. Cô lô ban ôp đeo lựu đạn vào thắt lưng, bỏ

những băng đạn vào túi và đưa súng về phía trước bò sang bụi cây thông, bỏ lại bọn địch đang bị tiếng nổ trái phá ghim chặt đầu xuống tuyết.

«2—U—2»

Trong mật mã của tín hiệu hữu nghị thì hai hạ sĩ trong phi đội là Uxcôp và Utkin được mệnh danh như vậy. Biệt hiệu này sinh ra ngay dưới cánh máy bay trong lúc họ ngồi chờ phi vụ chiến đấu. Có một người lên tiếng:

— Đố anh em cái này nhé: «Nói thế nào thì đúng hơn: «cắt tóc hay húi tóc»

hoặc là «cạo râu hay cạo mặt»?

— Cổ quá rồi! — mọi người đều kêu ầm lên.

— Thế thì mới tinh đây: «Uxcôp hay Utkôp» hoặc là «Uxkin hay Utkin»?

— Cứ gọi «hai-U-hai» là đơn giản hơn cả, — đồng chí hoa tiêu của phi đội nói bằng một giọng trầm trầm và ai cũng vừa ý, kể cả bản thân hai đồng chí hạ

sĩ.

Trước kia người ta gọi họ là «những con hổ», cái tên mà hai người rất ghét

— biệt hiệu «những con hổ» cũng có tiểu sử của nó, nhưng cả hai đều không thích nhắc lại làm gì. Còn cái tên «hai-U-hai» nghe có vẻ như tên nghệ sĩ

xiếc một tý, nhưng nó đã xác định được chuyên môn của họ một cách rất chính xác, nó nói lên mối tình bạn không gì chia cắt được của họ mà lại không chạm đến tự ái của hai hạ sĩ. Cả hai đều là phi công, phi công chiến đấu thực sự tuy chưa ai tròn mười chín tuổi.

Tuổi mười chín... Cái lứa tuổi kỳ diệu làm sao! Khi bản thân bạn còn chưa biết hết sức mạnh của mình, và bạn tin chắc rằng bạn có thể làm được nhiều việc mà những người ở lứa tuổi già hơn còn phải suy nghĩ. Trái tim nóng bỏng như thanh thép vừa đổ khuôn còn chưa nguội và sức mạnh ấy sôi sục, tìm lối thoát trong hành động.

Và tất cả đều bộc lộ ra ngoài: tình yêu, tinh thần dũng cảm, sự tức giận và lòng căm thù — tất cả những tình cảm ấy lộ

ra trên ánh mắt sáng ngời và trong những hành động khẳng khái.

Trước khi được nhận máy bay thì Paven Uxcôp và Inôkenti Utkin đã phải khổ

sở đợi suốt hai tháng trời trong đơn vị sân bay và cũng trong suốt hai tháng ấy họ liên tục lúc thì đến gặp đại tá, lúc lại gặp đồng chí phụ trách ban quân sự chỉ cốt để trình bày có một việc: cả hai đều tình nguyện đến đây trước lúc gọi nhập ngũ, cả hai đều là đoàn viên Comxômôn, cả hai có bằng lái máy bay do câu lạc bộ hàng không phát, và cả hai đều đã bay tự lập sáu lần. Do đó cần phải phát ngay cho mỗi người một máy bay chiến đấu. Và cứ mỗi lần họ đến, đồng chí phụ trách ban quân sự lại phải kiên trì giảng giải cho họ

hiểu rằng mỗi người phải chiến đấu ngay trên cương vị công tác của mình, rằng bây giờ không phải lúc và cũng không phải chỗ để «chờ» họ trên máy bay chiến đấu, và rằng đồng chí rất sẵn sàng phái họ về trường học không quân. Còn đại tá thì khô khan và ngắn gọn ra lệnh cho họ trở về sân bay.

Thậm chí có lần, đồng chí dọa sẽ phạt giam hai người vì tội đến gặp đại tá không theo đúng thủ tục. Cả hai đành bước ra khỏi hầm một cách lặng lẽ.

Mãi khi đến gần xưởng cơ khí, Utkin mới buồn bã nói:

— Thế là thỏa mãn, phi công Uxcôp nhỉ... Người ta thì chiến đấu, còn mình, rồi đây cậu xem, sẽ được ngồi giam.

— Chuyển hạ cánh bắt đặc đĩ, — anh kia nghịch ngợm trả lời. — Không sao, chúng mình sẽ còn cất cánh, đồng chí phi công Utkin ạ!

— Đúng hơn thì không phải là cất cánh mà là cụt cánh thì có: từ phi đội chuyển sang bộ binh. — Utkin hất tay nói.

Nhưng mặc sự đe dọa của «chuyến hạ cánh bất đắc dĩ» ấy, có lẽ Uxcôp đã củng cố được tinh thần bạn vì sau khi để bạn chỉ huy nghỉ ngơi được một tuần lễ thì cả hai lại đã đứng trước đồng chí phụ trách ban quân sự và đại tá.

Lần này họ không xin hai mà chỉ yêu cầu có một máy bay thôi, hơn thế nữa không phải xin cho mình mà là xin cho bạn. Đây là một giải pháp chiến thuật do Uxcôp nghĩ ra và cả hai đều đồng ý rằng giải pháp này thật là tuyệt diệu.

— Thừa đại tá, phi công Utkin là học viên xuất sắc của câu lạc bộ hàng không, — Uxcôp báo cáo. — Anh ta có mẹ và em gái ở Ximphêrôpôn... cho nên dễ hiểu rằng anh ta sẽ chiến đấu hăng...

Utkin ghé sát vào đồng chí phụ trách ban quân sự thủ thỉ nói:

— Đồng chí chính ủy trung đoàn ạ, cậu Paven, có nghĩa là phi công Uxcôp ấy, bay thì tuyệt... Hai anh cậu ta đều ở mặt trận cả... lính xe tăng... Chúng tôi đã định cứ xin vào chiến hào là đơn giản hơn cả, nhưng thế thì có nghĩa lý gì? Một mình Uxcôp ở trên không cũng sẽ tiêu diệt được nhiều địch hơn, có phải thế không, đồng chí chính ủy trung đoàn? Thật là một con tính đơn giản...

— Thừa đại tá, đồng chí chọn bất kỳ đứa nào trong bọn tôi, —

Uxcôp đứng nghiêm kết thúc, — cả hai chúng tôi sẽ chiến đấu không tiếc thân đâu.

— Như hổ ấy! — Utkin bổ sung thêm.

— Hổ nào? — đại tá cau mày hỏi.

Utkin há hốc mồm ra.

— Báo cáo đại tá, hổ thường ấy ạ...

— Thế các anh đã thấy hổ ở trên không bao giờ chưa? Nói lung tung mà chẳng hiểu gì cả...

Đại tá không còn lúc nào để tâm đến những chàng trai và lời yêu cầu của họ. Sáng nay Xavelep cùng phân đội hai không trở về sân bay, còn Pancratôp sau khi bị hai vết thương cố lắm mới lái máy bay về được. Lúc ấy là những ngày bọn phát xít mở đợt tấn công đầu tiên vào Xevaxtôpôn, và các máy bay của phi đội ngày đêm bắn phá những đoàn xe địch đi trên đường, tiêu diệt bọn địch trong chiến hào và chỉ quay về sân bay lấy thêm xăng và đạn dược mà thôi. Anh em phi công bay đi bắn phá đến năm, sáu lần trong một ngày, họ mệt lả và phi đội đã có những thiệt hại. Đại tá vừa định ra lệnh cho hai chàng thanh niên này khởi quần quanh chân thì bỗng đồng chí phụ trách ban quân sự hỏi Utkin.

— Trong lúc học ở câu lạc bộ thì các anh đã tự lái máy bay mấy lần rồi?

— Sáu lần, — cả hai cùng vội vã trả lời một lúc.

— Sáu à? — đồng chí phụ trách ban quân sự làm ra vẻ ngạc nhiên.

— Tôi cứ nghĩ là chỉ năm lần thôi. Nhưng nếu đã sáu thì cũng chẳng biết làm thế nào, cần phải nghĩ xem đã... Các anh ra ngoài đứng đợi một lúc vậy...

Đồng chí mỉm cười láu lỉnh nhìn cả hai và trái tim của hai chàng rung lên. Câu nói đùa ấy thì hiển nhiên rồi. Cả hai quay đằng sau và bước đều ra ngoài.

Họ cứ đứng im trong niềm xúc động mạnh như thế đến năm phút, chẳng nói chẳng rằng mà chỉ lau mồ hôi trên trán... Cuối cùng người ta gọi họ vào.

— Trao cho các đồng chí một máy bay, một chiếc cho cả hai người, đồng chí phụ trách ban quân sự nghiêm chỉnh nói. — Các đồng chí sẽ lần lượt thay phiên nhau, bay, rõ chứ?

— Rõ, — cả hai cùng trả lời mà không hiểu hạnh phúc đã từ đâu đến với họ. Nhưng rồi mọi việc đã được làm sáng tỏ ngay lúc ấy.

Đại tá nói rằng, đồng chí quyết định sử dụng chiếc máy bay tập «U-2» mà trước kia phi đội vẫn chỉ dùng làm liên lạc và để bay về hậu phương vào việc phục vụ chiến đấu — nó đúng loại máy bay mà hai chàng thanh niên đã tập khi còn ở câu lạc bộ. Họ được nhận nhiệm vụ bay đi ném bom và lựu đạn xuống miền hỏa tuyến của bọn Đức vào lúc ban đêm. Ngay bây giờ đồng chí phụ trách ban quân sự sẽ

cất cánh với từng người để kiểm tra trình độ bay của họ, sau đó họ sẽ được một thời gian tối thiểu để làm quen với những chuyến bay đêm rồi mới bay đi làm nhiệm vụ chiến đấu.

— Chỉ yêu cầu các anh đừng đánh nhau như hổ ở trên ấy, — đại tá kết thúc một cách lạnh lùng. — Hổ là một giống vật nhát gan. Chỉ

khi nào đối nó mới tấn công, rõ chứ?.. Giá cứ nói đơn giản rằng chúng tôi sẽ chiến đấu như những người Côm-xô-môn thì có phải rõ cả không... đằng này lại hổ với báo!..

Đôi bạn đỏ bừng cả mặt.

— Các cậu ấy cũng đọc được trong báo cả thôi, — đồng chí phụ trách ban quân sự đến gỡ bí cho họ. — Chính tôi gần đây cũng đọc thấy như thế ở đâu đấy: «Những con đại bàng dũng mãnh của chúng ta đã như hổ xông đèn đàn chó rừng phát xít...» Cứ như vườn bách thú ấy, đấy người ta viết lách thế đấy!

Đại tá phì cười — cái cười đầu tiên trong ngày — và khế đẩy đồng chí phụ trách ban quân sự ra cửa:

— Thôi, cho các con hổ của anh vào máy bay đi... Tôi sẽ đến xem...

Thời gian lúc này thật khẩn trương, bọn phát xít đã bao vây Xevaxtôpôn và mỗi máy bay đều quý, kể cả máy bay tập. Ý kiến của đồng chí phụ trách ban quân sự được đại tá tán thành và bản thân đại tá cũng dành thời giờ để cùng với «những con hổ» tập cho họ

những chuyến bay đêm. Cả hai bắt tay vào việc với một sự say mê náo nức và chẳng bao lâu chiếc máy bay tập cũ kỹ

mà trong phi đội anh em vẫn gọi là chiếc «xe kéo» hay thường gọi hơn nữa là «tiếng rên âm phủ» đã thông thả bay đi làm nhiệm vụ «bắn phá» ban đêm đầu tiên của mình. Lần ấy Uxcôp lái, còn trên chỗ ngồi thứ hai bỏ trống

kia là một dỏ đầy bom loại nhỏ, lựu đạn, «lọ cháy» và những tập truyền đơn.

Và cứ mỗi đêm cái «tiếng rên âm phủ» lại ù ì trên miền hỏa tuyến địch, thông thả, đều đặn quăng lựu đạn và bom xuống chiến hào của chúng. Tất nhiên công việc này thì không thể nào gọi là «cuộc tấn công» như Utkin và Uxcôp vẫn thường gọi những chuyến bay của họ được. Nhưng, như mọi người đều biết, một con muỗi cũng có thể là nguyên nhân của một đêm mất ngủ. Và bọn phát xít đã không ngủ, chúng lo sợ lắng nghe cái tiếng ù ì trong đêm tối và cứ thỉnh thoảng lại nhận được những quả bom và những bó lựu đạn đều đặn giở từ trên trời xuống đầu chúng.

Bây giờ cả hai «con hổ» đều hạnh phúc hết chỗ nói. Đến lần bay thứ mười thì họ được phong danh hiệu hạ sĩ và mọi việc thật tuyệt diệu biết bao nếu như không có cái câu ác nghiệt của đại tá mà không hiểu bằng cách nào đã lọt khỏi căn hầm bay khắp sân bay. Nhưng cái danh từ «những con hổ» ấy làm họ nhớ lại những ngày tưởng như đã xa lắm, khi cả hai còn là những cậu bé mồm dính hơi sữa.

Bây giờ họ đã trở thành người lớn, thành những phi công thực thụ, họ đã làm được những công việc khó khăn và nguy hiểm và cái khái niệm lãng mạn về

cuộc chiến đấu đã từ lâu được thay thế bằng một nhận thức rõ rệt rằng chiến tranh là một công việc lao động bền bỉ, căng thẳng và nguy hiểm.

Cuộc tấn công bị chặn lại, bọn phát xít cố thủ mà không tiến tiếp nữa và mỗi đêm, thay phiên nhau một trong hai người bạn lại bay lượn

trên đầu địch nhiều giờ liền chờ đợi một ngọn lửa sơ ý lóe lên trong hầm hay những ánh chớp của súng đại liên và của những tràng đạn liên thanh, để từ trên cái chiều cao tối om này ném những quả bom không lớn nhưng đầy lòng căm thù xuống đó.

Đây là một công việc thiện xạ chính xác về ban đêm. Ban ngày thì «tiếng rên âm phủ» không thể xuất hiện ở mặt trận được, nó sẽ bị máy bay

«mecsecsmit» của Đức bắn rơi ngay. Nhưng về đêm thì chiếc máy bay tập cũ kỹ được chàng thanh niên có thần kinh rắn chắc, có trái tim nồng nhiệt chứa chan lòng căm thù giặc, lái này, trở nên chủ nhân của màn tối đang bao trùm lấy chiến hào địch. Vì sợ chiếu đèn pha ở hỏa tuyến nên bọn phát xít chỉ biết bắn mò bừa bãi tốn phí rất nhiều đạn, theo tiếng động cơ máy bay mà thôi. Có lúc máy bay bị lọt vào lưới lửa đạn địch và khi ấy nó bị

những lỗ thủng trên cánh. Hai người bạn cùng nhau vá và đến đêm máy bay của họ lại quăng bom xuống một cách cù lì, chứng minh rằng trong chiến tranh mọi thứ vũ khí đều tốt, nếu như biết sử dụng nó một cách thông minh và mạnh dạn.

Tuy Uxcôp và Utkin đã chiếm được sự kính nể của mọi người, nhưng «những con hổ» vẫn cứ lẻo đẻo theo chân họ: anh em phi công thích nói đùa, chơi vui vẻ và không sử dụng cái biệt hiệu thú vị này thì là một điều không thể

được. Ở sân bay, cạnh máy bay, trong xưởng thì còn chịu được. Nhưng mà ở

nhà ăn...

— Cô Đuxia ơi, hổ đã đến, đói meo như những con đại bàng dững mãnh ấy!

— thế nào cũng có người nói khi vừa trông thấy đôi bạn ở cửa. — Chuẩn bị

phần thêm, Đuxia nhé!

Chơi thế thì thật khổ nhất hạng. Đuxia làm ở quầy phát thức ăn, là đoàn viên Côm-xô-môn — và là một cô gái khác thường, độc nhất, tuyệt vời, thông minh, nhạy cảm... nhưng thôi, kể ra làm gì: bạn hãy nhớ lại phẩm chất mà lúc còn mười chín tuổi bạn đã tìm thấy ở cô gái bạn yêu, nhưng phải nhân tất cả lên gấp đôi. Vì cả hai người đều yêu mến cô gái và tất nhiên trong câu chuyện tâm sự với nhau họ sẽ tìm thấy gấp đôi những phẩm chất tốt đẹp của cô ấy. Bởi vậy, khi cái biệt hiệu «những con hổ» đã được đưa vào lưu trữ

và ở sân bay xuất hiện một biệt hiệu mới, «hai-U-hai», thì cả hai đều cảm thấy khoan khoái: bây giờ trước mắt Đuxia họ không còn là trẻ con nữa.

Điều ấy thật rất quan trọng vì Đuxia cứ chẳng chịu hiểu cho rằng mỗi người trong đôi bạn đã từ lâu (đã là tháng thứ ba rồi) nhìn thấy cuộc sống của mình sau này mỗi cô đơn làm sao nếu như Đuxia không gắn bó số phận của cô với số phận của anh ta. Mỗi người đều suy đi nghĩ lại về vấn đề này để

quyết định dứt khoát. Chỉ có việc người nào trong đôi bạn «hai-U-hai» sẽ

được cô gái muốn chọn để gắn bó số phận mình thôi. Đôi bạn đối xử với nhau, rất ngay thẳng, không xỏ xiên. Vào «ngày nghỉ» của mình, cả hai thay phiên nhau tiễn cô về nhà và Đuxia đối với cả hai đều thân mật như nhau.

Chẳng hiểu sao đã thành lệ là trong những cuộc đi chơi ấy không ai nói về

mình mà lại chỉ nói về người bạn đang bay đi chiến đấu, hết lời ca ngợi anh ta. Và nghe những lời đó, Đuxia cảm thấy chỉ có cách là phải cống hiến trái tim mình cho cả đôi «hai-U-hai» vì trong tình trạng này thì không làm sao lựa chọn nổi. Nhưng trái tim đáng thương của Đuxia đã thầm nói cho cô biết một lối thoát: Đuxia yêu người thứ ba, anh ta không phải là phi công mà là chuẩn úy trên một

chiến hạm thỉnh thoảng mới rẽ vào Xevaxtôpôn. Trái tim của các cô gái tuổi mười tám là như thế: nó thích giấc mộng xa xôi hơn là cái thực tại gần gũi.

Người đầu tiên phải biết về chuyện này là Paven Uxcôp. Một buổi chiều

tháng chạp êm ả. Bầu không khí trong suốt và lạnh lẽo thường đối với cái xứ

Crum này, thật tươi mát và đôi má Đuxia ửng hồng như ngọn lửa. Lần đầu tiên Uxcôp muốn mở đầu câu chuyện không phải về lòng dũng cảm và những đức tính tốt đẹp của người bạn mà là về bản thân mình. Nhưng ngay sau trạm kiểm soát thẻ ra vào, anh thấy thấp thoáng một bóng người cao khoác áo choàng thủy quân đứng trong bóng tối. Đuxia khẽ reo lên rồi chạy vụt tới người lạ mặt ấy, và đôi ống tay màu đen của chiếc áo choàng khoác chặt ra sau lưng cô, che gần kín cả Đuxia khỏi tầm mắt của chàng hạ sĩ

đang sửng sốt.

Cuộc gặp gỡ nồng nhiệt như thế là lẽ tất nhiên vì đã hơn hai tuần rồi chiến hạm không về và người ta nói đủ thứ về nó.

Uxcôp bỏ chạy về phi trường. Bóng đêm đã dày đặc hơn, nhưng Utkin vẫn còn chưa cất cánh. Uxcôp giữ được mình không nói gì để khỏi làm bạn buồn trong chuyến bay chiến đấu. Khi bạn hỏi sao anh trở về sớm thế thì anh trả

lời rằng Đuxia hơi mệt nên cô đi ô tô về phố. Anh tiễn bạn bay vào không trung và ngồi lại phi trường chờ đợi.

Suốt buổi sáng không ngủ hôm sau, họ than vãn với nhau. Đến bữa cơm trưa thì cả hai đều lấy làm ngạc nhiên rằng không hiểu họ đã tìm thấy cái gì ở Đuxia? Qua việc trao đổi ý kiến họ đã hoàn toàn thấy rõ rằng cô ta chỉ là một cô gái lạnh nhạt, rỗng tuếch, tráo trở, tàn nhẫn, chẳng có gì là đặc biệt... Nhưng thôi, kể ra làm gì bạn hãy nhớ lại những phẩm chất mà bạn lúc còn mười chín tuổi đã tìm thấy

ở cô gái khi cô ta từ chối tình yêu của bạn, nhưng phải nhận tất cả lên bốn lần. Vì là hai người bị xúc phạm và mỗi người lại bị xúc phạm cho bạn mình nữa. Trái tim của những chàng trai mười chín là như thế: từ đỉnh cao vút của tình yêu nó chìm xuống đáy sâu của sự khinh bỉ.

Nhưng chẳng có lúc nào để mà đau khổ: đợt tấn công thứ hai vào Xevaxtôpôn đã bắt đầu. Điều này không được định trước trong chương trình của hai người bạn vì đại tá đã hứa trong tuần này nhân lúc đang tạm yên sẽ

huấn luyện họ bay trên máy bay chiến đấu. Bây giờ lại chẳng có lúc nào thực hiện được nữa và «hai-U-hai» lại tiếp tục thay phiên nhau bay đi bắn phá khu vực hỏa tuyến địch mà họ đã thuộc như lòng bàn tay. Và tình bạn đã được thử thách qua tình yêu lại càng gắn bó và tôi luyện trong những thử

thách của cuộc chiến tranh.

«Hai-U-hai» trở nên tượng trưng cho tình bạn bền chặt, trung thành và dũng cảm.

Vòng vây của quân phát xít ngày một thắt lại, sân bay bây giờ sát tuyến phòng ngự nên phi đội chuyển đến địa điểm mới, ngay bên bờ biển.

Đây là sân bay do bàn tay nhân dân thành phố Xevaxtôpôn xây dựng vào những ngày bị bao vây. Dưới làn đạn trọng pháo của quân địch, nhân dân Xevaxtôpôn từ lâu đã dọn dẹp sạch sẽ mũi đất nhô ra biển, đó là một bãi đá

— vị trí cuối cùng để máy bay có thể đậu nếu quân địch tiến gần tới thành phố. Nhân dân đã chuyên chở đi những phiến đá san bằng những mớ gỗ

ghè. Người ta nhặt đá xếp lên những gian hầm gỗ làm thành hầm che cho máy bay.

Cả bãi lẫn đá ở đây đều có một màu kỳ lạ — màu máu.

Ngày phi đội hạ cánh xuống sân bay là một ngày nắng sáng. Bãi đá của phi trường mới này giống như một mũi dao đỏ xuyên thẳng ra biển nước xanh ngắt của mùa đông và những hầm trú ẩn khổng lồ bằng đá hiện lên trên bãi giống như những di tích kỳ lạ của thời đại cổ xưa, chúng giống những lâu đài thời nguyên thủy do bàn tay những con người khổng lồ dựng lên. Nhưng đâu có phải những con người khổng lồ làm nên chúng, đó là công trình của những người dân Xevaxtôpôn, những người đàn ông và đàn bà, ông già và thanh niên đã xây dựng nên chúng.

Những hình dáng đen sẫm như một bóng đêm mờ ảo nhấc tới đám mây giông tố đang bao phủ thành phố — người lính. Những viên đá đỏ rực như

thấm tràn giòng máu cao thượng của những người bảo vệ thành phố và mặt trời vĩnh cửu, mặt trời bất diệt chói lọi trên bầu trời, phản chiếu trên mặt biển và soi sáng bãi đá đỏ. Mặt trời vui vẻ, ấm áp của miền Crum, mặt trời của sự nghỉ ngơi và sức khỏe bây giờ đã trở nên vị tinh tú nghiêm khắc và lạnh lùng của sự trả thù.

Cảnh phi trường kỳ lạ, cái đài kỷ niệm do những người Xevaxtôpôn đã dựng lên cho bản thân mình — đài kỷ niệm về tinh thần dũng cảm và lòng kiên trì của những con người xô-viết đã quyết tâm chiến đấu đến cùng, thật oai nghiêm, trang trọng.

Sau khi phi đội hạ cánh không bao lâu, thì một pháo hiệu đã vút lên trên phi trường. Trong các ổ đá rải rác khắp sân bay, những con ong bị động kêu vù vù. Vừa kêu chúng vừa thò những chiếc đầu bạc rộng lớn ra khỏi đồng đá và lấp lánh những đôi mắt thủy tinh như nhìn xét. Sau đó chúng kéo cả cái thân hình dài vững chãi của mình ra, đang dài đôi cánh cứng óng ánh và với tiếng

gầm gừ cầm hờn bay vút thẳng vào bầu trời xanh. Những chiếc máy bay ném bom bay đi thả bom.

Đôi bạn lần đầu tiên cùng bay trên «tiếng rên âm phủ» của mình, thèm thuồng nhìn theo và thở dài lái «lão già» về phía rìa sân bay. Vì chưa có hầm cho máy bay nên công việc đầu tiên của «hai-U-hai» là xây hầm che cho nó.

Việc chăm sóc máy bay càng làm họ gần gũi với nhau hơn, nhưng thật là lạ

vì lại chính ở đây, trên cái phi trường vinh quang này, vào những ngày căng thẳng của trận tấn công đợt hai, bộ phận «hai-U-hai» lại bị hồng một cách trầm trọng.

Đây không phải là một cuộc cãi lộn. Đây là một sự tuyệt giao. Mà khổ tâm hơn cả là chuyện ấy lại xảy ra trước mắt một đồng chí thủ trưởng quan trọng mới từ Matxcơva về.

Thiếu tướng xem xét sân bay mới, đi vòng một lượt các hầm che máy bay.

Lúc tới phi đội của đại tá, ông hỏi cái «tiếng rên âm phủ» nổi tiếng nằm ở

đâu, tin đồn về chiến công của nó đã đến tai thiếu tướng, và đôi bạn «hai-U-hai» mà mọi người coi như tấm gương của tình bạn đang làm gì. Ông ghé sát đại tá nói rằng đã đến lúc cần đề nghị khen thưởng đôi bạn mà không nên hà tiện mà giao máy bay chiến đấu cho họ.

Vừa nói chuyện các sĩ quan vừa tới hầm che. Ở đây thật im lặng, tiếng gầm rú của máy bay cất cánh cũng chỉ hơi vẳng nhẹ đến đây. Và trong cái tĩnh mịch đó thiếu tướng bỗng nghe thấy những giọng nói đầy bức tức và những lời thóa mạ.

— Mà y là thằng nịnh hót, có hiểu không? Nịnh hót và luồn lọt, rõ chứ? —

một giọng hét lên. — Vì việc ấy thì có thể quăng mà y sang một bên không tiếc gì đâu, hiểu chứ?

— Còn mày là một thằng ngốc hay ghen tị, rõ chứ? — giọng thứ hai nói át đi. — Chứ hồ dững mánh gì mày!.. Mày phát khùng một cách vô nguyên cớ!

Tao lại phải báo cáo với mày à? Tao là phi công, và người ta cử tao...

— Mày là phi công? Có mà đồ mức nước, chứ phi công gì!

— Còn mày thì chẳng đáng cả là đồ mức nước đâu! Để mày cứ đứng đấy mà chộp nhé!

Thiếu tướng bước nhanh vào góc hầm che và nghe hết chuyện xảy ra với cái

đôi «hai-U-hai» nổi tiếng.

Rõ ràng là đôi này đã tan vỡ. Hai hạ sĩ mặt đỏ bừng bừng, hung dữ đứng nhìn nhau, tay nắm chặt. Và nếu như đại tá (cố giữ để khỏi lấy tay ôm đầu vì thất vọng) không quát tên họ lên thì chắc họ sẽ đánh lộn nhau. Họ quay cả lại, thở nặng nhọc cố kìm sự bức tức của mình và đứng nghiêm.

— Chính là đôi «hai-U-hai» đấy chứ? — thiếu tướng hỏi, cổ dẫu nụ cười. —

Tình bạn trong phi đội anh cũng được đấy chứ. Thế mà cứ reo ầm lên... Đến tận Matxcova... Còn đây là những con gà trống chứ phi công gì.

Mọi người đều im lặng, chỉ có hai con «gà trống» là thở nặng nề.

— Đồng chí đại tá, đồng chí có thể giải thích được việc này chứ? Không à?..

Thế thì các hạ sĩ giải thích xem tại sao lại thế?

Utkin bước lên trước và khi anh hỏi họ kể lại thì đại tá hết sức ngạc nhiên cảm thấy đây không phải là một hạ sĩ, một người phi công

dững cảm và bình tĩnh đang đứng trước ông mà là một cậu học sinh bị một điều gì đó làm tức giận đến phát khóc. Mà quả thực những giọt lệ đã đầy trong mắt. Anh lộn xộn kể rằng đêm qua là lượt bay đi ném bom của anh, thế mà Uxcôp lại «lên đi gặp đại tá để trình bày rằng anh ta phát hiện thấy một đội súng cối của địch và tốt hơn hết là để anh ta bay vì kể bằng lời vị trí của nó thì khó, và Utkin có thể sẽ không tìm thấy — tóm lại là Uxcôp đêm qua đã bay không đúng lượt của mình... Utkin đã chịu nhin, một đêm — thì chẳng tính làm gì.

Nhưng hôm nay là lượt của anh. Thế mà Uxcôp lại đều cáng nói rằng anh ta sẽ bay vì anh ta không có lỗi gì cả khi cấp trên phân cho anh ấy bay thay Utkin... Tóm lại Uxcôp đã nịnh hót ban chỉ huy, xin xỏ để được phân công và như thế là không đúng tác phong đồng chí, không đúng tác phong Cômxômon, và như thế...

— Đủ rồi, — thiếu tướng lạnh nhạt nói. — Thôi được đại tá ạ, nếu chỉ có việc chia nhau máy bay mà họ không làm được thì thôi dứt khoát không cho họ

bay nữa. Chiến tranh mà họ tranh giành nhau...

Cả hai đều dài mặt ra, và Utkin bước thêm lên một bước.

— Thừa đồng chí thiếu tướng, đây không phải là sự tranh giành, — anh thất vọng nói. — Cho phép được báo cáo.

— Được, báo cáo đi, — thiếu tướng vẫn lạnh lùng như trước nói.

Đây không phải là lời báo cáo. Đây là tiếng kêu thiết tha của trái tim thanh niên nồng cháy. Trái tim sôi sục chiến công và hăng say chiến đấu, trái tim đầy lòng căm thù quân giặc, khát khao trả thù, trái tim bị sự bức dọc làm đốt cháy, đã bộc lộ trước những người chỉ huy với đầy đủ cái đẹp để say sưa, xúc động và hơi buồn cười nhưng có sức chinh phục. Nó còn nóng bỏng như

thanh thép vừa đổ khuôn chưa nguội, sức mạnh trong nó sôi lên, tìm lối thoát trong hành động và tất cả trong nó đều thể hiện ra ngoài:

tin thần dũng cảm, cơn giận dữ, sự bức dọc và lòng hăng say...
Tuổi mười chín! Cái lứa tuổi kỳ diệu...

Thiếu tướng lắng nghe câu chuyện nhất gừng của anh, ngắm nhìn đôi mắt anh và trong đôi mắt ấy ông đã đọc thấy nhiều hơn là những điều Utkin có thể kể. Cái sức mạnh bách thắng vĩ đại của tuổi trẻ đang nắm chắc vũ khí trong lúc giận dữ và không muốn nhường nó cho ai, đã bùng lên ngay trong trái tim ông. Ông cảm thấy mình muốn ôm chầm lấy chàng thanh niên này như đứa con trai mình và nói nhỏ vào tận tai anh ta: «Tốt lắm con ạ, tốt lắm!.. Phải nắm chặt lấy mọi cơ hội để xông ra trận, không nên nhường cho ai quyền tiêu diệt kẻ thù... Tự bản thân con hãy tiêu diệt chúng đi khi trái tim còn trẻ, khi đôi tay còn chắc... Tốt lắm, con ạ, tốt lắm!»

Nhưng ông cúi mặt xuống và trong đôi mắt của ông hình như Utkin đã tìm thấy sự thông cảm, sự thấu hiểu. Nhưng ông lại nghiêm nghị nói: Rõ rồi. Nhưng sĩ quan trẻ mà đánh nhau thì không ra làm sao cả!

Ông lặng im rồi bỗng kết thúc:

— Bây giờ giảng hòa đi. Trước mặt tôi!

«Hai-U-hai» nhìn nhau lạnh lùng. Sau một lúc đắn đo, Uxcôp giơ tay ra đầu tiên. Utkin không vội vã nắm lấy. Nhưng bộ mặt của cả hai vẫn còn cau có đến nỗi các đồng chí chỉ huy phải ngoảnh mặt đi để dấu nụ cười, còn thiếu tướng gạt tay nói:

— Thật là những con gà trống!.. Thế thì chúng tôi hãy thu hồi máy bay của các anh lại. Hãy suy nghĩ đi. Có thể rồi các anh sẽ làm hòa với nhau...

Đúng là máy bay của đôi bạn đã bị thu hồi. Nhưng thay vào đó thì mỗi người lại được nhận một máy bay ném bom, và cả hai đều có một biệt hiệu mới:

«những con gà trống». Biệt hiệu này đúng hơn vì hệ thống «hai-U-hai» bây

giờ không cần nữa: mỗi người bay trên máy bay riêng, bay cạnh nhau trong cùng một đội.

Nhưng dù sao đi nữa thì tên «hai-U-hai» đã một lần nữa được nhắc tới trên phi trường đá. Chuyện ấy xảy ra vào mùa xuân. Phía mặt trận lại im ắng, nhưng «những con gà trống» vẫn thường kỳ hàng ngày bay đi ném bom xuống chiến hào địch. Bây giờ thì họ bay cả ban ngày, khi còn mặt trời, họ

nã súng đại liên và liên thanh xuống đầu quân thù. Sau một trận bắn phá như vậy không thấy Utkin quay về.

Uxcôp báo cáo với đại tá rằng có lẽ Utkin bị trúng đạn vì máy bay của anh bốc khói và lao về phía biển. Sở dĩ Uxcôp không thể bay theo được vì còn phải yểm hộ trận phản công của ta. Anh chỉ kịp để ý thấy Utkin bay về doi đất bên trái sau độ cao 113,5 và ở đấy thì không có bọn phát xít. Nếu cho máy bay đến đấy thì có khả năng cứu được Utkin trước khi bọn phát xít mò tới.

Uxcôp còn báo cáo rằng anh biết doi đất ấy. Ở đấy chỉ có một bãi nhỏ mà cả

máy bay ném bom lẫn máy bay khu trục đều không có thể hạ cánh được.

Anh đề nghị cho bay «U-2» đi tìm Utkin vì bãi ở đấy đủ rộng để nó hạ xuống và bay lên. Đại tá cho phép.

Và chiếc máy bay cũ kỹ lại cảm thấy bàn tay của một trong những người chủ

cũ. Nó ngoan ngoãn quay đầu về phía biển. Uxcôp quyết định bay là trên mặt nước để bọn máy bay khu trục địch không thấy được. Vừa ra đến biển thì động cơ bắt đầu trục trặc, hiện tượng mà trước kia, khi máy bay còn đang trong tay họ, khi nó còn được chăm sóc chu đáo, không thể xảy ra.

Chẳng mấy chốc đã trông rõ doi đất. Không thấy có máy bay ở đấy, mà cũng chẳng thấy có người. Uxcôp đổ xuống và cho tắt động cơ, anh lắng nghe.

Màn đêm dày đặc, những vách đá cheo leo trên doi đất mới thật bí ẩn và lạnh lùng.

Anh khẽ lên tiếng:

— Utkin! Còn sống không?

Vừa lúc ấy Utkin bò ra khỏi khe núi trong bộ quần áo ướt sũng, kéo lê theo chiếc tấm bánh máy bay.

— Uxcôp?— anh hỏi. — Thế mà tao cứ nghĩ: không hiểu thằng ngốc nào lại cưỡi xe kéo đổ xuống đây. Cảm ơn nhé!

— Cảm ơn sau, quay cánh quạt đi, không có chúng ập đến bây giờ,

— Uxcôp nói vội.

— Ở đây không có ai cả. Chứ nếu có thì chúng đã xử bọn mình rồi.

Còn tao, mày thấy đấy, vẫn sống nguyên. Chỉ có là ướt đầm thôi.

Mày có hiểu không, tao lao máy bay xuống nước để chúng khỏi lấy được đấy.

Anh quay cánh quạt, nhưng động cơ vẫn không nổ.

Suốt một tiếng đồng hồ cả hai vừa nhớ lại những cố tật của động cơ

vừa vất vả với nó. Nhưng chiếc máy bay cũ kỹ mà trước đây không hề hư hỏng bao giờ có lẽ bây giờ trong tay người khác đã trở nên thế này. Mãi mà động cơ vẫn không nổ.

Họ ngồi xuống bờ. Trời đã tối. Utkin nói:

— Uxcôp này, thế thì chỉ có cách là bơi về thôi.

— Hơi xa nhỉ, — Ucxôp trả lời. — Mà nước thì lạnh.

— Ra biển anh em mình sẽ cứu. Mình có chiếc xăm đấy.

— Mà lặn đấy à?

— Ừ. Nhớ ra rồi, chiếc xăm dự trữ để ở trong buồng lái... Bơi bằng xăm thì được chứ?

— Có lẽ bơi được, — Uxcôp nói. — Nào, bơi chứ!

Họ thổi xăm phồng lên và bước xuống nước.

Nước mới lạnh làm sao, mà trước sáng thì khó lòng họ đã bơi về đến nơi. Sau khi bơi được hơn nửa tiếng Uxcôp bỗng cầu nhàu nói.

— Sao bọn mình lại không đốt «tiếng rên âm phủ» đi? Bọn phát xít sẽ chữa chạy. Muốn nói gì thì nói chứ máy ấy còn chiến đấu tốt...

Utkin cũng cầu nhàu.

— Bơi lại đi, — anh nói. — Còn lâu mới sáng, bọn mình còn kịp quay trở lại.

Và họ lại bơi vào bờ. Vừa bước ra khỏi nước họ lập tức bị rét cứng.

— Khi nó cháy thì ta sưởi ấm một lúc rồi bơi luôn, — Utkin nói và định mở khóa vòi xăng ra. Nhưng Uxcôp ngăn lại:

— Thử quay ăn may lần nữa xem sao?

Utkin quay chiếc cánh quạt và đến lần thứ tư thì động cơ nổ. Utkin vội nhảy lên buồng lái và quát inh ỏi vào tai Uxcôp.

— «Hai-U-hai» muôn năm!

— Đả đảo «gà trống»! — Uxcôp trả lời và cho nhả hết hơi.

«Tiếng rên âm phủ» bành bạch trong đêm tối và quay về phía biển.

Vừa như người thấy mùi nước, Uxcôp nhấc chiếc máy bay cũ kỹ vào không khí, kẻ làm chứng của niềm vinh quang chiến đấu, của sự

tranh cãi trẻ con và của tình bạn mới, trưởng thành, vững mạnh, tình bạn quân nhân của hai người phi công hải quân mà mỗi người vừa tròn mười chín tuổi.

Tuổi mười chín! Cái lứa tuổi kỳ diệu biết bao...

CÙNG BẠN ĐỌC

Nhà xuất bản Tiến bộ sẽ vô cùng cảm ơn các bạn nếu các bạn gửi đến chúng tôi ý kiến về nội dung cuốn sách, chất lượng bản dịch, trình bày mỹ thuật, ấn loát và những đề nghị khác của các bạn.

Địa chỉ chúng tôi:

Liên-xô, Matxcova

Giu-bôp-xki bu-lơ-va 21